

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
KHOA KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



ĐỀ TÀI

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY
TRỒNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN XÃ
MINH TIẾN, HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tên sinh viên : HOÀNG THỊ NGỌC

Chuyên ngành đào tạo : KINH TẾ

Lớp : K56 - KTA

Niên khóa : 2011 – 2015

Giảng viên hướng dẫn : ĐẶNG XUÂN PHI

HÀ NỘI - 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, số liệu và kết quả nghiên cứu trình bày trong khóa luận này là trung thực và chưa được sử dụng để bảo vệ một học vị nào.

Tôi xin cam đoan, mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện khóa luận này đã được cảm ơn và các thông tin trích dẫn trong khóa luận đều đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Sinh viên

Hoàng Thị Ngọc

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này, trong thời gian qua, tôi đã nhận được sự quan tâm giúp đỡ tận tình, tạo điều kiện về mọi mặt của các thầy cô giáo, của các tổ chức, cá nhân và của gia đình.

Ban giám hiệu, các thầy giáo, cô giáo trường Học viện Nông Nghiệp Việt Nam, quý thầy cô giáo khoa Kinh tế và phát triển nông thôn đã tận tình giảng dạy, truyền thụ kiến thức cho tôi trong những năm qua, đặc biệt là thầy giáo Đặng Xuân Phi, người đã trực tiếp hướng dẫn tôi trong suốt thời gian thực tập và hoàn thành khóa luận này.

Đảng ủy, UBND, các ngành liên quan của xã Minh Tiến, thôn trưởng 3 thôn và những gia đình đã tạo điều kiện cung cấp những thông tin theo yêu cầu điều tra thu thập số liệu.

Cảm ơn bạn bè, người thân, gia đình đã động viên, tạo mọi điều kiện giúp đỡ, là niềm khích lệ lớn lao để tôi hoàn thành khóa luận này.

Do thời gian còn hạn chế, bị chi phối nhiều công việc cùng với năng lực có hạn nên khóa luận này không tránh khỏi những khiếm khuyết. Kính mong tập thể thầy cô giáo trường Học viện Nông Nghiệp Việt Nam giúp đỡ để khóa luận này hoàn thành đạt tốt hơn.

Xin chân thành và trân trọng cảm ơn

Sinh viên

Hoàng Thị Ngọc

TÓM TẮT KHÓA LUẬN

PHẦN I: MỞ ĐẦU

Sản xuất nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, năng suất, chất lượng sản phẩm chưa cao. Vì vậy, việc nghiên cứu các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng là rất cần thiết, nhằm khai thác tiềm năng đất đai, giải quyết việc làm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Xã Minh Tiến là một vùng sản xuất trọng điểm của huyện Phù Cù, trong những năm qua cơ cấu cây trồng của xã đã có nhiều sự biến đổi. Tuy nhiên, năng suất, chất lượng sản phẩm còn thấp, vốn đầu tư hạn chế, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Xuất phát từ thực tiễn nói trên, tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “ ***Đánh giá tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế hộ nông dân trên địa bàn xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên*** ”.

Mục tiêu của đề tài là nghiên cứu đánh giá tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế hộ, phát hiện các vấn đề thực tiễn nảy sinh từ đó đề xuất những giải pháp nhằm phát triển kinh tế hộ nông dân xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên. Đối tượng nghiên cứu của đề tài là nghiên cứu tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế hộ nông dân xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên trên chủ thể các hộ nông dân và cán bộ xã. Đề tài thu thập tài liệu thứ cấp trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2014, tài liệu sơ cấp năm 2009 và 2014.

PHẦN II: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN

Đề tài có đưa ra một số khái niệm như: Cơ cấu cây trồng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và kinh tế hộ nông dân. Đặc điểm của cơ cấu cây trồng có 3 đặc điểm chính: Cơ cấu cây trồng trước hết phản ánh rõ nét đặc điểm của sản xuất nông nghiệp. Bản chất và sự biến đổi của cơ cấu cây trồng tùy thuộc vào trình độ của lực lượng sản xuất. Cơ cấu cây trồng về cơ bản phản ánh yêu cầu

của sản xuất hàng hoá và thị trường, tuân theo sự phân công lao động xã hội, tính chất chuyên môn hoá sản xuất. Có 3 yếu tố chính ảnh hưởng đến việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Yếu tố tự nhiên, yếu tố kinh tế - kỹ thuật, nhóm nhân tố chính sách vĩ mô của Nhà nước.

Đề tài có tìm hiểu về tình hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở một số nước trên thế giới như: Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ, Philipinil và một số địa phương ở nước ta như: Thái Nguyên, Hà Nam, Hải Dương, Bắc Kạn. Tình hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở nước ta được chia làm 3 giai đoạn: Trước cách mạng tháng 8 năm 1945, thời kỳ kháng chiến chống Pháp và Mỹ và từ năm 1975 đến nay.

PHẦN III: ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Minh Tiến là một xã thuộc huyện Phù Cù, là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của huyện. Diện tích đất tự nhiên của xã là 605 ha, trong đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp chiếm lớn nhất với trên 67% tổng diện tích đất tự nhiên nhưng đang có xu hướng giảm. Đất cho giao thông thủy lợi đang được đầu tư, nâng cấp thể hiện qua sự tăng nhanh về diện tích. Dân số của xã Minh Tiến năm 2014 là 5.680 người, số hộ sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn. Cơ sở hạ tầng đang được quan tâm, kênh mương kiên cố và hiện tại đang tiếp tục kiên cố hóa kênh mương nội đồng. Đề tài tiến hành điều tra 3 thôn Phạm Xá, Kim Phương, Phù Oanh và 4 xóm đại diện là xóm tây, xóm đông, xóm 2 và xóm chúc, với số lượng điều tra là 60 hộ dân và 7 cán bộ địa phương. Đề tài sử dụng các phương pháp phân tích thông tin như: phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh. Các chỉ tiêu nghiên cứu như: chỉ tiêu so sánh về kết quả, hiệu quả của một số loại cây trồng và một số công thức luân canh trước và sau chuyển đổi, chỉ tiêu về thay đổi thu nhập và mức độ đầu tư ở các hộ giữ trước và sau chuyển đổi.

PHẦN IV: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Diện tích đất canh tác của xã Minh Tiến qua 3 năm có xu hướng giảm dần, trong đó, đất lúa vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhưng lại giảm dần. Đất chuyên màu và đất trồng cây lâu năm có xu hướng tăng đều qua 3 năm. Diện tích gieo trồng cây hàng năm trên địa bàn xã có xu hướng tăng, tăng nhanh nhất là diện tích trồng đậu tương, dưa bao tử, dưa lê, bí ngô. Năng suất cây trồng đều tăng lên qua các năm, điều đáng chú ý một số loại cây trồng tuy diện tích gieo trồng giảm nhưng năng suất lại tăng lên như lúa, khoai tây. Một số công thức luân canh cho hiệu quả cao như 2 lúa – dưa bao tử, dưa bao tử – đậu tương – khoai tây, đậu tương – dưa lê – cà chua. Sau chuyển đổi, các hộ cũng đầu tư cho sản xuất nhiều hơn cụ thể là số lượng máy móc phục vụ cho sản xuất tăng lên. Đẩy mạnh việc thâm canh tăng vụ từ 2 vụ/năm lên 3 vụ/năm, vì vậy nên hệ số sử dụng đất cũng tăng lên. Năng suất của các loại cây trồng nhìn chung đều cao hơn trước, chính vì vậy mà thu nhập của các hộ cũng tăng rõ rệt. Tuy nhiên, sau chuyển đổi các khoản chi phí sản xuất đều cao hơn trước rất nhiều, trong quá trình chuyển đổi còn nhiều khó khăn. Một số giải pháp khắc phục như: giải pháp về thị trường, vật tư nông nghiệp, công nghệ, chính sách đất đai,...

PHẦN V: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng là một yêu cầu cấp thiết và khách quan phù hợp với quy luật phát triển kinh tế hiện nay. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng đã đem lại những sự thay đổi lớn trong lĩnh vực trồng trọt của xã Minh Tiến, bên cạnh đó còn tồn tại nhiều khó khăn. Đề tài có đề xuất một số khuyến nghị đối với nhà nước, địa phương và hộ nông dân.

MỤC LỤC

Lời cam đoan.....	i
Lời cảm ơn.....	ii
Tóm tắt khóa luận.....	iii
Mục lục.....	vi
Danh mục bảng biểu.....	ix
Danh mục các từ viết tắt.....	xi
PHẦN I: MỞ ĐẦU.....	1
1.1 Tính cấp thiết của đề tài.....	1
1.2 Mục tiêu nghiên cứu.....	2
1.2.1 Mục tiêu chung.....	2
1.2.2 Mục tiêu cụ thể.....	2
1.3 Câu hỏi nghiên cứu.....	3
1.4 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
1.4.1 Đối tượng nghiên cứu.....	3
1.4.2 Phạm vi nghiên cứu.....	3
PHẦN II: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN.....	5
2.1 Cơ sở lý luận về tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế hộ nông dân.....	5
2.1.1 Một số khái niệm cơ bản.....	5
2.1.2 Đặc điểm của cơ cấu cây trồng.....	7
2.1.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng.....	9
2.1.4 Vai trò của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đối với phát triển kinh tế nông hộ.....	14
2.2 Cơ sở thực tiễn.....	14

2.2.1	Tình hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở một số nước trên thế giới.....	14
2.2.2	Tình hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở Việt Nam.....	20
2.2.3	Bài học kinh nghiệm.....	31
PHẦN III: ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU		
	CỨU	33
3.1	Đặc điểm địa bàn nghiên cứu.....	33
3.1.1	Điều kiện tự nhiên	33
3.1.2	Đặc điểm kinh tế xã hội.....	37
3.2	Phương pháp nghiên cứu	44
3.2.1	Phương pháp chọn điểm nghiên cứu và chọn mẫu điều tra	44
3.2.2	Phương pháp thu thập thông tin	44
3.2.3	Phương pháp xử lý thông tin.....	46
3.2.4	Phương pháp phân tích thông tin	46
3.2.5	Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu của đề tài	47
PHẦN IV: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN		
4.1	Tình hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại xã Minh Tiến	48
4.1.1	Cơ cấu diện tích đất canh tác	48
4.1.2	Cơ cấu diện tích gieo trồng.....	50
4.1.3	Cơ cấu công thức luân canh chính của xã	55
4.1.4	Kết quả và hiệu quả kinh tế của một số cây trồng chính	57
4.1.5	Hiệu quả kinh tế của một số công thức luân canh	64
4.1.6	Tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế của hộ điều tra	66
4.2	Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở các hộ nông dân.....	79
4.2.1	Yếu tố tự nhiên.....	79
4.2.2	Yếu tố kinh tế - kỹ thuật.....	80

4.2.3	Chính sách vĩ mô của Nhà nước	85
4.3.1	Giải pháp về thị trường.....	86
4.3.3	Giải pháp về công nghệ	86
4.3.4	Giải pháp về lao động.....	86
4.3.5	Giải pháp về cơ sở hạ tầng.....	86
4.3.6	Giải pháp về đất đai.....	86
4.3.7	Giải pháp về chính sách tín dụng.....	87
PHẦN V: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ		88
5.1	Kết luận.....	88
5.2	Một số khuyến nghị.....	88
5.2.1	Đối với Nhà nước	88
5.2.2	Đối với địa phương.....	89
5.2.3	Đối với hộ nông dân	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		90
PHỤ LỤC.....		93

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1	Giá trị sản xuất ngành trồng trọt theo giá so sánh 2010 phân theo nhóm cây.....	24
Bảng 2.2	Tốc độ tăng trưởng của ngành trồng trọt phân theo nhóm cây.....	24
Bảng 3.1	Tình hình sử dụng đất của xã Minh Tiến qua 3 năm qua	35
Bảng 3.2	Tình hình dân số và lao động qua 3 năm (2012-2014).....	39
Bảng 3.3	Một số kết quả phát triển kinh tế xã hội của xã Minh Tiến qua 3 năm	42
Bảng 4.1	Cơ cấu diện tích đất canh tác xã Minh Tiến	48
Bảng 4.2	Cơ cấu cây trồng lâu năm xã Minh Tiến	49
Bảng 4.3	Cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây hàng năm của xã Minh Tiến.....	54
Bảng 4.5	Năng suất cây lương thực của xã Minh Tiến.....	57
Bảng 4.6	Năng suất một số cây thực phẩm chính của xã Minh Tiến	58
Bảng 4.7	Năng suất một số cây ăn quả chính của xã Minh Tiến.....	60
Bảng 4.8	Hiệu quả kinh tế cây lương thực của xã Minh Tiến.....	61
Bảng 4.9	Hiệu quả kinh tế một số cây thực phẩm chính của xã Minh Tiến ...	62
Bảng 4.10	Hiệu quả kinh tế một số cây ăn quả chính của xã Minh Tiến.....	63
Bảng 4.11	Hiệu quả kinh tế của một số công thức luân canh	64
Bảng 4.12	So sánh tình hình đầu tư cho sản xuất trước và sau chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở các hộ.....	68
Bảng 4.13	So sánh hiệu quả kinh tế của một số công thức luân canh trước và sau chuyển đổi của các hộ điều tra	70
Bảng 4.14	So sánh hiệu quả kinh tế của một số loại cây trồng trước và sau chuyển đổi của các hộ điều tra.....	72

Bảng 4.15	Kết quả sản xuất sau khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng của mô hình bà Đinh Thị Hằng (thôn Phạm Xá).....	73
Bảng 4.16	So sánh hệ số sử dụng đất ở các hộ điều tra	74
Bảng 4.17	So sánh thu nhập trước và sau chuyển đổi cơ cấu cây trồng của các hộ điều tra	75
Bảng 4.18	So sánh chi phí sản xuất của một số mô hình trước và sau chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở các hộ điều tra.....	77
Bảng 4.19	Ý kiến đánh giá của người dân về chuyển đổi cơ cấu cây trồng	79
Bảng 4.20	Tình hình lao động ở các hộ điều tra	80
Bảng 4.21	Thông tin cơ bản về các hộ điều tra.....	81
Bảng 4.22	Trình độ của các cán bộ địa phương.....	82
Bảng 4.23	Khối lượng giao thông thuỷ lợi nội đồng được mở rộng nâng cấp và đắp mới trong năm 2014	84
Bảng 4.24	Tình hình nguồn vốn ở các hộ điều tra	85

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCHTW	:	Ban chấp hành trung ương
CCCT	:	Cơ cấu cây trồng
CN – TTCN	:	Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp
CNH – HĐH	:	Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá
NĐ 64/CP	:	Nghị định 64/Chính phủ
NN – TS	:	Nông nghiệp – Thủy sản
TM – DV	:	Thương mại – Dịch vụ
GTNT	:	Giao thông nông thôn
CPTG	:	Chi phí trung gian
CPDV	:	Chi phí dịch vụ
GTSX	:	Giá trị sản xuất
HĐND	:	Hội đồng nhân dân
HTX	:	Hợp tác xã
KHKT	:	Khoa học kỹ thuật
KHCN	:	Khoa học công nghệ
BQ	:	Bình quân
LĐNN	:	Lao động nông nghiệp
GTGT	:	Giá trị gia tăng
UBND	:	Ủy ban nhân dân
SXNN	:	Sản xuất nông nghiệp

PHẦN I: MỞ ĐẦU

1.1 Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển nông nghiệp và nông thôn nói chung đang gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại như sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ và lệ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên. Lao động nông nghiệp vẫn chủ yếu là lao động thủ công, cơ sở vật chất kỹ thuật còn lạc hậu, trình độ lao động trong nông nghiệp chưa cao. Do đó, chưa tận dụng hết tiềm năng sẵn có của mình để sản xuất đạt hiệu quả cao. Năng suất, chất lượng nông sản còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu cải thiện đời sống nhân dân, chưa cung cấp đủ nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất hàng hóa và xuất khẩu, đặc biệt là chưa tạo nguồn tích lũy để đẩy mạnh công nghiệp hóa. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn chưa thoát khỏi thuần nông và độc canh, tình trạng thất nghiệp, nghèo đói, du canh, du cư, di dân tự do còn tồn tại, gây nhiều tác động xấu đến môi trường.

Trước tình hình đó, việc nghiên cứu các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng đã và đang được các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương rất quan tâm, nhằm khai thác tiềm năng đất đai, giải quyết việc làm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng đã chỉ rõ: “ Phát triển nông – lâm – ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế xã hội ”. Sự phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa trong quá trình CNH - HĐH đất nước. Coi đó là nhiệm vụ chiến lược có tầm quan trọng hàng đầu. Đến hội nghị lần thứ 5 BCH TW khóa IX, Đảng ta đã ra Nghị quyết về đẩy mạnh “ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với công nghiệp chế biến để tiêu thụ trên thị trường, thực hiện cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, ứng dụng các

thành tựu khoa học công nghệ trước hết là công nghệ sinh học đưa thiết bị kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào các khâu sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa thị trường”. Thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển nông nghiệp nông thôn, công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng của tỉnh Hưng Yên nói chung, huyện Phù Cù nói riêng đã có nhiều chuyển biến tích cực và là một trong những huyện có giá trị sản xuất nông nghiệp cao. Tuy nhiên, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn huyện diễn ra còn chậm, hiệu quả kinh tế mang lại chưa cao.

Minh Tiến là một vùng sản xuất trọng điểm của huyện Phù Cù. Giá trị sản phẩm nông, thủy sản chiếm hơn 52% trong cơ cấu kinh tế của xã. Trong những năm qua, cơ cấu cây trồng của xã đã có nhiều thay đổi nhưng tình trạng độc canh cây lúa vẫn còn nhiều, diện tích cây thực phẩm, cây ăn quả còn chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng diện tích tự nhiên của toàn xã. Năng suất, chất lượng nông sản còn kém, đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn; trình độ thâm canh của người dân còn thấp, vốn đầu tư còn nhiều hạn chế.

Xuất phát từ thực tiễn nói trên, tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “ ***Đánh giá tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế hộ nông dân xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên*** ”.

1.2 Mục tiêu nghiên cứu

1.2.1 Mục tiêu chung

Nghiên cứu đánh giá tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế hộ, phát hiện các vấn đề thực tiễn nảy sinh từ đó đề xuất những giải pháp nhằm phát triển kinh tế hộ nông dân xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

1.2.2 Mục tiêu cụ thể

- Góp phần hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế hộ.

- Tìm hiểu thực trạng chuyển đổi cơ cấu cây trồng và đánh giá tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế nông hộ ở xã Minh Tiến, huyện Phù Cù.

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

- Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở xã Minh Tiến.

1.3 Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu trên cần trả lời được các câu hỏi sau:

- Cơ cấu cây trồng là gì? Chuyển đổi cơ cấu cây trồng là gì? Đặc điểm, yếu tố ảnh hưởng, vai trò của chuyển đổi cơ cấu cây trồng?

- Hộ nông dân là gì? Kinh tế hộ nông dân là gì? Phát triển kinh tế hộ nông dân là gì?

- Thực trạng chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở xã Minh Tiến diễn ra như thế nào?

- Tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế hộ nông dân là gì?

- Các yếu tố nào ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng?

- Địa phương đã có những biện pháp gì nhằm thúc đẩy việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng?

1.4 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

1.4.1 Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế hộ nông dân xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên trên chủ thể các hộ nông dân và cán bộ xã.

1.4.2 Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi thời gian

+ Đề tài thu thập:

* Tài liệu thứ cấp được thu thập trong khoảng thời gian từ năm 2012

đến năm 2014.

* Tài liệu sơ cấp năm 2009 và năm 2014.

Nhằm phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu của đề tài, chúng tôi lấy mốc trước chuyển đổi cơ cấu cây trồng là năm 2009 và sau chuyển đổi là năm 2014.

+ Thời gian thực hiện đề tài: 1/2015- 5/2015.

- Phạm vi không gian

Đề tài được nghiên cứu trên địa bàn xã Minh Tiến, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

PHẦN II: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN

2.1 Cơ sở lý luận về tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế hộ nông dân

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

➤ **Khái niệm cơ cấu cây trồng**

Theo Đào Thế Tuấn (1984) thì cơ cấu cây trồng là thành phần các giống và loại cây được bố trí theo không gian và thời gian trong một vùng sinh thái nông nghiệp nhằm tận dụng hợp lý nhất các nguồn lợi về tự nhiên, kinh tế - xã hội sẵn có.

Theo Phạm Chí Thành (1996) thì cơ cấu cây trồng là tỷ lệ các loại cây trồng có trong một vùng ở một thời điểm nhất định, nó liên quan tới cơ cấu cây trồng nông nghiệp, nó phản ánh sự phân công lao động trong nội bộ ngành nông nghiệp, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của mỗi vùng, nhằm cung cấp được nhiều nhất những sản phẩm phục vụ cho nhu cầu của con người.

Theo các tác giả Lý Nhạc, Dương Hữu Tuyền, Phùng Đăng Chinh (1987) thì cho rằng cơ cấu cây trồng là thành phần và các loại giống cây trồng bố trí theo không gian và thời gian trong một cơ sở hay một vùng sản xuất nông nghiệp. Nội dung cốt lõi của cơ cấu biểu hiện vị trí, vai trò của từng bộ phận và mối quan hệ tương tác lẫn nhau giữa chúng trong tổng thể. Một cơ cấu có tính ổn định tương đối và được thay đổi để ngày càng hoàn thiện, phù hợp với điều kiện khách quan, điều kiện lịch sử, xã hội nhất định. Cơ cấu cây trồng lệ thuộc rất nghiêm ngặt vào điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và điều kiện kinh tế - xã hội. Việc duy trì hay thay đổi cơ cấu không phải là mục tiêu mà chỉ là phương tiện để tăng trưởng và phát triển sản xuất. Cơ cấu cây trồng được xác định trên cơ sở bố trí mùa vụ, chế độ luân canh cây trồng,

thay đổi theo những tiến bộ khoa học kỹ thuật, giải quyết vấn đề mà thực tiễn sản xuất đòi hỏi và đặt ra cho ngành sản xuất trồng trọt những yêu cầu cần giải quyết.

Khái niệm chuyển đổi cơ cấu cây trồng

Nguyễn Duy Tính (1995) cho rằng chuyển đổi cơ cấu cây trồng là cải tiến hiện trạng cơ cấu cây trồng có trước sang cơ cấu cây trồng mới nhằm đáp ứng những yêu cầu của sản xuất. Thực chất của chuyển đổi cơ cấu cây trồng là thực hiện hàng loạt các biện pháp (kinh tế, kỹ thuật, chính sách xã hội) nhằm thúc đẩy cơ cấu cây trồng phát triển, đáp ứng theo những mục tiêu của xã hội.

Nghiên cứu cải tiến cơ cấu cây trồng phải đánh giá đúng thực trạng, xác định cơ cấu cây trồng phù hợp với thực tế phát triển cả về định lượng và định tính, dự báo được mô hình sản xuất trong tương lai; phải kế thừa được những cơ cấu cây trồng truyền thống và xuất phát từ yêu cầu thực tế, hướng tới tương lai để kết hợp các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội (Lê Trọng Cúc, Trần Đức Viên, 1995), (Trương Đích, 1995), (Võ Minh Kha, 1990).

Khái niệm hộ nông dân

Theo Đào Thế Tuấn (1997) hộ nông dân là những hộ chủ yếu hoạt động nông nghiệp theo nghĩa rộng bao gồm cả nghề rừng, nghề cá, và các hoạt động phi nông nghiệp ở nông thôn.

Theo Lê Đình Thắng (1993) cho rằng: “ Nông hộ là tế bào kinh tế xã hội, là hình thức kinh tế cơ sở trong nông nghiệp và nông thôn ”.

Theo Frank Ellis (1988) kinh tế hộ nông dân là sản xuất của các hộ gia đình nông nghiệp, có quyền sinh sống trên các mảnh đất đai, sử dụng chủ yếu sức lao động gia đình. Sản xuất của họ thường nằm trong hệ thống sản xuất lớn hơn và tham gia ở mức độ không hoàn hảo vào hoạt động của thị trường.

Khái niệm hộ nông dân được thể hiện đầy đủ thông qua các đặc trưng của hộ nông dân nói chung. Dù ở đâu nông dân cũng gắn với đất đai và nền sản xuất tự cung tự cấp, với việc sử dụng lao động và tiền vốn gia đình là chủ

yếu. Mục đích sản xuất của hộ trước hết là phục vụ cho tiêu dùng, sau đó mới là sản xuất hàng hóa. Vì vậy, hộ nông dân là một đơn vị kinh tế nhưng vừa là một đơn vị sản xuất lại vừa là đơn vị tiêu dùng.

➤ Phát triển kinh tế hộ nông dân

Là sự thay đổi theo hướng tích cực hơn về các điều kiện sản xuất của hộ, về kết quả sản xuất làm tăng lên về thu nhập, cải thiện mức sống của hộ nông dân.

2.1.2 Đặc điểm của cơ cấu cây trồng

2.1.2.1 Cơ cấu cây trồng trước hết phản ánh rõ nét đặc điểm của sản xuất nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp luôn gắn liền với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, bởi vì cây trồng là đối tượng của sản xuất nông nghiệp. Bản thân các cây trồng là những cơ thể sống, chúng tồn tại, sinh trưởng, phát triển theo quy luật sinh học và chịu tác động trực tiếp của các yếu tố tự nhiên như đất, nước, khí hậu, thời tiết... Vì vậy cơ cấu cây trồng được hình thành trước hết không thể bỏ qua điều có tính quy luật đó. Mặt khác tính quần thể của thực vật còn biểu hiện mối quan hệ sinh học trong việc bố trí sản xuất trồng trọt. Việc xác định cơ cấu cây trồng còn phải xuất phát từ những yếu tố địa lý và tập quán canh tác cũng như trình độ phát triển dân trí. Do đó phải dựa vào cơ sở của các phương án phân vùng quy hoạch nông nghiệp nhất định là việc hình thành các vùng chuyên canh cây trồng, có khối lượng nông sản hàng hoá lớn.

Cần phải nhận thức rằng không thể dựa vào quan niệm sản xuất nhỏ, phân tán, manh mún để bố trí cây trồng một cách dàn trải, bất hợp lý mà phải dựa vào việc khai thác lợi thế của từng vùng, từng địa phương để bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý, lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm thước đo. Sản phẩm nông nghiệp nói chung và sản phẩm trồng trọt nói riêng phần lớn là sản phẩm thô, tồn tại dưới dạng nguyên liệu, vì vậy trong tổ chức sản xuất trồng trọt phải gắn liền với việc bố trí cơ cấu cây trồng với các thành tựu khoa học kỹ thuật

trong bảo quản và chế biến để nâng cao giá trị và giá trị sử dụng của sản phẩm, mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho sản xuất.

2.1.2.2 Bản chất và sự biến đổi của cơ cấu cây trồng tùy thuộc vào trình độ của lực lượng sản xuất

Cơ cấu cây trồng mang tính độc canh tự cấp, tự túc, khép kín, kém hiệu quả trong điều kiện sản xuất nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp và các ngành kinh tế khác chưa phát triển. Nông nghiệp nước ta nằm trong vùng có khí hậu đặc trưng nhiệt đới gió mùa, điều kiện khí hậu thời tiết thuận lợi cho việc gieo trồng quanh năm. Nhưng trong những năm qua, mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc bố trí hợp lý cơ cấu cây trồng, song trong suốt thời gian thực hiện cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung, việc xác định cơ cấu cây trồng luôn bị lệ thuộc bởi các yếu tố chủ quan, định trước do đó sản xuất nông nghiệp còn mang đặc trưng nền nông nghiệp kém phát triển, nhiều vùng nông thôn vẫn trong tình trạng nghèo đói.

Những năm gần đây, do thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, Nhà nước nước ta đã bước đầu khởi sắc và phát triển. Nhưng cơ bản vẫn còn mang dấu ấn của một nền nông nghiệp lạc hậu, độc canh cây lương thực. Vì vậy việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng vẫn được xem xét từng bước cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp, nhằm kết hợp chặt chẽ với điều kiện tự nhiên và lợi thế so sánh của từng vùng, từng địa phương. Mặt khác trình độ khoa học kỹ thuật cao cũng có tác động rõ rệt đến việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất trồng trọt, làm thay đổi cơ cấu cây trồng theo hướng chú trọng chất lượng và hiệu quả. Nhiều vùng chuyên canh cây trồng ở nước đã hình thành và phát triển, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và hàng hoá xuất khẩu như : chè, cà phê, cao su, mía đường, dâu tằm.v.v... Những tiến bộ của việc xác định cơ cấu cây trồng ngày càng hợp lý cũng thể hiện sự phát triển của lực lượng sản xuất trong nông nghiệp nước ta đang từng bước đạt trình độ cao hơn.

2.1.2.3 Cơ cấu cây trồng về cơ bản phản ánh yêu cầu của sản xuất hàng hoá và thị trường, tuân theo sự phân công lao động xã hội, tính chất chuyên môn hoá sản xuất.

Nhu cầu sản xuất hàng hoá và thị trường là điều kiện quyết định sự biến đổi về chất của CCCT. Suy cho cùng thì nhu cầu về nông sản và môi sinh của xã hội càng cao thì càng thúc đẩy CCCT chuyển biến theo hướng tiến bộ. Từ những đặc trưng đó đòi hỏi khi xác định CCCT cần phải dựa vào nhu cầu thị trường nông sản, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của mỗi vùng, sự phân vùng quy hoạch nông nghiệp và phương hướng phát triển nông nghiệp trong từng thời kỳ, những tiến bộ kỹ thuật và điều kiện để ứng dụng vào sản xuất. Trong nền kinh tế hàng hoá thì thị trường là nơi kết thúc quá trình sản xuất. Sản xuất cái gì, sản xuất cho ai và sản xuất như thế nào đều do thị trường quyết định.

Trong quá trình tổ chức sản xuất ngành trồng trọt thì việc xác định CCCT tuân theo nguyên lý đó. Quá trình tái sản xuất trong nông nghiệp tuy diễn ra chậm chạp nhưng nó tuân theo những quy luật kinh tế khách quan vừa đảm bảo thu hồi vốn, vừa tiếp tục tái sản xuất mở rộng. Người nông dân chỉ có thể sản xuất cái mà thị trường cần chứ không phải cái mà họ có sẵn. Khi một loại nông sản nào đó thị trường không chấp nhận sẽ dẫn đến ứ đọng và ế thừa, không tiêu thụ được hoặc tiêu thụ với giá rẻ không đủ bù đắp chi phí đã bỏ ra. Bởi vậy, trong lĩnh vực trồng trọt, việc xác định CCCT trước hết phải tìm hiểu nhu cầu thị trường cả trong nước và ngoài nước về số lượng và chất lượng, chủng loại, giá cả. Trên cơ sở đó mà có sự bố trí sắp xếp sản xuất hợp lý đáp ứng nhu cầu thị trường, thúc đẩy nhanh quá trình tái sản xuất mở rộng.

2.1.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng

2.1.3.1 Yếu tố tự nhiên

Sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng rất lớn đến điều kiện tự nhiên, sản xuất chủ yếu ở ngoài trời nên điều kiện tự nhiên quyết định rất lớn đến

năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh của ngành nông nghiệp.

+ Vị trí địa lý: Đóng vai trò quan trọng trong việc bố trí cây trồng của đơn vị sản xuất, đồng thời là cơ sở để xác định lợi thế so sánh của đơn vị sản xuất, kinh doanh; khi tiến hành định hướng sản xuất để có hiệu quả như mong muốn cần phải chọn sản xuất cây gì, giống nào, cung cấp cho thị trường nào đều phải dựa vào vị trí địa lý nơi sản xuất như những vùng đất trung tâm thị xã, thị trấn ... có thể bố trí những cây trồng mang tính truyền thống, cây phục vụ cho nhu cầu về lương thực, thực phẩm và những cây đặc sản. Còn những nơi xa trung tâm thì bố trí các loại cây lâu năm, cây nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến, để tạo ra sản phẩm phục vụ cho ngành công nghiệp, cung ứng cho thị trường, chuyển dịch cơ cấu cây trồng từng bước tạo điều kiện thuận lợi cho công tác nghiên cứu KHKT, phát triển ngành nghề chế biến.

+ Đất đai: Là tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thay thế được trong sản xuất nông nghiệp. Khi được sử dụng đất đai hợp lý thì ngày càng làm tăng độ phì của đất, tức là khi bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý sẽ cải tạo đất, làm cho đất màu mỡ góp phần đem lại hiệu quả kinh tế cao trên một đơn vị diện tích. Tùy vào điều kiện địa hình, độ dốc, thành phần cơ giới, độ phì của đất để bố trí cây trồng cho phù hợp. Mỗi loại cây có đặc điểm sinh trưởng riêng. Do vậy ta phải bố trí các loại cây trồng thích hợp, không nên bố trí các loại cây trồng có tác dụng làm xấu đi thổ nhưỡng của đất, nhằm bảo vệ và cải tạo đất để có hướng sản xuất bền vững.

+ Thời tiết, khí hậu: Là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt trong trồng trọt, vì nó được tiến hành sản xuất ngoài trời nên thời tiết khí hậu mang tính quyết định lớn cho năng suất của cây trồng. Chính dựa vào yếu tố này mà sinh ra tính thời vụ của cây trồng, nắm vững được yếu tố này để bố trí các loại cây trồng và công thức luân canh phù hợp giảm được thiệt hại do thiên tai gây ra nhằm làm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, đồng thời nâng cao hiệu quả kinh tế. Ngày nay, mặc dù trình

độ KHKT đã có những bước tiến vượt bậc nhưng cũng chỉ khắc phục được phần nào chứ không hoàn toàn làm chủ về yếu tố tự nhiên.

2.1.3.2 Về yếu tố kinh tế - kỹ thuật

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng không những phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên mà nó còn phụ thuộc vào nhân tố kinh tế - kỹ thuật như:

+ Nhân tố lao động: Lực lượng lao động là yếu tố hết sức quan trọng quyết định đến mọi quá trình trong sản xuất, kinh doanh, là động lực thúc đẩy, tạo ra của cải vật chất cho xã hội, bất kỳ một hoạt động sản xuất, kinh doanh nào cũng cần đến lao động, đặc biệt là trong sản xuất nông nghiệp, bởi con người là nhân tố quyết định các phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng phải dựa vào trình độ dân trí, khả năng cơ giới hóa, đến phân công, bố trí lực lượng lao động cho phù hợp. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhanh hay chậm; tổ chức sản xuất kinh doanh, có năng suất, chất lượng đem lại hiệu quả kinh tế cao đều phụ thuộc vào nhân tố con người. Quá trình chuyển đổi CCCT ở một vùng diễn ra nhanh hay chậm tùy thuộc vào nhiều yếu tố trong đó phải kể đến sự tác động trực tiếp và rất quan trọng của chủ thể lãnh đạo. Những chủ thể đó hoàn toàn có thể chủ động cho quá trình chuyển đổi diễn ra nhanh hơn theo hướng vì lợi ích của chính con người và xã hội.

+ Vốn: Cùng với nhân tố lao động, thì nhân tố về vốn cũng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần vào việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trong lĩnh vực trồng trọt. Thực tế hiện nay, đời sống nhân dân đã có nhiều cải thiện nhưng vẫn nằm trong điều kiện chung đó là thiếu vốn để tổ chức sản xuất, kinh doanh, thiếu vốn cho mở rộng phát triển ngành nghề, dịch vụ và nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, ảnh hưởng lớn cho đầu tư tái mở rộng sản xuất. Điều này đã kìm hãm tốc độ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nông dân thiếu vốn dẫn đến sản xuất, kinh doanh, mang tính tự cung, tự cấp, hàng hóa sản xuất ra chất lượng và hiệu quả kinh tế thấp, khó cạnh tranh trên thị trường. Đứng

trước tình hình đó, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cho người nông dân để sản xuất, như hỗ trợ về tập huấn, nâng cao trình độ bằng công tác khuyến nông, khuyến lâm, cho vay vốn với lãi suất thấp, trợ giá nông sản phẩm, miễn thu thuế nông nghiệp. Nhưng đối với thực tế thì các chính sách đó chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

+ Cơ sở hạ tầng: Là nhân tố quan trọng trong sản xuất nông nghiệp có cơ sở hạ tầng tốt sẽ tạo điều kiện đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Hệ thống cơ sở hạ tầng như giao thông tốt sẽ thuận lợi cho giao lưu vận chuyển hàng hóa, hệ thống thủy lợi là nhân tố đóng góp có hiệu quả trong việc bố trí cây trồng và tạo điều kiện bảo vệ môi trường sinh thái, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt và cho sản xuất nông nghiệp. Xây dựng và nâng cấp hệ thống thủy lợi là một trong những giải pháp kỹ thuật không thể thiếu của công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng .

+ Thị trường: Trong nông nghiệp, thị trường đóng vai trò quan trọng, bởi hiện nay quá trình sản xuất chú trọng đến việc tạo ra hàng hóa nông sản, thị trường vừa là trung gian, vừa mang tính định hướng trong sản xuất, người sản xuất phải luôn luôn nghĩ sản xuất cây gì? bán ở đâu? và bán cho ai? để có hiệu quả kinh tế cao nhất hoặc sản xuất ra cái gì mà thị trường cần chứ không phải sản xuất ra cái mình có. Hiện nay, cả thị trường đầu vào và đầu ra của sản xuất nông nghiệp đã hình thành thì quan hệ thị trường từng bước được mở rộng nó có tác động lớn đến việc sản xuất hàng hóa cho nên cần phải có những thông tin kịp thời về thị trường để người sản xuất quyết định sản xuất số lượng, chất lượng chủng loại sản phẩm mà thị trường đang yêu cầu, từ đó bố trí sản xuất cơ cấu cây trồng hợp lý, cung ứng sản phẩm đáp ứng kịp thời cho thị trường.

Tuy nhiên nền sản xuất nông nghiệp thiếu thông tin về thị trường, người sản xuất mang tính thụ động, và mang tính may, rủi thì hiệu quả không

cao, trong sản xuất nông nghiệp, sản phẩm còn mang tính chất tươi sống khó bảo quản, yêu cầu tiêu thụ kịp thời trong một thời gian ngắn như vậy thiếu hụt thông tin về thị trường sẽ làm bất lợi cho nông dân và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng hóa nông nghiệp.

+ Khoa học công nghệ dịch vụ: Trong thời đại ngày nay, các tiến bộ KHKT đang phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là công nghệ sinh học tiên tiến trên thế giới đã sản xuất các loại giống cây trồng mới với thời gian sinh trưởng ngắn, cho năng suất cao có khả năng chống chịu sâu bệnh .

Tiếp thu ứng dụng KHKT của thế giới để vận dụng vào việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở Việt Nam, đồng thời phải chuyển giao KHCN đến người dân bằng cách tập huấn nâng cao trình độ người lao động; phát triển hệ thống dịch vụ nông nghiệp vừa cung cấp kịp thời giống và các loại vật tư phục vụ cho sản xuất, vừa bảo đảm giá trị các sản phẩm của nông nghiệp, vừa làm động lực cho sự phát triển sản xuất.

2.1.3.3 Nhóm nhân tố chính sách vĩ mô của Nhà nước

Đây là những chủ trương, chính sách của Nhà nước trong quản lý, điều tiết nền kinh tế. Thực tế cho thấy khi nhà nước có chính sách đúng sẽ là động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh mẽ và ngược lại, nếu nhà nước ban hành một chính sách không phù hợp với thực tế khách quan thì sẽ làm kiềm hãm sự phát triển của xã hội. Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương chính sách đúng đắn trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu cây trồng như: ND 64/CP của Chính phủ về giao ruộng đất đến hộ nông dân, chủ trương chuyển đổi đất, dồn điền, đổi thửa từ ô nhỏ đến ô thửa lớn để đầu tư thâm canh sản xuất; chính sách tín dụng miễn thuế nông nghiệp của nông dân, những chính sách đó đã góp phần tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp phát triển, thu được nhiều kết quả; đặc biệt là việc chú trọng đến việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

2.1.4 Vai trò của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đối với phát triển kinh tế nông hộ

- Chuyển đổi CCCT là ước nguyện của những người nông dân mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm, mong muốn làm giàu trên đồng ruộng quê hương.

- Tạo điều kiện cho người sản xuất tiếp cận và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ sinh học vào trong sản xuất. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất và năng suất cây trồng.

- Chuyển đổi CCCT làm thay đổi tập quán canh tác bố trí cây trồng hợp lý khai thác tiềm năng và thế mạnh của vùng. Nếu không chuyển đổi cơ cấu trong ngành trồng trọt thì sản xuất hàng hóa nói chung vẫn trong tình trạng manh mún, không ổn định, đa số người nông dân và người sản xuất hàng hóa nông nghiệp mới chỉ cung cấp cho thị trường những sản phẩm mà họ có hơn là việc đáp ứng nhu cầu thị trường và yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

- Các hộ có khả năng tích lũy vốn có điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, tái cơ cấu, đầu tư, mua sắm tư liệu sản xuất phục vụ cho quá trình tái sản xuất, từ đó nâng cao thu nhập cho hộ.

- Giúp người dân nâng cao nhận thức về ý thức, trách nhiệm bảo vệ sản phẩm của mình cũng như việc áp dụng kiến thức khoa học kỹ thuật về chuyển đổi cơ cấu giống, cơ cấu cây trồng, cơ cấu thời vụ, kỹ thuật thâm canh giống cây trồng mới, từng bước thay đổi nhận thức của người dân trong sản xuất hàng hóa gắn với thị trường.

2.2 Cơ sở thực tiễn

2.2.1 Tình hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở một số nước trên thế giới

Trung Quốc: Là một nước nông nghiệp lớn trên thế giới, Trung Quốc luôn coi nông nghiệp là cơ sở của nền kinh tế quốc dân “ nhiệm vụ hàng đầu đặt ra là tập trung mọi tinh lực làm cho nền nông nghiệp lạc hậu mau chóng phát triển”, trong sản xuất nông nghiệp, lương thực được chú trọng đặc biệt với quan điểm “ phi lương bất ổn”. Trung Quốc đã tác động nhiều biện pháp

để ổn định diện tích gieo trồng lương thực, nâng cao sản lượng trên một đơn vị diện tích bằng con đường thâm canh, chủ trương xây dựng các vùng lương thực hàng hoá trọng điểm có sự hỗ trợ của Nhà nước ... Chính vì vậy, Trung Quốc đã từng bước thoát khỏi tình trạng trì trệ của những năm trước đây, giải quyết nạn thiếu đói triền miên của nhân dân.

Căn cứ vào đặc điểm và lợi thế so sánh về điều kiện tự nhiên, tập quán canh tác, trình độ kỹ thuật và thị trường, Chính phủ Trung Quốc tiến hành quy hoạch phát triển ba vùng nông nghiệp chính là: Vùng phát triển sản xuất, chế biến cây lương thực ở các tỉnh nội địa; vùng phát triển chăn nuôi và trồng cây chuyên canh ở phía Tây; vùng nông nghiệp dành cho xuất khẩu ở phía Đông. Mục đích của quy hoạch là " không chỉ đáp ứng nhu cầu hiện có của thị trường mà còn mở rộng thị trường nông sản trong và ngoài nước ".

Năm 1999, diện tích gieo trồng của Trung Quốc là 157 triệu ha. Trong đó, diện tích trồng cây lương thực là 113 triệu ha, cây thương phẩm 37 triệu ha và các cây trồng khác là 7 triệu ha. Để nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt, Trung Quốc tập trung chuyển từ cơ cấu hai loại cây trồng chính là cây lương thực và cây thương phẩm sang cơ cấu ba loại cây trồng: Cây lương thực, thương phẩm và nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi. Mục tiêu chuyển đổi cơ cấu trong ngành trồng trọt Trung Quốc là giảm dần tỷ trọng cây lương thực, mở rộng diện tích trồng cây thương phẩm, cây ăn quả ... làm nguyên liệu cho ngành chế biến thực phẩm và chế biến thức ăn gia súc, chuyển dần ưu thế ngành trồng trọt sang cung cấp nguyên liệu cho chế biến và chăn nuôi.

Với chính sách phát triển nông nghiệp toàn diện, hàng trăm triệu hộ nông dân Trung Quốc đã chuyển từ trạng thái kinh tế tự cung, tự cấp sang nền kinh tế hàng hoá; nông nghiệp phát triển khá ổn định đã tạo điều kiện cho sự phát triển chung của nền kinh tế quốc dân.

Thái Lan: Trong những năm 60 của thế kỷ XX Thái Lan vẫn là nước lạc hậu, yếu kém về nông nghiệp và công nghiệp, trên 90% dân số là nông

dân nên họ đã chọn công nghiệp hoá làm con đường để thúc đẩy nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển. Vào thời gian đầu, Thái Lan chọn mô hình công nghiệp hoá đô thị và tập trung xây dựng một số ngành công nghiệp trọng yếu như: Động lực, dầu hoả, sản xuất tư liệu sản xuất ... Đi theo hướng này chẳng những nền kinh tế không phát triển mà còn lâm vào tình trạng trì trệ, nông nghiệp vẫn lạc hậu, què quặt phân tán. Trước tình hình trên với quan điểm nông thôn là xương sống của đất nước, Thái Lan đã chuyển hướng chiến lược, công nghiệp hoá đô thị đã chuyển sang đa dạng hoá nền kinh tế, đa dạng hoá cả đô thị và nông thôn, cả nông nghiệp và công nghiệp đều hướng về xuất khẩu. Thực hiện phát triển nông thôn theo hướng đa dạng hoá đã tác động trực tiếp đến quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và nông thôn. Trong phát triển nông nghiệp, chú trọng đa dạng hoá các loại cây trồng, vật nuôi, đa dạng hoá sản phẩm, nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến.

Các hệ thống đa dạng hoá cây trồng ở Thái Lan:

Do có nhiều vùng sinh thái nông nghiệp khác nhau nên các hệ thống canh tác điển hình ở mỗi vùng của Thái Lan rất đa dạng.

Miền Bắc: Ở vùng núi miền Bắc, hệ thống canh tác điển hình là lúa cạn, cây trồng xen canh là đậu nành, ngô, đậu xanh, bông, cao lương ... (các cơ cấu luân canh như: ngô - đậu xanh, đậu xanh - bông, ngô - cao lương, v.v.) và các loại cây ăn quả như vải, nhãn, xoài, v.v. Ngoài ra, các cây hàng năm, rau và hoa cũng được trồng xen trong các vườn cây ăn quả.

Ở đồng bằng, do chỉ có 10% diện tích đất được tưới tiêu nên vào mùa mưa chủ yếu trồng lúa. Mùa khô có thể trồng lúa hoặc đậu nành, đậu xanh, lạc, thuốc lá, ngô hạt ngọt, ngô bao tử, hành, tỏi, cà chua, dưa hấu, v.v..

Vùng Đông Bắc: Đối với các khu đất đai khô cằn, nhiều cát sỏi, nông dân trồng lúa một vụ trong năm, kết hợp trồng các loại cây phù hợp với đất khô như sắn, đậu và dâu nuôi tằm.

Với vùng đất thấp có hệ thống tưới tiêu, mùa mưa người nông dân

trồng lúa còn mùa khô trồng lúa hoặc đậu nành, đậu xanh, lạc, đay, vừng và một vài loại rau.

Vùng Đồng bằng miền Trung: Ở những vùng có hệ thống tưới tiêu, lúa được trồng vào mùa mưa; mùa khô trồng lúa hoặc đậu nành, đậu xanh, lạc, khoai lang, dưa hấu, vừng và một vài loại rau như ngô hạt ngọt, ngô bao tử, đậu hạt dài, bí ngô, dưa chuột, ... Trên các vùng cao miền Trung, các hệ thống canh tác chủ yếu là kết hợp xen canh ngô - cao lương, vừng - đậu xanh, đậu xanh - ngô, ... Tuy nhiên, các hệ thống trồng trọt điển hình của vùng này vẫn là các hệ thống dựa chủ yếu vào lúa gạo hoặc các cây hàng năm.

Miền Nam: Ở những vùng thấp, vào mùa mưa người nông dân trồng lúa, mùa khô trồng lúa hoặc dưa hấu, lạc, đậu xanh, ngô hạt ngọt, khoai sọ, ... Hầu hết các đồn điền cao su được trồng xen lúa cạn, ngô hạt ngọt, lạc, dứa, chuối và các cây hàng năm khác. Các cây ăn quả và cây lâu năm khác như dứa, chôm chôm, măng cụt, sầu riêng, nhãn, cọ lấy dầu, cà phê, ca cao ... được trồng lẫn và xen canh với các loại cây trồng như trong các hệ thống trồng trọt dựa chủ yếu vào cao su.

Đến nay, kinh tế nông thôn Thái Lan đã có sự phát triển nhanh theo hướng sản xuất và xuất khẩu ngày càng nhiều nông sản hàng hoá, các vùng chuyên canh lớn được hình thành, các khu công nghiệp chế biến xuất khẩu cũng được phát triển. Với chủ trương phát triển nông nghiệp đa dạng gắn với công nghiệp chế biến hướng về xuất khẩu nên nông sản hàng hoá rất được thị trường quốc tế ưa chuộng. Thái Lan đã trở thành nước đứng đầu thế giới về xuất khẩu gạo, sắn, cao su, là nước đứng thứ ba về xuất khẩu đường. Ngoài ra Thái Lan còn xuất khẩu một khối lượng lớn hàng hoá nông sản thực phẩm chế biến như: Nước dứa, rau, quả tươi, mực, tôm đông lạnh ...

Ấn Độ: Nhờ điều kiện khí hậu đa dạng nên Ấn Độ trồng được nhiều loại cây, phân thành hai nhóm chính là cây lương thực và công nghiệp. Hơn 50 năm trước, do dân số lớn và trải qua thời kỳ thiếu lương thực, nên an ninh

lượng thực là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của chính phủ Ấn Độ. Suốt giai đoạn 1967-1976, nhờ mở rộng hệ thống tưới tiêu, áp dụng công nghệ của cuộc cách mạng xanh, và áp dụng các chính sách khuyến khích sản xuất lượng thực nên diện tích lương thực tăng đáng kể.

Kể từ thập kỷ 80, khi an ninh lương thực quốc gia đảm bảo thì các chính sách phát triển nông nghiệp của chính phủ Ấn Độ chuyển sang đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đa dạng hoá sản xuất, phát triển nhiều cây trồng ngoài lương thực.

Ở Ấn Độ, không chỉ có quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ cây lương thực sang các loại cây công nghiệp, cây thương phẩm mà còn là quá trình chuyển dịch trong bản thân nội bộ từng nhóm cây trồng. Đối với cây lương thực, Ấn Độ chuyển từ các loại cây trồng phẩm cấp và giá trị kinh tế thấp như cây kê, ngô sang các loại cây trồng cho giá trị kinh tế cao hơn như lúa gạo, lúa mì. Đối với các loại cây có dầu, mặc dù lạc vẫn là cây trồng chính nhưng các loại cây khác có giá trị cao hơn đã phát triển mạnh như hạt cải dầu, đậu tương, mù tạc.

Hiện nay, Ấn Độ đứng thứ nhất thế giới về sản lượng lúa mì, trái cây, hạt điều, sữa và chè, đứng thứ hai về rau và quả. Về thương mại, Ấn Độ đứng đầu về xuất khẩu các loại gia vị, hạt điều và là nước xuất khẩu lớn trên thế giới về lạc, chè...

Philippin: Nền kinh tế Philippin phụ thuộc rất lớn vào nông nghiệp. Năm 1998, dân số Philippin là 73 triệu người trong đó có khoảng 29 triệu người sống bằng sản xuất nông nghiệp. Tổng diện tích đất trồng trọt của Philippin năm 1998 là 11,6 triệu ha, trong đó diện tích lúa gạo và ngô chiếm 5,5 triệu ha. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Philippin là dứa, đường, dứa, chuối, cà phê và xoài. Mặc dù lúa, ngô chiếm tỷ trọng lớn trong tổng diện tích đất nông nghiệp nhưng Philippin vẫn phải nhập khẩu nông sản.

Những năm qua do quá trình đô thị hoá và công nghiệp hoá cùng với áp

lực tăng dân số đã làm giảm diện tích đất trồng trọt của Philippinl. Chính phủ Philippinl đã triển khai hàng loạt chính sách nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp, trong đó chuyển đổi cơ cấu cây trồng chiếm một vị trí quan trọng. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng sẽ giúp tối đa hoá hiệu quả sử dụng đất đai, tăng năng suất lao động và thu nhập của các hộ nông dân. Tại Philipinl, quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng diễn ra chủ yếu trên đất trồng lúa và trồng dứa.

- Trên đất trồng lúa: Đối với Philippinl, ngô, thuốc lá, các loại cây họ đậu là những cây trồng chính luân canh với lúa. Trong giai đoạn 1991-1995, ở các vùng đất thấp chủ yếu dựa vào nước mưa áp dụng các hệ thống canh tác chính là: Lúa - ngô, lúa - tỏi, lúa - ớt ngọt, lúa - rau đậu. Trong những năm gần đây hệ thống đa dạng hoá trên đất trồng lúa của Philipinl lại thay đổi. Theo điều tra của Viện Nghiên cứu Lúa gạo Philipinl, trong 2 năm gần đây, có sáu hệ thống canh tác chính trên đất trồng lúa là: Lúa - lúa, lúa - rau, lúa - cá, lúa - ngô, lúa - cây họ đậu và loại khác.

- Trên đất trồng dứa: Dứa có thể trồng xen một hay một số loại cây. Có nhiều loại cây có thể trồng dưới tán cây dứa gồm cây lâu năm như: Cà phê, ca cao, chuối sọt và cây ăn quả khác; cây hàng năm như ngô, lạc, khoai lang, dứa, dong, gai và các loại rau. Đây chính là hệ thống canh tác đa tầng rất phổ biến trong chiến lược đa dạng hoá của Philipinl. Hệ thống canh tác này gồm ba cấp: Trên cùng là dứa, ở tầng giữa là các cây lâu năm và tầng cuối là các cây hàng năm có tốc độ phát triển chậm.

Ngoài việc thực hiện đa canh cây trồng trên đất canh tác lúa và dứa, Philipinl còn có kế hoạch thực hiện một số chương trình đa dạng hoá trên đất trồng ca cao, cà phê và cao su.

Tóm lại, trong những năm qua, cùng với sự phát triển về sản xuất nông nghiệp, và tăng trưởng về mức sống, nhiều nước trên thế giới đã đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng và đa dạng hoá sản xuất, cố gắng phát huy lợi thế so sánh, chấp nhận nhập khẩu nguyên liệu và các mặt hàng sản xuất không có

lợi thế để tập trung sản xuất thật hiệu quả một số mặt hàng xuất khẩu có khả năng cạnh tranh với khối lượng lớn. Xu thế chung là:

- Chuyển từ sản xuất lúa sang trồng rau màu và cây ăn quả.
- Chuyển từ trồng lúa sang trồng cây công nghiệp dài ngày.
- Chuyển từ độc canh lúa sang luân canh màu trên nền lúa.
- Chuyển từ trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản.
- Chuyển từ trồng cây dài ngày như cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày sang trồng xen canh giữa cây ngắn ngày và cây dài ngày.
- Chuyển từ cây trồng có giá trị thấp và bị giảm giá trên thị trường sang cây trồng có giá trị cao và ổn định về thương mại.

2.2.2 Tình hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở Việt Nam

2.2.2.1 Thực trạng chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở Việt Nam

** Trước cách mạng tháng 8 năm 1945*

Cơ cấu cây trồng ở nước ta nhìn chung rất lạc hậu, thời kỳ này do dân số ít, đất đai không ở mức hạn hẹp, hình thức sản xuất chủ yếu là khai phá, lập ấp, xây dựng trại, mở mang đồng ruộng và canh tác chính là trồng lúa một vụ, sản xuất tự nhiên, tự cấp tự túc. Năng suất lúa rất thấp 10-13 tạ/ha, diện tích trồng lúa chiếm tới 90% tổng diện tích gieo trồng.

** Thời kỳ kháng chiến chống Pháp và Mỹ*

Thời kỳ này về cơ bản nông nghiệp vẫn còn rất lạc hậu, nhiệm vụ sản xuất chủ yếu là tập trung giải quyết lương thực để phục vụ cho chiến đấu. Cơ cấu cây trồng cũng chủ yếu thiên hướng phát triển các loại cây lương thực gồm lúa và hoa màu, chú ý đến số lượng xem nhẹ chất lượng. Tuy nhiên trong cơ cấu tổ chức bước đầu cũng hình thành những vùng chuyên canh như những vùng cây ăn quả ở Nghệ An, vùng chè ở một số tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, vùng rau quanh các thành phố lớn Hà Nội, Hải Phòng. Trong sản xuất cũng đã được bước đầu áp dụng những thành tựu về KHKT, đặc biệt là thâm canh cây trồng như giống mới, phân bón, chế độ tưới tiêu. Năng suất

cây trồng từ đó đã tăng lên và có nhiều tiến bộ. Miền Bắc cũng đã làm tốt nhiệm vụ là hậu phương cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước toàn thắng.

** Từ năm 1975 đến nay*

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước, công tác quy hoạch nông nghiệp đã được tập trung đầu tư và được đặt ra là nhiệm vụ hàng đầu trong kế hoạch khôi phục và phát triển nông nghiệp trên phạm vi cả nước. Việc nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm từng bước phá thế độc canh cây lúa đã được triển khai và thu được nhiều kết quả tốt. Hàng loạt các tiến bộ kỹ thuật mới trong nông nghiệp được áp dụng rộng rãi ở hầu hết các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Tác dụng của các cây trồng mới, các biện pháp thâm canh và một số chính sách kinh tế ngày càng được nhiều địa phương, nhiều hộ nông dân và các tổ chức kinh tế hợp tác xã, nông trường quốc doanh khẳng định.

Sự hình thành các vùng chuyên môn hóa khá rõ nét, chẳng hạn vùng cây lương thực tập trung ở hai vùng trọng điểm là đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long. Cho đến nay việc phát triển sản xuất lương thực ở hai vùng này đã đảm bảo đủ lương thực và còn phần dự trữ và xuất khẩu hàng triệu tấn gạo/năm. Ngoài việc tập trung cho vấn đề lương thực, trong những năm gần đây Đảng và Nhà nước cũng đồng thời đẩy mạnh việc phát triển sản xuất các cây công nghiệp, cây ăn quả và các loại rau thực phẩm. Bước đầu tạo ra số lượng nông sản xuất khẩu hàng năm cho đất nước và giải quyết nguyên liệu cho công nghiệp chế biến trong nước phát triển. Cả nước đã hình thành những vùng chuyên canh quan trọng như chè, cà phê, cao su, mía, quế, dâu tằm, đường, điều, cam quýt... Trong những năm gần đây, cơ cấu cây trồng đang có sự chuyển hướng mạnh mẽ phá thế độc canh sản xuất lương thực, trong đó chủ yếu là lúa nước sang phát triển đa canh với nhiều nông sản hàng hoá và hàng hoá xuất khẩu có giá trị kinh tế cao.

Mỗi vùng trong cả nước có những cơ cấu sản xuất và quá trình chuyển dịch cơ cấu mang tính đặc thù.

Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long: có các mô hình canh tác chủ yếu đạt giá trị sản xuất trên 50 triệu đồng/ha/năm như:

- + Chuyên canh cây ăn quả, cây ăn quả đặc sản: 1.236.500 ha
- + Luân canh lúa mùa: 40.000 ha
- + Luân canh lúa – thủy sản: 11.000 ha

Vùng Duyên hải miền trung: công thức luân canh cây trồng đạt giá trị sản xuất trên 50 triệu đồng/ha/năm:

- + Lúa đông xuân – dưa hấu xuân hè – ngô thu đông: 55 – 65 triệu đồng.
- + Rau chuyên canh 100 – 170 triệu đồng.

Vùng đồng bằng Sông Hồng: các cánh đồng đạt giá trị sản xuất 50 triệu đồng/ha/năm.

+ Trên đất chuyên màu làm 4 – 5 vụ/ năm đạt giá trị sản xuất 60 – 70 triệu đồng/ha/năm.

+ Trên đất chuyên lúa đã chuyển sang nuôi trồng thủy sản và các cây trồng có giá trị hàng hóa cao, phát triển chăn nuôi hàng hóa và phát triển hệ thống VAC bền vững đạt giá trị sản xuất 50 – 60 triệu đồng/ha/năm.

+ Trên đất 2 lúa: 2 lúa – 1 màu, 2 lúa – 2 màu, 1 lúa – 3 màu, tăng 1– 2 vụ đông có thể đạt 50 triệu đồng/ha/năm.

+ Đất chuyên trồng hoa, cây cảnh: giá trị sản xuất đạt 150 – 200 triệu đồng/ha/ năm.

Sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng như trên cho thấy trong sản xuất lương thực, thực phẩm đang có sự dịch chuyển mạnh từ nền sản xuất nông nghiệp tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hoá, đa dạng hơn về sản phẩm, chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường. Tuy nhiên việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng ở nước ta vẫn còn chậm; tự phát, ô ạt chưa có những kết quả vững chắc trước những thử thách của cơ chế thị trường, nhiều loại cây trồng phát triển

không ổn định, tỷ trọng sản xuất lương thực còn quá lớn trong khi đó tỷ trọng cây rau đậu, cây công nghiệp, cây ăn quả v.v... còn thấp, nhiều vùng kinh tế vẫn chưa giải quyết những vấn đề xã hội và bảo vệ tốt môi trường sinh thái.

Vì vậy trong thời gian tới phải tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng ở nước ta theo hướng là phát triển đa canh trên cơ sở chuyên môn hoá và thâm canh cao. Nâng cao nhanh năng suất cây lương thực, để từng bước giảm dần diện tích cây lương thực một cách hợp lý. Đồng thời mở rộng, tăng nhanh sản lượng và diện tích các loại cây công nghiệp, cây ăn quả, cây rau và hoa, cây dược liệu đó là những cây cho sản phẩm có giá trị kinh tế cao và nhu cầu thị trường ngày càng nhiều.

2.2.2.2 Những kết quả đạt được

Thời kỳ đổi mới kinh tế, từ Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) nền kinh tế Việt Nam đã khởi sắc, trong đó nông nghiệp nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, nổi bật là giải quyết được vấn đề lương thực. Trong hai năm liền 1998, 1999 mỗi năm xuất khẩu gạo với kim ngạch trên 1 tỷ USD. Tiếp tục bảo đảm tốt an ninh lương thực quốc gia tuy diện tích trồng lúa giảm (khoảng hơn 300 nghìn ha) để chuyển sang nuôi trồng thủy sản và các cây trồng khác có giá trị cao hơn nhưng sản lượng lương thực vẫn tăng từ 34,5 triệu tấn (năm 2000) lên 39,12 triệu tấn (năm 2004) trong đó sản lượng lúa tăng từ 32,5 lên 35,8 triệu tấn, bình quân mỗi năm lương thực tăng hơn một triệu tấn.

Bảng 2.1: Giá trị sản xuất ngành trồng trọt theo giá so sánh 2010 phân theo nhóm cây

Đơn vị: tỷ đồng

Năm	Tổng số	Cây lương thực	Cây rau đậu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả
2005	331.424,4	194.774,7	30.887,0	78.970,0	20.449,2
2006	342.367,4	195.791,6	32.474,0	87.723,5	20.611,2
2007	353.680,2	198.866,8	35.198,6	91.297,2	22.628,0
2008	378.012,7	213.909,8	36.617,3	97.649,5	24.145,2
2009	381.090,2	213.403,1	37.936,4	99.278,2	24.912,0
2010	396.733,6	218.818,4	41.242,2	105.336,3	26.025,5
2011	421.925,4	233.751,2	42.590,5	112.751,7	27.437,4
2012	433.176,8	240.678,8	43.564,6	115.929,4	27.523,6
S.bộ 2013	442.954,4	242.946,0	45.566,2	120.783,9	28.080,7

(Nguồn: tổng cục thống kê)

Bảng 2.2: Tốc độ tăng trưởng của ngành trồng trọt phân theo nhóm cây

Đơn vị tính: %

Năm	Tổng số	Cây lương thực	Cây rau đậu	Cây công nghiệp	Cây ăn quả
2005	1,4	0,4	7,8	-0,1	8
2006	3,3	0,5	5,1	11,1	0,8
2007	3,3	1,6	8,4	4,1	9,8
2008	6,9	7,6	4	7	6,7
2009	0,8	-0,2	3,6	1,7	3,2
2010	4,1	2,5	8,7	6,1	4,5
2011	6,3	6,8	3,3	7	5,4
2012	2,7	3	2,3	2,8	0,3
S.bộ 2013	2,3	0,9	4,6	4,2	2

(Nguồn: tổng cục thống kê)

Kết hợp hai bảng số liệu cho thấy giá trị sản xuất các loại nông sản liên tục tăng qua các năm, tốc độ tăng trưởng cao nhất vào năm 2008 tăng 6,9%. So sánh giữa các nhóm cây thì cây lương thực có tốc độ tăng chậm nhất, chỉ có 3 năm năm 2008, năm 2011 và năm 2012 có tốc độ tăng trưởng cao hơn so

với tốc độ tăng chung. Riêng năm 2009 giá trị sản xuất của cây lương thực giảm mạnh là do vùng Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ bị bão lũ gây thiệt hại nặng nề nên sản lượng lúa giảm xuống. Diện tích và sản lượng các loại cây hàng năm khác đạt thấp, thậm chí một số loại cây trồng còn giảm sút so với năm 2008 do vụ đông bị bão, lũ như: Khoai lang đạt 1.207,6 nghìn tấn, giảm 118 nghìn tấn (diện tích giảm 16,2 nghìn ha). Riêng sản lượng sản phẩm giảm nhiều còn do giá tiêu thụ trên thị trường thấp nên một phần diện tích đã được chuyển đổi sang trồng các loại cây khác (diện tích trồng sản phẩm giảm 45,2 nghìn ha, sản lượng chỉ đạt 8,5 triệu tấn, giảm 753 nghìn tấn; sản lượng ngô giảm 141,3 nghìn tấn. Do vậy tốc độ tăng trưởng của cây lương thực năm 2009 đạt giá trị âm. Điều đó cho thấy quá trình chuyển dịch từ cây lương thực sang trồng các loại cây trồng khác là hoàn toàn hợp lý và cần thiết, ngành nông nghiệp đang phát triển theo xu hướng sản xuất hàng hoá, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường và người tiêu dùng.

Sản xuất nông nghiệp đã hình thành nhiều vùng sản xuất hàng hoá tập trung như các vùng lúa ở đồng bằng Sông Hồng, đồng bằng Sông Cửu Long, các vùng cà phê Tây Nguyên, Đông Nam Bộ; các vùng chè ở các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc, vùng cao su Đông Nam Bộ, một số tỉnh ở bắc miền Trung; vùng rau Lâm Đồng, các tỉnh đồng bằng Sông Hồng; các vùng mía duyên hải miền Trung, khu bốn cũ, ... Nhiều loại sản phẩm xuất khẩu với tỷ lệ rất cao như cà phê 95%, điều 100%, cao su 80 – 85%, hạt tiêu 90%, chè 50%. Tỷ suất hàng hoá nông nghiệp năm 1999 đạt trên 40%.

Hạ tầng thuỷ lợi đang hướng sang phục vụ đa mục tiêu, đáp ứng nhu cầu cao hơn cho sản xuất, dân sinh. Đến hết năm 2013, tổng năng lực tưới của hệ thống thuỷ lợi đạt 3,52 triệu ha đất canh tác, đảm bảo tưới cho 7,26 triệu ha (chiếm 94%) diện tích gieo trồng lúa, khoảng 1,5 triệu ha rau màu và cây công nghiệp ngắn ngày, tiêu thoát nước cho 1,75 triệu ha đất nông nghiệp, góp phần lớn vào việc tăng năng suất, sản lượng và chất lượng các loại cây

trồng. Năm 2013, xuất khẩu rau quả đạt trên 1,09 tỷ USD, riêng quả các loại đạt 0,951 tỷ USD. Năm 2014, xuất khẩu rau quả tăng trưởng khá nhanh và đạt 1,47 tỷ USD, tăng gần 40% so với năm 2013, trong đó gần 90% là trái cây. Năm 2014, cả nước đã chuyển đổi 106 ngàn ha lúa sang trồng các loại rau màu cho hiệu quả kinh tế cao hơn. Đồng thời, cả nước đã xây dựng được hàng ngàn cánh đồng mẫu sản xuất lúa, ngô, lạc, rau, củ, quả... với giá trị thu hoạch cao hơn sản xuất bình thường 15 – 25%; có trên 1/3 số cánh đồng mẫu được doanh nghiệp hỗ trợ ứng vốn (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật–BVTV...) và bao tiêu sản phẩm. Khu vực nông thôn ngày càng phát triển, đời sống nông dân được cải thiện đáng kể. Kết cấu hạ tầng được nâng cấp gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ công cùng với các hỗ trợ đặc biệt đã góp phần xóa đói giảm nghèo nhanh ở khu vực này.

2.2.2.3 Một số mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng của các địa phương ở nước ta

** Mô hình ở Hải Dương*

Gia Lộc được biết đến là một trong những địa phương có trình độ thâm canh, với những cánh đồng chuyên canh các loại cây rau màu hàng hoá cho thu nhập cao. Đây là huyện có diện tích vụ đông lớn nhất trong tỉnh, với những vùng chuyên canh rộng lớn ở các xã như: Gia Xuyên, Gia Lộc, Hoàng Diệu, Nhật Tân... Các loại cây rau màu vụ đông được trồng phổ biến ở Gia Lộc gồm: cải bắp, su hào, ngô giống, cải dưa, bí xanh... để phục vụ sản xuất hàng hoá, cho thu nhập 67 triệu đồng/ha. Sang đến vụ xuân, nông dân Gia Lộc trồng các loại dưa hấu, dưa chuột, ngô giống. Vụ hè thu lại chuyển sang vụ dưa hấu, dưa lê, đỗ tương.

Năm 2010, huyện Gia Lộc đã quy hoạch 53 vùng chuyên canh rau quả với tổng diện tích 571 ha. Những vùng chuyên canh áp dụng công thức tăng vụ tới 4 - 5 vụ/năm để nâng cao hệ số sử dụng đất và giá trị sản xuất, đạt khoảng 200 triệu đồng/năm.

Tại huyện Tứ Kỳ, tính đến tháng 10/2010, hầu hết diện tích trồng cây

hàng năm hiện có đều đạt thu nhập 50 triệu đồng/ha/năm trở lên. Tứ Kỳ hiện có 197 khu, cánh đồng với tổng diện tích trên 2.600 ha, trong đó có khoảng trên 1.475 ha đạt giá trị thu nhập từ 70 triệu đồng/ha/năm. Công thức luân canh áp dụng chủ yếu trên diện tích này là 2 lúa + 1 màu và 2 màu + 1 lúa. Cá biệt có một số cánh đồng áp dụng được công thức luân canh 4 vụ (3 màu + 1 lúa) hoặc 3 màu + 1 vụ đông, như một số khu đồng, cánh đồng thuộc thôn Ô Mễ, Xuân Nèo (xã Hưng Đạo), xã Ngọc Kỳ và rải rác một số khu đồng thuộc các xã Tân Kỳ, Tái Sơn, Minh Đức, Nguyên Giáp. Những diện tích áp dụng được công thức này thường cho thu nhập trên 250 triệu đồng/ha/năm. Phát huy những lợi thế về đất canh tác của từng địa phương, nhất là kinh nghiệm của người dân trong việc thâm canh các loại cây trồng, giá trị sản xuất của một đơn vị diện tích được nâng lên rõ rệt. Hiệu quả kinh tế từ thâm canh tăng vụ rau màu ngày càng cao đã góp phần thay đổi đáng kể mức thu nhập của nông dân Hải Dương. Như vậy, có thể khẳng định việc “ Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá ”, “ Xây dựng cánh đồng có giá trị trên 50 triệu đồng/ha ” đã góp phần tích cực vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Nhằm tiếp tục phát triển kinh tế nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực và phát triển nền sản xuất hàng hoá, tạo điều kiện phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn, việc nhân rộng những cánh đồng hiệu quả kinh tế cao đã được nhiều địa phương quan tâm. Huyện Nam Sách đã triển khai dự án “ Phát triển vùng sản xuất rau, quả hàng hoá tập trung theo hướng bền vững ”. Hay Đề án “ Quy hoạch vùng chuyên canh rau quả cho giá trị kinh tế cao ” tại huyện Gia Lộc. Huyện Kim Thành cũng triển khai Dự án Xây dựng vùng sản xuất rau an toàn tại xã Tam Kỳ.

Để thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đó, có một số điểm cần lưu ý trong việc nhân rộng mô hình. Đó là việc tập trung giải quyết một số vấn đề còn tồn tại trong quá trình xây dựng những mô hình cánh đồng cho thu nhập cao, như:

bài toán đầu ra cho nông sản, tránh tình trạng sản xuất ồ ạt dẫn đến thực trạng một số nông sản sản xuất ra rồi bị ứ đọng, hoặc bị ép giá gây thiệt hại cho nông dân. Bên cạnh đó, cần chú ý việc xây dựng cánh đồng cho thu nhập cao phải phù hợp với tiềm năng và điều kiện của từng địa phương. Phát triển sản xuất gắn liền với việc tiêu thụ nông sản và chú trọng phát triển công nghệ chế biến để nâng cao giá trị sản xuất của cây rau màu. Cùng với đó là việc hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật như giao thông, thủy lợi để tạo điều kiện cho địa phương có khả năng áp dụng rộng rãi tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất hàng hoá, mở rộng thâm canh tăng vụ tới cả những xã vùng sâu vùng xa của từng địa phương. Tuy nhiên, một trong những vấn đề nên chú trọng là phát triển sản xuất theo hướng hàng hoá, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong thâm canh tăng vụ phải gắn với bảo vệ và giữ gìn tài nguyên đất canh tác, hạn chế ô nhiễm môi trường do thuốc bảo vệ thực vật. Có như vậy, phát triển kinh tế nông nghiệp mới đảm bảo sản xuất theo hướng bền vững.

* Mô hình ở Thái Nguyên

Nam Tiến là xã có diện tích đất nông nghiệp lớn của huyện Phả Yên (Thái Nguyên) với hơn 710 ha. 85% số hộ dân trong xã sống chủ yếu bằng nông nghiệp. Vài năm trước, đời sống của nhiều hộ dân còn gặp khó khăn do chưa biết ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Trong khoảng ba năm trở lại đây, đời sống của người dân đã tăng lên đáng kể do thực hiện tốt việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Toàn xã hiện có hơn 50 hộ chuyển từ cây lúa sang trồng hoa, rau màu các loại, nhất là rau ngót với tổng diện tích gần bảy ha. Giá trị nông nghiệp của xã đạt 75 triệu đồng/người/năm (tăng 25 triệu đồng/ha so với năm 2008). Thu nhập bình quân đạt 27 triệu đồng/người/năm (tăng 10 triệu/người/năm so với năm 2010). Tỷ lệ hộ nghèo của xã chỉ còn 109/1.904 hộ, giảm 300 hộ so với năm 2008. Các loại cây vụ đông có năng suất cao, phù hợp với đồng đất của địa phương được đưa vào gieo trồng như: Ngô lai, khoai tây, cà chua, súp lơ... với diện tích hơn 200 ha đã đem lại

nguồn thu nhập đáng kể cho người dân. Theo Chủ tịch Hội Nông dân xã Nguyễn Thị Quý: Khó khăn hiện nay đối với địa phương là thị trường tiêu thụ nông sản khi thực hiện chủ trương mở rộng diện tích canh tác. Bởi hiện nay việc tiêu thụ mặt hàng này của nông dân chủ yếu chỉ qua thương lái. Nếu thành lập được HTX để tập hợp sản phẩm số lượng lớn đáp ứng nhu cầu thu mua của doanh nghiệp, mở rộng các hình thức liên kết, bao tiêu sản phẩm bằng cách liên kết giữa các hợp tác xã, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sẽ tăng cường sự hỗ trợ cho các doanh nghiệp có khả năng tổ chức tiêu thụ, sơ chế hoặc chế biến hoặc có khả năng xúc tiến các đầu mối tiêu thụ hoa màu cho nông dân.

* Mô hình ở Bắc Kạn

Những năm qua, cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhằm khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của địa phương, quy hoạch quỹ đất dành riêng cho trồng mới cam, quýt ở từng thôn. Để mở rộng diện tích trồng cây ăn quả, xã đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt đề án phát triển cây ăn quả cam, quýt và triển khai thực hiện tốt các cơ chế hỗ trợ của tỉnh, huyện trong quá trình thực hiện đề án; chuyển đổi những diện tích đất đồi thấp có hiệu quả kinh tế thấp sang trồng cam, quýt để nâng cao thu nhập, góp phần đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo; chủ động nguồn giống cung cấp cho nhân dân... Chính vì vậy, diện tích và sản lượng cam, quýt của xã Dương Phong không ngừng gia tăng, hầu hết các nông hộ đều có vườn cây ăn quả cam, quýt. Nếu như năm 2009, toàn xã chỉ có 150 ha cam, quýt thì đến năm 2013 đã có 388,1 ha; hiện nay diện tích trồng cam, quýt của toàn xã là hơn 421 ha, trong đó diện tích đã cho thu hoạch khoảng 280 ha, tập trung nhiều tại các thôn Bản Mún 1, Tổng Ngay, Tổng Mú, Nà Cọ, Khuổi Cò. Riêng năm 2014, xã trồng mới được 37,1 ha theo đề án phát triển cam, quýt của huyện và nhân dân tự trồng được thêm 7,5 ha. Nhờ thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng có hiệu quả mà trên địa bàn xã

đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất kinh doanh giỏi. Từ năm 2009 đến nay, toàn xã đã có 112 lượt hộ gia đình được công nhận hộ “ Sản xuất kinh doanh giỏi ” từ cấp huyện đến cấp Trung ương với các mô hình sản xuất VAC tổng hợp, VACR..., góp phần quan trọng trong công tác xóa đói - giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo của xã từ 20,6% năm 2010 xuống còn 7,14% năm 2014.

Về định hướng để thực hiện tốt việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nhân dân trong thời gian tới, đồng chí Ma Văn Thời cho biết: UBND xã đã xác định cần thực hiện tốt các nhiệm vụ như tổ chức thực hiện có hiệu quả về quy hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn, chuyển đổi nhanh nền sản xuất nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản cho nông dân, không để xảy ra tình trạng được mùa mất giá; phối hợp với các phòng chuyên môn cấp trên tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ăn quả và các cây trồng khác cho nông dân; theo dõi sản lượng thu hoạch quả hàng năm, đồng thời khuyến cáo cho bà con tích cực áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để đạt hiệu quả kinh tế cao hơn...

* Mô hình ở Hà Nam

Sau một năm triển khai xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Kết quả trồng 2 vụ ngô nếp HN88 (Xuân Hè và vụ Hè Thu): năng suất bình quân đạt 3,2 - 3,5 tạ/sào/vụ, giá bán 6.000 đ/kg, tổng thu đạt 1,9 - 2,1 triệu đồng/sào/vụ cho lãi thuần từ 0,9 - 1,1 triệu đồng/sào/vụ. Vụ Thu Đông trồng cà chua bi giống Thuý Hồng năng suất bình quân đạt 1,3 - 1,4 tấn/sào, giá bán 5.000 đ/kg, tổng thu đạt 6,5 - 7,0 trđ/sào, cho lãi thuần từ 3,5 - 4,0 triệu đồng. Như vậy, sau 3 vụ sản xuất tại mô hình chuyển đổi, tổng thu nhập bình quân đạt 10,3 - 11,2 triệu đồng/sào, tương đương 286 - 310 triệu đồng/ha, gấp 2,8 - 3,0 lần so với diện tích canh tác truyền thống.

Thông qua việc thực hiện mô hình giúp người dân nâng cao hiệu quả sử

dụng đất, nâng cao nhận thức về ý thức, trách nhiệm bảo vệ sản phẩm của mình cũng như việc áp dụng kiến thức khoa học kỹ thuật về chuyển đổi cơ cấu giống, cơ cấu cây trồng, cơ cấu thời vụ, kỹ thuật thâm canh giống cây trồng mới cho cán bộ từ tỉnh đến cơ sở và nông dân tham gia thực hiện. Mô hình được xây dựng trên cơ sở tiếp cận thị trường, liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp, tư thương trong việc cung ứng vật tư đầu vào và bao tiêu sản phẩm đầu ra cho nông dân theo giá thỏa thuận. Mô hình được thực hiện thành công đã góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phát huy tính cộng đồng trong nông thôn, từng bước thay đổi nhận thức của người dân trong sản xuất hàng hóa gắn với thị trường, hình thành phương thức sản xuất mới tạo nên chuỗi sản xuất hàng hóa khép kín có sự gắn kết trách nhiệm của hộ nông dân, doanh nghiệp, tư thương và chính quyền trong các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

Ngoài các kết quả đã đạt được, mô hình vẫn còn một số tồn tại như: Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ sản xuất 2 vụ lúa + 1 màu sang trồng hai vụ ngô nếp + cà chua là mô hình mới, làm thay đổi hoàn toàn tập quán canh tác của nông dân nhiều năm, nên khi triển khai bước đầu còn gặp khó khăn, một số hộ còn bảo thủ đôi khi sản xuất theo kinh nghiệm, chưa thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật. Thực hiện một số công việc còn chậm, chưa đúng tiến độ sản xuất. Là mô hình mới, chưa phải là vùng sản xuất hàng hoá truyền thống, nông dân chưa có nhiều kinh nghiệm nên giá bán sản phẩm chưa cao.

2.2.3 Bài học kinh nghiệm

- Từ bài học kinh nghiệm của các địa phương cho thấy việc xác định cơ cấu cây trồng phải xuất phát từ những yếu tố điều kiện tự nhiên và tập quán canh tác cũng như trình độ phát triển dân trí.

- Không thể dựa vào quan niệm sản xuất nhỏ, phân tán, manh mún để bố trí cây trồng một cách dàn trải, bất hợp lý mà phải dựa vào việc khai thác

lợi thế của từng vùng, từng địa phương để bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý, lấy hiệu quả kinh tế xã hội làm thước đo.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ bằng cách thành lập các HTX để bao tiêu sản phẩm, tăng cường liên kết giữa các HTX, doanh nghiệp.

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng như giao thông, thủy lợi tạo điều kiện áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất hàng hóa.

- Sau quá trình chuyển đổi cần sự hỗ trợ vật tư, tìm kiếm thị trường đầu ra cho sản phẩm.

PHẦN III: ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

3.1.1 Điều kiện tự nhiên

3.1.1.1 Vị trí địa lý

Minh Tiến là một xã thuộc huyện Phù Cừ, là vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của huyện. Phía Bắc giáp xã Tiên Tiến và Đình Cao. Phía Đông giáp xã Tam Đa. Phía Nam giáp xã Tổng Trân. Phía Tây giáp xã Minh Phượng.

Xã cách trung tâm huyện lỵ 4 km nên quá trình giao lưu buôn bán cũng có phần bị hạn chế. Địa hình nhìn chung tương đối bằng phẳng và hơi cao. Trong khu vực nội đồng có những giải đất cao, vì vậy nếu bờ kè thủy lợi không tốt thường bị mất nước qua những vùng này.

3.1.1.2 Điều kiện đất đai, thời tiết khí hậu

a. Điều kiện đất đai

Đất đai được sử dụng với nhiều mục đích, nhiều lĩnh vực khác nhau, nhưng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp chiếm diện tích lớn. Sử dụng đất đai hợp lý không những làm lợi cho quá trình sản xuất kinh doanh mà còn làm tăng độ phì của đất để phục vụ cho cây trồng đạt năng suất, sản lượng cao. Để nâng cao giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích đòi hỏi phải sử dụng đất đai một cách hợp lý đó là vấn đề quan trọng mà người sản xuất và địa phương cần quan tâm.

Qua khảo sát diện tích đất tự nhiên của xã là 605 ha. Trong đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp chiếm lớn nhất với trên 67% tổng diện tích đất tự nhiên. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp qua 3 năm thì vẫn tăng lên bình quân là 0,23% nhưng đang có xu hướng giảm do một phần diện tích đã được sử dụng để xây dựng các công trình, hệ thống giao thông thủy lợi và một phần nhỏ chuyển sang đất thổ cư (năm 2014 đã giảm tới

3,44 ha so với năm 2013). Diện tích đất trồng cây hàng năm liên tục giảm qua 3 năm với mức giảm bình quân là 0,98%. Đất trồng cây lâu năm và nuôi trồng thủy sản cũng đang có xu hướng tăng lên lần lượt là 3,32% và 5,32%. Đất cho giao thông thủy lợi đang được đầu tư, nâng cấp thể hiện qua sự tăng nhanh về diện tích. Vì các kênh mương ở đây do sử dụng lâu ngày, không được tu sửa nên chất lượng ngày càng xuống cấp và tại địa phương việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng những năm gần đây đang diễn ra mạnh mẽ nên việc đầu tư vào giao thông thủy lợi nội đồng là hết sức cần thiết. Trong thời gian này xã đang tiến hành mở rộng, nâng cấp các hệ thống thủy lợi tiến hành kiên cố hóa, bê tông hóa phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Phần diện tích đất khác tuy đã được sử dụng song vẫn còn lớn. Vì vậy trong thời gian tới cần nhanh chóng tổ chức sản xuất, bố trí một cách hợp lý các loại cây trồng để tăng hiệu quả sử dụng đất.

Bảng 3.1: Tình hình sử dụng đất của xã Minh Tiến qua 3 năm qua

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		So sánh (%)		
	DT (ha)	CC (%)	DT (ha)	CC (%)	DT (ha)	CC (%)	13/12	14/13	BQ
Tổng diện tích đất tự nhiên	605,00	100	605,00	100	605,00	100	100	100	100
I. Đất nông nghiệp	405,50	67,02	412,94	68,25	409,50	67,68	101,83	99,17	100,49
1. Đất sản xuất NN	385,40	63,70	391,74	64,75	387,20	64,00	101,64	98,84	100,23
a. Đất trồng cây hằng năm	278,80	46,08	281,30	46,50	273,40	45,20	100,89	97,19	99,02
b. Đất trồng cây lâu năm	106,60	17,62	110,44	18,25	113,80	18,80	103,60	103,04	103,32
2. Đất có mặt nước NTTS	20,10	3,30	21,20	3,50	22,30	3,68	105,47	105,18	105,32
II. Đất phi nông nghiệp	170,45	28,18	174,38	28,82	180,54	29,84	102,30	103,53	102,91
1. Đất chuyên dung	18,49	3,06	20,40	3,37	20,40	3,37	110,32	100	105,03
2. Đất ở	95,74	15,84	96,34	15,93	96,54	15,96	100,62	100,20	100,40
3. Đất sông ngòi	20,50	3,39	19,86	3,30	19,82	3,28	96,87	99,79	98,32
4. Đất giao thông thủy lợi	28,96	4,79	31,02	5,12	37,02	6,12	107,11	119,34	113,06
5. Đất nghĩa trang, nghĩa địa	6,76	1,10	6,76	1,10	6,76	1,10	100	100	100
III. Đất khác	29,05	4,80	17,68	2,92	14,96	2,48	60,86	84,61	71,76
Một số chỉ tiêu									
- Đất NN BQ/hộ NN		0,32		0,327		0,326	102,18	99,69	100,93
- Đất NNBQ/LĐ NN		0,13		0,136		0,137	104,61	100,73	102,65

(Nguồn: UBND xã Minh Tiến)

Trong những năm qua thì một số lượng nhỏ người dân trước đây sản xuất nông nghiệp đang chuyển hướng sản xuất, tìm kiếm những việc làm mới do đó diện tích sản xuất nông nghiệp đang có xu hướng mở rộng hơn so với lực lượng sản xuất nông nghiệp. Các chỉ tiêu như đất NN BQ/hộ NN, đất NN BQ/LĐ NN tăng lên qua các năm với mức tăng bình quân qua 3 năm nay lần lượt là 0,93% và 2,65%. Điều này cũng cho thấy trên địa bàn xã đang có sự thay đổi về cơ cấu lực lượng lao động, giảm tỷ lệ lao động trong sản xuất nông nghiệp, tăng tỷ lệ lao động trong sản xuất phi nông nghiệp.

b. Thời tiết khí hậu

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm. Hằng năm có hai mùa nóng và lạnh rõ rệt. Mùa lạnh, trong thời kỳ đầu mùa đông, khí hậu tương đối khô, nửa cuối thì ẩm ướt; mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.

Nhiệt độ trung bình 23,2⁰C, nhiệt độ trung bình thấp nhất là 16⁰C

Chịu ảnh hưởng của hai hướng gió chính: gió đông nam thổi vào mùa hạ, gió đông bắc thổi vào mùa đông. Mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau) lạnh và thường có mưa phùn, thích hợp cho gieo trồng nhiều loại cây ngắn ngày có giá trị kinh tế cao. Độ ẩm không khí trung bình trong năm là 86%, tháng cao nhất (tháng 3) là 92% và tháng thấp nhất (tháng 12) là 79%.

Lượng mưa phân bố không đều trong năm, tập trung tới hơn 70% vào mùa mưa (từ tháng V đến tháng X) khoảng 1200 - 1300 mm, dưới hình thức mưa giông (nhất là vào tháng VI, tháng VII). Mưa mùa này trút xuống đồng ruộng axit nitric (HNO₃) và amôniac (NH₃) dưới hình thức đạm 2 lá (NH₄NO₃) rất tốt cho sản xuất nông nghiệp. Nhưng lượng mưa những tháng này quá lớn gây úng lụt, ảnh hưởng xấu đến nông nghiệp. Mùa khô lạnh (từ tháng XI đến tháng III năm sau) có mưa phùn, do đó vụ đông cũng trở thành vụ chính, trồng được nhiều loại cây ngắn ngày.

Cùng với đất đai, điều kiện khí hậu và thời tiết như vậy thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, khí hậu ở đây cũng có những mặt hạn

ché, nhất là các tai biến thiên nhiên, gây trở ngại cho sản xuất và đời sống. Hàng năm bão và áp thấp nhiệt đới không đổ bộ trực tiếp, nhưng ảnh hưởng về mưa do bão gây ra là rất lớn. Lượng mưa do bão gây nên chiếm tới 15 - 20% tổng lượng mưa năm. Chính vì vậy việc hình thành cơ cấu cây trồng hợp lý khai thác tiềm năng, thế mạnh cũng như hạn chế khó khăn do thời tiết gây ra là rất cần thiết.

3.1.2 Đặc điểm kinh tế xã hội

a. Đặc điểm về dân số và lao động

Dân số và lao động là nhân tố hết sức quan trọng quyết định đến quá trình sản xuất kinh doanh do vậy sự biến động của dân số và lao động ảnh hưởng đến cơ cấu sản xuất, năng suất, chất lượng hiệu quả cây trồng. Trình độ của dân số, lao động sẽ quyết định đến sự tiến bộ phát triển về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của mỗi vùng, mỗi quốc gia. Tình hình dân số và lao động của xã Minh Tiến được phản ánh ở bảng 3.2.

Qua bảng số liệu chúng ta thấy dân số của xã Minh Tiến năm 2014 là 5.680 người, tốc độ tăng dân số ở mức độ vừa phải, bình quân chung 3 năm 2012-2014 tăng lên 1,66%. Bình quân qua 3 năm thì tổng số hộ tăng lên không đáng kể với 0,75% từ 1.446 hộ (năm 2012) lên 1.468 hộ (năm 2014).

Trong tổng số hộ của toàn xã thì số hộ sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn và đang có xu hướng giảm. Bình quân 3 năm số lượng hộ làm nông nghiệp có xu hướng giảm chỉ với 0,12%. Trong tổng số hộ nông nghiệp thì số lượng hộ nông nghiệp khá và trung bình chiếm tỷ lệ khá lớn và đang có xu hướng tăng lên. Hộ nông nghiệp giàu tuy chiếm tỷ lệ nhỏ nhưng lại tăng nhanh, bình quân tăng 6,06% qua 3 năm. Tỷ lệ số hộ làm nông nghiệp nghèo vẫn chiếm rất lớn mặc dù có giảm qua 3 năm, với mức giảm 17,16%. Số lượng hộ phi nông nghiệp ngày càng tăng qua 3 năm. Cụ thể năm 2012 là 188 hộ, chiếm 13%, năm 2013 là 199 hộ, chiếm 13,6% và năm 2014 là 213 hộ, chiếm 14,5%. Qua 3 năm số hộ phi nông nghiệp tăng bình quân là 6,43%.

Bình quân qua 3 năm số lao động nông nghiệp/hộ nông nghiệp đang có xu hướng giảm là 2,04%. Đây là dấu hiệu tích cực, phù hợp với quy luật phát triển chung của xã hội là giảm dần tỷ trọng lao động nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng lao động công nghiệp và dịch vụ.

b. Đặc điểm cơ sở hạ tầng

Do sản xuất phát triển, nên đầu tư cơ sở hạ tầng được quan tâm. Trên địa bàn xã 100% số hộ dân được cung cấp điện thường xuyên, đầy đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Phong trào xây dựng đường giao thông nông thôn tiếp tục được nhân dân hưởng ứng. Thôn Kim Phương làm mới 3 tuyến đường bê tông dài 885 m giá trị trên 625 triệu đồng. Thôn Phù Oanh làm mới 5 tuyến đường bê tông ở xóm Rền và xóm Chúc dài 1069m trị giá gần 1 tỷ đồng. Xã có 94% đường giao thông được bê tông hóa với 24,7 km đường bê tông đã thay thế hoàn toàn cho những con đường đất tạo thuận lợi cho người dân trong việc đi lại, có hệ thống cống rãnh tiêu thoát nước hoàn chỉnh. Trên các trục đường chính đều có nền cứng, một số tuyến đã được giải cấp phối và thiết kế cho phép ô tô trọng tải 5 - 6 tấn đi lại được. Trên các đường nhánh ô tô loại nhỏ và xe công nông kéo máy tuốt, máy xát gạo có thể dễ dàng đi lại đến từng hộ gia đình.

Bảng 3.2: Tình hình dân số và lao động qua 3 năm (2012-2014)

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		So sánh(%)		
		SL	CC (%)	SL	CC (%)	SL	CC (%)	13/12	14/13	BQ
I. Tổng dân số	Người	5.495	100	5.602	100	5.680	100	101,94	101,39	101,66
II. Tổng số hộ	Hộ	1.446	100	1.459	100	1.468	100	100,89	100,61	100,75
1. Hộ nông nghiệp	Hộ	1.258	87,00	1.260	86,40	1.255	85,50	100,16	99,60	99,88
- Hộ NN giàu	Hộ	16	1,27	18	1,43	18	1,43	112,50	100	106,06
- Hộ NN khá	Hộ	560	44,52	568	45,08	575	45,81	101,43	101,23	101,33
- Hộ NN trung bình	Hộ	580	46,10	586	46,51	592	47,17	101,03	101,03	101,03
- Hộ NN nghèo	Hộ	102	8,11	88	6,98	70	5,59	86,27	79,54	82,84
2. Hộ phi NN	Hộ	188	13,00	199	13,60	213	14,50	105,85	107,03	106,43
III. Tổng số lao động	LĐ	3.684	100	3.704	100	3.728	100	100,54	100,65	100,59
1. Lao động NN	LĐ	3.132	85,00	3.024	82,00	2.987	80,00	96,55	98,78	97,66
2. Lao động phi NN	LĐ	552	15,00	680	18,00	741	20,00	123,18	108,97	115,86
Một số chỉ tiêu										
1. LĐNN/hộ NN	LĐ/hộ		2,48		2,4		2,38	96,78	99,16	97,96
2. BQ nhân khẩu/hộ	LĐ/hộ		3,8		3,84		3,87	101,05	100,78	100,91

(Nguồn: UBND xã Minh Tiến)

Về hệ thống thủy lợi, xã đã xây dựng được 6,5 km kênh mương kiên cố và hiện tại đang tiếp tục kiên cố hóa kênh mương nội đồng để tiết kiệm nước và chủ động tưới tiêu. Đây là điều kiện tốt để thâm canh tăng vụ, nâng cao năng suất chất lượng sản xuất của người nông dân. Tuy đã được nâng cấp và xây dựng một số kênh mương các loại nhưng ngân sách còn hạn hẹp nên còn nhiều khó khăn. Xã cần sự hỗ trợ của tỉnh, huyện cũng như của nhân dân để phát triển kênh mương tốt hơn nữa.

Về hệ thống công trình công cộng, được đầu tư mạnh nhất có lẽ là hệ thống trường học. Với các cấp học khác nhau thì trường lớp thường xuyên được quan tâm, đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí, đào tạo bồi dưỡng nhân tài. Trong xã có 1 trạm xá được kiên cố hóa, nâng cấp, các hoạt động tiêm chủng, khám chữa bệnh...được thực hiện tốt. Bưu điện của xã cũng nằm ngay trên trục đường chính ở trung tâm xã thuận tiện cho việc sinh hoạt của người dân. Hệ thống văn hóa của xã cũng thường xuyên được chú trọng bởi vì đây là nơi gặp gỡ, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm trong sản xuất cũng như trong cuộc sống của những người dân với nhau. Hầu hết các thôn đều có nhà văn hóa hoạt động và văn phòng UBND xã đang được xây dựng là điều kiện tốt để phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

c. Tình hình phát triển kinh tế

Dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, thực hiện nghị quyết của HĐND, sự điều hành của UBND và sự phối hợp chặt chẽ của tổ chức đoàn thể quần chúng, sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, hỗ trợ về mọi mặt của các ban ngành cấp huyện, cùng với cán bộ nhân dân xã phát huy những thuận lợi, khắc phục những khó khăn, quyết tâm thi đua sản xuất, đã dành được kết quả tương đối khích lệ trên nhiều lĩnh vực.

Tổng giá trị sản xuất của toàn xã liên tục tăng qua các năm, nếu như năm 2012 tổng GTSX là 82,747 tỷ đồng thì đến năm 2014 là 93,028 tỷ đồng, bình quân 3 năm tăng 6,03%. Trong đó nông nghiệp vẫn là lĩnh vực mang lại giá trị lớn nhất trong cả 3 năm: năm 2012 giá trị NN - TS chiếm 54,6% tổng

GTSX thì đến năm 2014 nó chiếm tỷ lệ 50,4% tổng giá trị sản xuất, bình quân qua 3 năm tăng 1,86%. Tuy tỷ trọng giá trị NN - TS có giảm trong 3 năm nhưng điều đáng mừng là giá trị sản xuất lại liên tục tăng. Điều này phù hợp với quy luật phát triển chung của xã hội là giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ.

* NN – TS

Trong ngành này thì nông nghiệp vẫn là lĩnh vực mang lại nguồn thu lớn nhất, bình quân 3 năm tăng 1,45% và luôn chiếm một tỷ lệ lớn trong cơ cấu giá trị của nhóm ngành (Năm 2012 nông nghiệp chiếm tới 89,15%, năm 2013 chiếm 88,5% và đến năm 2014 chiếm 88,4%). Trong sản xuất nông nghiệp thì chủ yếu là phát triển về trồng trọt, trong tổng GTSX của ngành nông nghiệp thì giá trị sản xuất trồng trọt chiếm khoảng 90% qua 3 năm và tăng đều qua 3 năm với mức tăng bình quân là 3,16%. Chăn nuôi ở xã mặc dù đã có từ lâu song giá trị mang lại chưa cao, chủ yếu các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, chưa có trang trại quy mô lớn. Qua số liệu thống kê năm 2014 thì toàn xã có: 113 con trâu bò, lợn lái là 31.182 con tăng 500 con so với cùng kỳ năm trước; đàn gia súc, gia cầm như vịt ngan ngỗng khoảng 25.000 con, tăng so với cùng kỳ năm trước là 2.000 con.

Về nuôi trồng thủy sản thì tổng diện tích sản xuất năm 2014 là 22,3 ha, sản lượng ước đạt 99,2 tấn, giá trị 5,43 tỷ đồng (tăng 4,22% so với năm trước). Qua 3 năm GTSX nuôi trồng thủy sản tăng bình quân 5,27%.

* Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Trên địa bàn vẫn giữ vững và phát huy một số ngành nghề truyền thống như cơ khí sửa chữa, nhôm kính, vận tải, bánh trái, xây dựng... đã tạo được việc làm cơ bản, ổn định và đem lại thu nhập đáng kể cho hộ gia đình. Qua 3 năm giá trị sản xuất CN - TTCN tăng bình quân 4,98%. Tuy nhiên ngành công nghiệp trên địa bàn phát triển vẫn còn chậm và nhỏ lẻ. Tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề truyền thống có bước phát triển song chủ yếu vẫn là tự phát, vai trò tác động bằng cơ chế chính sách của Nhà nước vào các ngành trên còn hạn chế.

Bảng 3.3: Một số kết quả phát triển kinh tế xã hội của xã Minh Tiến qua 3 năm

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		So sánh (%)		
	SL (Tỷ đồng)	CC (%)	SL (Tỷ đồng)	CC (%)	SL (Tỷ đồng)	CC (%)	07/06	08/07	BQ
Tổng GTSX	82,747	100	87,040	100	93,028	100	105,18	106,88	106,03
I.GTSX NN – TS	45,180	54,6	45,260	52	46,886	50,4	100,17	103,59	101,86
1.NN	40,280	89,15	40,050	88,5	41,456	88,4	99,43	103,51	101,45
a.Trồng trọt	35,750	88,75	36,000	89,89	38,052	91,8	100,69	105,70	103,16
b.Chăn nuôi	4,530	11,25	4,050	10,11	3,404	8,2	89,40	84,05	86,68
2.NTTS	4,900	10,85	5,210	11,5	5,430	11,6	106,33	104,22	105,27
III.CN-TTCN	16,797	20,3	19,150	22	18,512	19,9	114,00	96,67	104,98
II.TM-DV	20,770	25,1	22,630	26	27,630	29,7	108,95	122,09	115,33
Một số chỉ tiêu									
GTSX NN/ha đất NN	0,111		0,109		0,115		98,19	105,50	101,78
GTSX BQ/người/năm	0,015		0,016		0,016,5		106,67	103,12	104,88

(Nguồn: UBND xã Minh Tiến)

* Thương mại - dịch vụ

Thương mại và dịch vụ là một ngành mang lại nguồn thu lớn thứ hai sau ngành nông nghiệp và có tốc độ tăng nhanh nhất. Giá trị ngành TM – DV 3 năm qua chiếm tỷ lệ xấp xỉ 27% trong tổng GTSX của toàn xã và đang có xu hướng tăng nhanh qua 3 năm, mức tăng bình quân là 15,33%.

Chỉ tiêu GTSX BQ/người/năm và GTSX NN/ha đất NN đều tăng với mức tăng bình quân qua 3 năm lần lượt là 4,88% và 1,78%. Kết quả sản xuất kinh doanh được thể hiện ở bảng sau:

d. Đặc điểm văn hóa xã hội

Trong những năm qua đời sống nhân dân của xã Minh Tiến không ngừng được cải thiện. Phong trào xây dựng nếp sống văn minh và gia đình văn hóa mới phát triển mạnh gắn với xây dựng làng văn hóa, công tác văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đã có nhiều chuyển biến tích cực. Được sự quan tâm và chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy, HĐND, UBND Tỉnh, các ngành chức năng của huyện nhân dân trong xã đã nỗ lực phấn đấu, ham học hỏi, đoàn kết. Toàn xã có 22 học sinh thi đỗ nguyện vọng 1 vào các trường đại học, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%, tốt nghiệp bậc trung học cơ sở đạt 100%, thi đỗ vào lớp 10 đạt 74%. Hội khuyến học phát thưởng cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở là 18 triệu đồng, phát thưởng cho các cháu trúng tuyển vào đại học, thầy cô giáo dạy giỏi là 4.250.000đ. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh và các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế. Kiểm tra và vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn, tiêm đầy đủ các loại vắc xin theo kế hoạch khám bệnh cho trên 2867 lượt người, điều trị nội trú 76 ca, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm còn 12,65%, tỷ lệ chênh lệch giới tính là 114 nam/100 nữ. Lực lượng lao động dồi dào, nhân dân trong xã có truyền thống lao động cần cù. Tuy nhiên xuất phát điểm kinh tế của xã còn thấp, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất và đời sống tuy đã được tăng cường nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất hàng hóa và dịch vụ. Chưa có khả năng thu

hút được vốn đầu tư của các doanh nghiệp tư nhân.

3.2 Phương pháp nghiên cứu

3.2.1 Phương pháp chọn điểm nghiên cứu và chọn mẫu điều tra

Xã Minh Tiến là một vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của huyện Phù Cừ. Ở đây, hoạt động chuyển dịch cơ cấu cây trồng diễn ra khá mạnh mẽ tuy nhiên hiệu quả kinh tế mang lại chưa cao, năng suất, chất lượng nông sản còn thấp, đời sống người dân còn gặp nhiều khó khăn. Do đó, xã Minh Tiến là địa bàn thích hợp để tiến hành nghiên cứu đề tài này. Xã Minh Tiến có tới 4 thôn, trong đó Phạm Xá, Kim Phương là 2 thôn có diện tích đất cũng như số lượng hộ sản xuất là lớn. Hai thôn còn lại Phù Oanh, Nại Khê thì có quy mô khá tương đương nhau. Để nghiên cứu ảnh hưởng và đánh giá tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế của các nông hộ tại xã Minh Tiến, chúng tôi tiến hành điều tra nghiên cứu và thu thập số liệu tại 3 thôn là Phạm Xá, Kim Phương, Phù Oanh. Thôn Phạm Xá có 3 xóm, thôn Kim Phương có 4 xóm và thôn Phù Oanh có 2 xóm. Trong nghiên cứu, chúng tôi tiến hành chọn 4 xóm thuộc 3 thôn trên mà theo đánh giá của xã thì có 2 xóm thực hiện chuyển đổi khá tốt là xóm tây (thôn Phạm Xá) và xóm chúc (thôn Phù Oanh). Hai xóm theo đánh giá thực hiện chưa tốt là xóm đông (thôn Phạm Xá) và xóm 2 (thôn Kim Phương). Đây là những xóm có tỷ lệ các hộ sản xuất nông nghiệp lớn, khả năng đại diện cho địa bàn đánh giá tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đối với phát triển kinh tế nông hộ.

3.2.2 Phương pháp thu thập thông tin

a. Thông tin thứ cấp

Tài liệu thu thập từ các ban ngành của xã: tình hình đất đai, đất sản xuất nông nghiệp; điều kiện tự nhiên, khí hậu, thủy văn, vị trí, địa hình, dân số, cơ sở hạ tầng, tình hình sản xuất kinh doanh 3 năm (2012-2014)...

Một số thông tin về chủ trương, chính sách, các mô hình, kinh nghiệm chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở nhiều địa phương ... còn được thu thập qua các

bài báo cáo tổng kết, sơ kết, trang web, tạp chí, sách liên quan...

b. Thông tin sơ cấp

Căn cứ vào tình hình kinh tế của các hộ để phân nhóm nông hộ theo 4 nhóm nghiên cứu là nhóm hộ giàu, khá, trung bình, nghèo. Theo hướng dẫn của các cán bộ xã, trưởng thôn chúng tôi tiến hành chọn điều tra ngẫu nhiên các hộ thuộc các nhóm đã phân. Số lượng hộ trên địa bàn xã khá lớn, việc chọn các hộ ngẫu nhiên là điều kiện để đánh giá tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng một cách khách quan nhất. Số lượng và sự phân bố các hộ được điều tra như sau:

Thôn	Xóm	Số hộ điều tra	Phân loại kinh tế hộ		
			Khá	Trung bình	Nghèo
Phạm Xá	Xóm tây	15	6	8	1
	Xóm đông	15	5	9	1
Kim Phương	Xóm 2	15	6	8	1
Phù Oanh	Xóm chúc	15	7	8	
Tổng		60	24	33	3

Số liệu thu thập từ quá trình tổ chức phỏng vấn, điều tra trực tiếp 60 nông hộ thuộc các nhóm hộ đã chia tại 3 thôn là Phạm Xá, Kim Phương, Phù Oanh thông qua phiếu điều tra. Đây là những nông hộ có khả năng đáp ứng cho yêu cầu đề tài, phù hợp cho việc đánh giá tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn xã. Các thông tin điều tra chủ yếu liên quan đến đề tài như quy mô và tình hình sử dụng đất đai của hộ, năng suất và giá trị sản xuất nông nghiệp của hộ, thu nhập trước và sau chuyển đổi cơ cấu cây trồng của hộ...

Số liệu còn được thu thập qua quá trình điều tra các cán bộ xã, những người có kinh nghiệm... về các vấn đề liên quan đến quá trình chuyển đổi cơ

cấu cây trồng, hiệu quả của công tác chuyển đổi, những khó khăn tồn tại cũng như thuận lợi của quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại địa bàn nghiên cứu

3.2.3 Phương pháp xử lý thông tin

* Phương pháp xử lý số liệu thứ cấp: Dựa vào các số liệu đã công bố chúng tôi tổng hợp, đối chiếu để chọn ra những thông tin phù hợp với nghiên cứu của đề tài. Một số chỉ tiêu so sánh, chỉ tiêu tính toán về hiệu quả, chỉ tiêu về quy mô ...được tính toán dựa trên các thông tin có sẵn.

* Phương pháp xử lý số liệu sơ cấp: các thông tin cơ bản về hộ như trình độ, tuổi, số nhân khẩu, lao động, thông tin về diện tích đất canh tác, hiệu quả, chi phí sản xuất, thu nhập của hộ ...được chúng tôi tổng hợp, tính toán và phản ánh nhằm hạn chế tối đa sự biến động của các yếu tố theo thời gian như giá cả vật tư phân bón, giá cả đầu ra nông sản. Các thông tin thu thập được phản ánh theo các nhóm hộ và có sự so sánh trước và sau quá trình chuyển đổi. Số liệu được tổng hợp xử lý qua tính toán bằng phần mềm Excel.

3.2.4 Phương pháp phân tích thông tin

+ Phương pháp thống kê mô tả: Phân tích số liệu thu thập các chỉ tiêu về giá trị sản xuất, chi phí sản xuất để thấy được thực trạng phát triển kinh tế các hộ trên địa bàn, những số liệu phản ánh tình hình thay đổi thu nhập của các hộ từ quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn; những thông tin phản ánh tình hình điều kiện sản xuất cũng như kết quả, hiệu quả sản xuất ở các nông hộ. Những chỉ tiêu phản ánh kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng và tác động của quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế hộ trên địa bàn xã.

+ Phương pháp phân tích so sánh

- So sánh mức độ đầu tư, kết quả, hiệu quả của các hộ trước và sau khi chuyển đổi cây trồng.

- So sánh giá trị gia tăng thu nhập, giá trị sản xuất trước và sau chuyển

đổi cơ cấu cây trồng.

+ Phương pháp PRA (đánh giá nhanh nông thôn): tiến hành đi nghiên cứu thực địa, quan sát thực tế, phỏng vấn các cán bộ nông dân cơ sở tại địa phương để thu thập những thông tin liên quan đến tình hình đời sống và sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã.

3.2.5 Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu của đề tài

Để phân tích đánh giá thực trạng, hiệu quả của quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng và tác động tới sự thay đổi thu nhập, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, cải thiện điều kiện sống cho các hộ nông dân tại địa bàn chúng tôi sử dụng hệ thống các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- ✓ Nhóm chỉ tiêu phản ánh kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng:
 - Chỉ tiêu giá trị: Giá trị sản xuất (GO).
 - Chỉ tiêu hiện vật: sản lượng.
- ✓ Nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng:
 - VA/GO: Tỷ số này cho biết khi thu được một đồng giá trị sản xuất thì cho bao nhiêu đồng giá trị tăng thêm .
 - VA/IC: Tỷ số này cho ta khi bỏ một đồng chi phí vào sản xuất thì thu được bao nhiêu đồng giá trị gia tăng.
- ✓ Nhóm chỉ tiêu phản ánh tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng

đến phát triển kinh tế hộ:

- Chỉ tiêu về kết quả sản xuất: năng suất, giá trị sản lượng.
- Chỉ tiêu về chi phí sản xuất: chi phí vật chất, chi phí dịch vụ.
- Thu nhập bình quân của hộ.
- Thay đổi về mức đầu tư.

PHẦN IV: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1 Tình hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại xã Minh Tiến

4.1.1 Cơ cấu diện tích đất canh tác

Để có thể đưa ra cơ cấu cây trồng hợp lý, việc xem xét cơ cấu đất canh tác là công việc rất quan trọng và cần thiết. Trên cơ sở quỹ đất canh tác hằng năm hiện có của địa phương, làm sao để nâng cao giá trị sản xuất, khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai là vấn đề đặt ra đối với người sản xuất. Để thấy được sự biến động diện tích đất canh tác của xã Minh Tiến qua 3 năm (từ năm 2012 - 2014), chúng ta xem bảng số liệu sau:

Bảng 4.1: Cơ cấu diện tích đất canh tác xã Minh Tiến

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		So sánh (%)		
	DT (ha)	CC (%)	DT (ha)	CC (%)	DT (ha)	CC (%)	13/12	14/13	BQ
Tổng diện tích đất canh tác	278,8	100	281,3	100	273,4	100	100,89	97,19	99,02
Đất chuyên lúa	193	69,2	168,3	59,8	126,2	46,2	87,20	74,98	80,86
Đất 2 lúa-1 màu	38	13,6	58	20,6	80	29,2	152,63	137,93	145,09
Đất 1 lúa -2 màu	0	-	4,7	1,7	9,8	3,6	-	208,51	
Đất chuyên màu	47,8	17,2	50,3	17,9	57,4	21,0	105,23	114,11	109,58

(Nguồn: UBND xã Minh Tiến)

Qua khảo sát diện tích đất canh tác của xã Minh Tiến qua 3 năm có xu hướng giảm dần, bình quân giảm 0,98%, so sánh với năm 2013/2012 tăng 2,5 ha tương ứng 0,89% nhưng lại giảm mạnh vào năm 2014 còn 273,4 ha giảm 7,9 ha tương ứng 2,81%. Nguyên nhân chủ yếu làm giảm diện tích đất canh tác là do một phần diện tích này được dùng để xây dựng kênh mương thủy lợi, hệ thống giao thông nội đồng và một phần chuyển sang đất thổ cư.

Trong tổng diện tích đất canh tác thì đất lúa vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhưng lại giảm dần qua các năm, cụ thể là: Năm 2012 diện tích đất chuyên

lúa là 193 ha, chiếm 69,2% tổng diện tích đất canh tác, năm 2013 là 168,3 ha, chiếm 59,8% tổng diện tích đất canh tác và năm 2014 giảm xuống còn 126,2 ha, bình quân qua 3 năm giảm 19,14%. Đất chuyên màu cũng đang có xu hướng tăng cụ thể: năm 2012 là 47,8 ha chiếm 17,2% tổng diện tích đất canh tác, năm 2013 tăng lên là 50,3 ha tương ứng tăng 5,23% so với năm 2012 và tăng lên 57,4 ha năm 2014, bình quân qua 3 năm tăng 9,58%. Trong 3 năm liên tiếp diện tích đất 3 vụ/năm: 2 lúa - 1 màu vẫn được áp dụng và duy trì. Năm 2012 được sản xuất trên diện tích là 38 ha, tăng lên 58 ha năm 2013 và 80 ha năm 2014, bình quân qua 3 năm tăng 45,09%.

Bảng 4.2: Cơ cấu cây trồng lâu năm xã Minh Tiến

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		So sánh(%)		
	DT (ha)	CC (%)	DT (ha)	CC (%)	DT (ha)	CC (%)	13/12	14/13	BQ
Tổng diện tích	106,6	100	110,44	100	113,8	100	103,60	103,04	103,32
Cây táo	0	-	5,4	4,9	8,5	7,5		157,40	
Cây nhãn	40	37,5	38,5	34,8	37	33,4	96,25	96,10	96,17
Cây vải	33,9	31,8	32	29	31	27,2	94,39	96,87	95,62
Cây ổi	24	22,5	28	25,4	30	26,4	116,67	107,14	111,80
Cây khác	8,7	8,2	6,54	5,9	7,3	5,5	75,17	111,62	91,59

(Nguồn: UBND xã Minh Tiến)

Qua bảng số liệu trên ta thấy diện tích trồng cây lâu năm có xu hướng tăng đều qua 3 năm cụ thể: năm 2012 với diện tích là 106,6 ha đã tăng lên 110,44 ha năm 2013 và năm 2014 là 113,8 ha năm 2014, bình quân 3 năm tăng 3,32%. Nguyên nhân là do đã chuyển một phần diện tích lúa kém hiệu quả sang trồng cây lâu năm.

Trong cơ cấu cây trồng lâu năm thì chủ yếu là trồng cây ăn quả và cây nhãn chiếm diện tích lớn nhất. Diện tích trồng nhãn năm 2012 là 40 ha chiếm 37,5% tổng diện tích đất, năm 2013 giảm xuống còn 38,5 ha và năm 2014 còn 37 ha, bình quân qua 3 năm giảm 3,83%. Cây nhãn là cây trồng mang lại

giá trị kinh tế cao, sản phẩm có thể ăn tươi hoặc sấy khô do đó có thể sử dụng được lâu tuy nhiên hoa nở làm 3 đợt, khiến cho tỷ lệ quả chín không đều và yêu cầu kỹ thuật cũng tương đối khắt khe. Cây vải là cây trồng có diện tích lớn thứ hai sau cây nhãn và đang có xu hướng giảm dần với 33,9 ha năm 2012 chiếm 31,8% tổng diện tích đất thì đến năm 2013 giảm xuống 32 ha và năm 2014 còn có 31 ha. Đây cũng là cây trồng có giá trị kinh tế cao nhưng sản phẩm chủ yếu để ăn tươi, vụ thu hoạch rộ chỉ khoảng nửa tháng, do đó nếu nông dân không thu hoạch thì sẽ bị hỏng, vì vậy giá cao hay thấp người trồng vải trông chờ cả vào tư thương. Cây ổi có diện tích tăng dần qua 3 năm cụ thể: 24 ha năm 2012, chiếm 22,5% tổng diện tích đất tăng lên 28 ha năm 2013 và tăng thêm 2 ha năm 2014, bình quân qua 3 năm tăng 11,8%. Cây ổi là loại cây dễ trồng nhưng yêu cầu sự cẩn mẫn, chăm chỉ của người làm vườn và có kỹ thuật để quả ra trái vụ sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao. Năm 2013 cây táo mới được đưa vào sản xuất trên diện tích 5,4 ha và đã tăng lên 8,5 ha năm 2014. Cây táo chỉ trồng một lần nhưng duy trì khả năng cho trái được lâu, tốn ít công chăm sóc, chỉ mất thời gian ngắn là cây đã bắt đầu cho trái.

Qua phân tích ở trên thì cơ cấu cây trồng lâu năm của xã đã có sự điều chỉnh giảm dần diện tích trồng cây vải, nhãn tăng dần diện tích trồng cây ổi, táo hình thành các vùng chuyên canh. Điều này cho thấy đã có sự đa dạng hóa trong sản phẩm, xác định được nhu cầu của thị trường để có thể sản xuất những loại cây trồng đem lại hiệu quả cao và tăng thu nhập cho người nông dân.

4.1.2 Cơ cấu diện tích gieo trồng

Diện tích gieo trồng quyết định đến quy mô và sản lượng của các loại cây trồng khác nhau, là một trong những chỉ tiêu quan trọng để đánh giá mức độ chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Vì vậy, để tăng hiệu quả sản xuất, tăng hệ số quay vòng của đất thì cần phải đa dạng hoá cây trồng, phải lựa chọn một chế độ luân canh hợp lý để mang lại hiệu quả cao. Bởi vì, mỗi loại cây trồng đều thích ứng với điều kiện thời tiết, khí hậu của từng mùa vụ khác nhau.

Để hiểu cơ cấu diện tích gieo trồng cây hàng năm của xã Minh Tiến, chúng ta xem bảng 4.3.

Qua bảng số liệu cho thấy: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm trên địa bàn xã có xu hướng tăng. Cụ thể là: Năm 2013 so với năm 2012 tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm tăng 32,2 ha, tương ứng với 5%, năm 2014 so với năm 2013 tăng 18,4 ha, tương ứng với 2,72%. Nguyên nhân của việc tăng nhanh diện tích gieo trồng vào năm 2013 là do diện tích đất canh tác tăng lên. Do tăng diện tích gieo trồng lên hệ số sử dụng đất tăng lên. Điều đáng chú ý là diện tích canh tác vào năm 2014 tuy đã giảm nhưng hệ số sử dụng đất lại tăng lên, chứng tỏ trình độ thâm canh đã được tăng lên.

Trong các cây trồng hàng năm, lúa là cây chiếm tỷ trọng lớn nhất, tuy nhiên diện tích trồng lúa ngày càng giảm: Năm 2012 diện tích trồng lúa là 462 ha, chiếm 71,8% tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm, năm 2013 giảm xuống còn 457,3ha, chiếm 67,7% tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm và đến năm 2014 chỉ còn lại 422,2 ha, chiếm 60,84% tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm, bình quân qua 3 năm đã giảm 4,41%. Nguyên nhân làm giảm diện tích này là do một số diện tích lúa không chủ động nước nên năng suất thấp, chất lượng kém đã được bà con nông dân chuyển đổi sang trồng màu và cây lâu năm. Chính vì vậy mà diện tích trồng màu và cây lâu năm có chiều hướng tăng lên trong mấy năm trở lại đây.

Bên cạnh cây lúa thì cây đậu tương là một trong những cây lương thực hiện nay đang được khuyến khích phát triển. Năm 2012 diện tích trồng đậu tương là 47,8 ha, chiếm 7,43% tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm, năm 2013 là 55 ha, chiếm 8,14% và năm 2014 diện tích này lại tăng lên 67,2 ha, chiếm 9,68% tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm, bình quân qua 3 năm tăng 18,56%. Sở dĩ, diện tích trồng đậu tương tăng là do một phần diện tích trồng lúa chuyển sang và cây đậu tương được trồng 3 vụ/năm. Trong những năm gần đây chất lượng giống luôn được thay đổi, điều này cho thấy trình độ

thâm canh của người dân được nâng cao, thay đổi về nhận thức đó là tích cực ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất.

Dưa bao tử là cây trồng có diện tích gieo trồng tương đối lớn được gieo trồng trên cả đất lúa và đất màu. Đây là cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao, nhưng chi phí đầu tư lớn. Trong những năm trở lại đây, diện tích trồng dưa bao tử vẫn tăng lên, cụ thể: năm 2012 diện tích trồng 23 ha, chiếm 3,58% trong tổng diện tích gieo trồng, năm 2014 là 32 ha, chiếm 4,61%, bình quân tăng 17,95% qua 3 năm.

Ngoài đậu tương, dưa bao tử, dưa lê là cây trồng có diện tích gieo trồng tăng khá mạnh trong 3 năm qua. Nguyên nhân là do dưa lê được đưa vào gieo trồng trên đất lúa 1 vụ, từ 24,8 ha năm 2012, chiếm 3,85% tổng diện tích gieo trồng, 35 ha năm 2013 và tăng lên 47,2 ha năm 2014, bình quân tăng 37,94% qua 3 năm. Điều này nói lên rằng xã đã tập trung đẩy mạnh công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao giá trị hàng hóa nông sản.

Trong vụ đông sớm, xã đã bố trí cây khoai tây trong cơ cấu cây trồng. Năm 2012 diện tích gieo trồng là 23 ha, chiếm 3,58% trong tổng diện tích gieo trồng thì đến năm 2013 là 20 ha và không có sự thay đổi vào năm 2014. Năm 2013 cây cà chua được đưa vào sản xuất với diện tích 6,3 ha, chiếm 0,93% trong tổng diện tích gieo trồng và tăng nhanh vào năm 2014 là 14,4 ha. Do sản phẩm của cà chua khó bảo quản lại phụ thuộc nhiều vào nhu cầu thị trường nên xã đã có những điều chỉnh diện tích gieo trồng cho phù hợp với cung thị trường mà xã cung cấp.

Trên đất trồng lúa cây bí ngô có diện tích gieo trồng tương đối lớn. Đây là loại cây đòi hỏi chi phí đầu tư thấp mà chủ yếu phụ thuộc vào đặc điểm địa hình (chủ yếu chân ruộng cao) và điều kiện khí hậu nên đối với những người nghèo vẫn có thể chuyển đổi dễ dàng. Giá trị sản phẩm có tính hàng hóa, nhu cầu thị trường cao, chính vì thế mà diện tích gieo trồng bí ngô tăng nhanh qua 3 năm, cụ thể: 38 ha năm 2012 chiếm 5,91% trong tổng diện tích gieo trồng

thì đến năm 2013 là 50 ha và 68 ha vào năm 2014, bình quân tăng 33,76% qua 3 năm. Cây rau vụ đông đang có xu hướng giảm trong 3 năm từ 24,8ha năm 2012 xuống còn 23 ha năm 2014, bình quân qua 3 năm giảm 3,7%. Mặc dù, cây thực phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cao nhưng nó phụ thuộc nhiều vào điều kiện khí hậu, thời tiết, khả năng chống chịu thấp, là sản phẩm tươi sống, khó bảo quản nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý sản xuất của bà con nông dân, họ chưa mạnh dạn trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Chính vì vậy mà hiện nay, diện tích cây thực phẩm tuy đã tăng đáng kể nhưng vẫn chiếm tỷ lệ nhỏ hơn cây lương thực trong tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm của xã.

Như vậy diện tích gieo trồng các loại cây hàng năm đã có sự biến đổi. Điển hình là tăng diện tích dưa lê, ngô, bí ngô giảm diện tích một số loại cây trồng nhưng năng suất cây trồng lại tăng lên. Diện tích lúa đã giảm mạnh cho thấy sự đa dạng hóa cây trồng và có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa.

Bảng 4.3: Cơ cấu diện tích gieo trồng một số cây hàng năm của xã Minh Tiến

Chi tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		So sánh (%)		
	DT (ha)	CC (%)	DT (ha)	CC (%)	DT (ha)	CC (%)	13/12	14/13	BQ
Tổng DT gieo trồng	643,4	100	675,6	100	694,0	100	105,00	102,72	103,85
1. Lúa	462,0	71,8	457,3	67,7	422,2	60,84	98,98	92,32	95,59
a. Lúa đông xuân	231,0	35,9	231,0	34,2	216,0	31,12	100,00	93,50	96,69
b. Lúa mùa	231,0	35,9	226,3	33,5	206,2	29,72	97,96	91,11	94,47
2. Dưa lê	24,8	3,85	35,0	5,18	47,2	6,8	141,12	134,85	137,94
3. Đậu tương	47,8	7,43	55,0	8,14	67,2	9,68	115,06	122,18	118,56
4. Dưa bao tử	23,0	3,58	28,0	4,14	32,0	4,61	121,74	114,28	117,95
5. Khoai tây	23,0	3,58	20,0	2,96	20,0	2,89	86,95	100,00	93,24
6. Cà chua	0,0	-	6,3	0,93	14,4	2,07	-	228,57	
7. Bí ngô	38,0	5,91	50,0	7,4	68,0	9,8	131,57	136,00	133,76
8. Rau vụ đông	24,8	3,85	24,0	3,55	23,0	3,31	96,78	95,83	96,30
Hệ số sử dụng đất		2,3		2,4		2,54			

(Nguồn: UBND xã Minh Tiến)

4.1.3 Cơ cấu công thức luân canh chính của xã

Luân canh cây trồng ngoài tác dụng tăng độ phì nhiêu, điều hòa dinh dưỡng, giảm sâu bệnh mà còn thể hiện trình độ thâm canh của người sản xuất. Chính vì vậy mà mỗi vùng, mỗi địa phương đều hình thành nên những công thức luân canh khác nhau nhằm khai thác lợi thế của vùng. Một số công thức luân canh chủ yếu của xã Minh Tiến được thể hiện ở bảng 4.4.

Qua bảng số liệu cho thấy: diện tích đất lúa giảm trong 3 năm cụ thể: năm 2012 là 231 ha chiếm 82,85% trong tổng diện tích đất đến năm 2013 là 231 ha và 216 ha năm 2014 giảm 6,5% so với năm 2013, bình quân qua 3 năm giảm 3,31%. Trên đất lúa chủ yếu gieo trồng lúa xuân – lúa mùa, diện tích mô hình lúa xuân – lúa mùa – 1 màu đang có xu hướng tăng. Năm 2012 diện tích mô hình lúa xuân – lúa mùa – bí ngô là 38 ha chiếm 40,85% trong tổng diện tích đất, đến năm 2013 tăng lên là 50 ha và 68 ha năm 2014, bình quân tăng 33,78% qua 3 năm.

Năm 2013 mô hình lúa xuân – dưa lê – đậu tương và mô hình lúa xuân – lúa mùa – dưa bao tử được đưa vào sản xuất. Việc thâm canh với hình thức lúa 1 vụ có tỷ lệ tăng mạnh vào năm 2014 cụ thể: năm 2013 là 4,7 ha thì đến năm 2014 tăng lên 9,8 ha. Diện tích đất màu có xu hướng tăng nhanh qua 3 năm: 47,8 ha năm 2013 chiếm 17,15% trong tổng diện tích đất thì đến năm 2013 là 50,3 ha và tăng lên 57,4 ha năm 2014, bình quân 3 năm tăng 9,58%. Mô hình dưa bao tử – đậu tương – khoai tây có xu hướng giảm từ 23 ha năm 2012 chiếm 8,25% trong tổng diện tích đất canh tác thì đến năm 2013 là 20 ha và không có sự thay đổi diện tích năm 2014. Mô hình dưa lê – đậu tương – rau vụ đông cũng có xu hướng giảm cụ thể: 24,8 ha năm 2012 giảm xuống còn 24 ha năm 2013 và 23 ha năm 2014, bình quân 3 năm giảm 3,7%. Năm 2013 mô hình đậu tương – dưa lê – cà chua được đưa vào sản xuất với diện tích 6,3 ha chiếm 2,24% trong tổng diện tích đất canh tác thì tăng lên 14,4 ha năm 2014.

Bảng 4.4: Thực trạng cơ cấu diện tích canh tác cây trồng theo một số công thức luân canh

Công thức luân canh	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		So sánh (%)		
	DT (ha)	CC (%)	DT (ha)	CC (%)	DT (ha)	CC (%)	13/12	14/13	BQ
I. Tổng diện tích đất	278,8	100	281,3	100	273,4	100	100,89	97,19	99,02
1. Đất lúa	231,0	82,85	231,0	82,12	216,0	79,00	100	93,50	96,69
Lúa xuân – lúa mùa	193,0	69,22	168,3	59,82	126,2	46,15	87,20	74,98	80,86
Lúa xuân – lúa mùa – dưa bao tử	0	-	8,0	2,84	12,0	4,38		150,00	
Lúa xuân – dưa lê – đậu tương	0	-	4,7	1,67	9,8	3,60		208,51	
Lúa xuân – lúa mùa – bí ngô	38,0	13,63	50,0	17,80	68,0	24,87	131,58	136,00	133,78
2. Đất màu	47,8	17,15	50,3	17,88	57,4	21,00	105,23	114,11	109,58
Dưa bao tử – đậu tương – khoai tây	23,0	8,25	20,0	7,11	20,0	7,31	86,95	100	93,25
Dưa lê – đậu tương – rau vụn đông	24,8	8,9	24,0	8,53	23,0	8,42	96,78	95,83	96,30
Đậu tương – dưa lê – cà chua	0	-	6,3	2,24	14,4	5,27		228,57	

(Nguồn: UBND xã Minh Tiến)

Nhìn chung cơ cấu cây trồng và công thức luân canh trong xã đã có nhiều biến đổi. Tổng diện tích canh tác nông nghiệp có sự cơ cấu một cách hợp lý đã tạo sự chuyển biến tích cực trong phương pháp thâm canh, tăng vụ tạo nên đa dạng các loại cây trồng. Tuy vậy nhìn chung chủng loại cây trồng ở địa phương còn nghèo, diện tích cơ cấu lúa xuân – lúa mùa còn lớn, diện tích đất bỏ hoang còn nhiều. Vì vậy trong thời gian tới, xã cần bố trí quy hoạch các loại cây trồng thích hợp để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh tế cho sản xuất.

4.1.4 Kết quả và hiệu quả kinh tế của một số cây trồng chính

4.1.4.1 Năng suất của một số cây trồng chính

Trong những năm qua nhờ áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhờ kinh nghiệm sản xuất nên năng suất và sản lượng của một số cây trồng ở xã không ngừng tăng lên, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, đáp ứng tiêu dùng cho nhân dân và xuất khẩu.

Bảng 4.5: Năng suất cây lương thực của xã Minh Tiến

Loại cây	Đơn vị	2012	2013	2014	So sánh (%)		
					13/12	14/13	BQ
Lúa xuân	Tạ/ha	60,17	62,40	63,80	103,70	102,24	102,96
Lúa mùa	Tạ/ha	57,00	59,80	60,20	104,90	100,70	102,80

(Nguồn : UBND xã Minh Tiến)

Qua bảng số liệu chúng ta thấy cây lúa có năng suất tăng đều và đạt ở mức khá cao. Lúa xuân năm 2012 là 60,17 tạ/ha, tăng lên 62,4 tạ/ha năm 2013 và 63,8 tạ/ha năm 2014, bình quân 3 năm tăng 2,96%. Đây là mức tăng năng suất khá cao cho thấy việc chú trọng đầu tư thâm canh đưa các giống mới vào sản xuất đã đem lại hiệu quả. Với lúa mùa cũng tăng lên cụ thể: năm 2012 đạt năng suất 57 tạ/ha, tăng lên 2,8 tạ/ha vào năm 2013 đạt mức 59,8 tạ/ha và năm 2014 là 60,2 tạ/ha. Như vậy tuy diện tích trồng lúa giảm xuống nhưng năng suất cây trồng lại tăng lên, điều này chứng tỏ trình độ thâm canh cao của

người dân, đồng thời đã chuyển đổi với một cơ cấu luân canh hợp lý nên năng suất đã không ngừng tăng lên, việc đầu tư theo chiều sâu sẽ đem lại hiệu quả hơn so với đầu tư theo chiều rộng.

Bảng 4.6: Năng suất một số cây thực phẩm chính của xã Minh Tiến

Loại cây	Đơn vị	2012	2013	2014	So sánh (%)		
					13/12	14/13	BQ
Đậu tương	Tạ/ha	28,20	25,28	29,10	89,64	115,11	101,58
Dưa lê	Tạ/ha	125,10	126,20	128,40	100,87	101,74	101,30
Dưa bao tử	Tạ/ha	210,80	214,70	220,50	101,85	102,70	102,27
Khoai tây	Tạ/ha	90,32	92,40	94,20	102,30	101,94	102,12
Cà chua	Tạ/ha	0,00	148,00	143,40		96,89	
Bí ngô	Tạ/ha	83,40	85,00	86,45	101,92	101,70	101,81
Rau vụ đông	Tạ/ha	80,20	79,50	77,24	99,13	97,15	98,13

(Nguồn: UBND xã Minh Tiến)

Đối với nhóm cây thực phẩm thì cây đậu tương có mức tăng trưởng nhanh nhưng không ổn định cụ thể: năm 2012 là 28,2 tạ/ha, giảm xuống 25,28 tạ/ha năm 2013 và năm 2014 tăng lên là 29,1 tạ/ha, bình quân qua 3 năm tăng 1,58%. Nguyên nhân năng suất giảm vào năm 2013 là do một số loại giống mới được đưa vào gieo trồng, phần lớn nông dân sản xuất theo kinh nghiệm, chưa thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật nên năng suất chưa đạt so với yêu cầu đề ra.

Dưa lê là cây có giá trị kinh tế cao, năng suất cây dưa lê không ngừng tăng lên qua các năm. Năm 2012 năng suất đạt 125,1 tạ/ha năm 2013 tăng thêm 1,1 tạ/ha đạt năng suất 126,2 tạ/ha và 128,4 tạ/ha năm 2014, bình quân qua 3 năm tăng 1,3%. Tuy mới được trồng thử trên đất lúa 1 vụ nhưng năng suất đã tăng lên. Điều này cho thấy sự thay đổi trong cơ cấu cây trồng của xã là hoàn toàn đúng đắn.

Cây dưa bao tử cho năng suất tăng đều qua 3 năm cụ thể: 210,8 tạ/ha năm 2012 tăng 3,9 tạ/ha đạt năng suất 214,7 tạ/ha năm 2013 và tăng lên 220,5

tạ/ha năm 2014, bình quân qua 3 năm tăng 2,27%. Cây dưa bao tử là cây trồng cho năng suất cao, chính vì vậy mà diện tích trồng dưa bao tử đã không ngừng tăng lên trong 3 năm qua.

Khoai tây là loại cây trồng được bố trí gieo trồng trong cơ cấu cây vụ đông sớm. Đây là loại cây cho năng suất tăng lên với 90,32 tạ/ha năm 2012 tăng 2,08 tạ/ha đạt năng suất 92,4 tạ/ha và tăng lên 94,2 tạ/ha năm 2014. Đây có thể coi là thành công trong việc nâng cao giá trị sản lượng cây trồng. Giảm diện tích gieo trồng mà nâng cao năng suất luôn là mục tiêu cần hướng tới.

Cây cà chua sau khi được đưa vào sản xuất năm 2013 năng suất đạt 148 tạ/ha nhưng năm 2014 còn có 143,4 tạ/ha đã giảm 4,6 tạ/ha. Việc mở rộng diện tích không làm tăng năng suất cây trồng thậm chí năng suất cây trồng đã giảm đi. Đây là vấn đề đặt ra đối với xã Minh Tiến trong những năm tới cần tìm ra cơ cấu cây trồng cho phù hợp hơn và đa dạng hóa các sản phẩm của cây trồng vụ đông.

Bí ngô là loại cây trồng cho năng suất cao cụ thể: năm 2012 năng suất bí ngô đạt 83,4 tạ/ha tăng 1,6 tạ/ha đạt năng suất 85 tạ/ha năm 2013 và năm 2014 tăng lên là 86,45 tạ/ha, bình quân qua 3 năm tăng 1,81%, nguyên nhân là do đã đưa vào gieo trồng một số loại giống có chất lượng. Trong cùng vụ đông năng suất cây rau vụ đông có xu hướng giảm với 80,2 tạ/ha năm 2012 giảm xuống 79,5 tạ/ha năm 2013 và còn 77,24 tạ/ha năm 2014. Năng suất cây trồng tăng đã đóng góp vào giá trị sản lượng nâng cao thu nhập cho người sản xuất. Một cơ cấu cây trồng hợp lý đem lại hiệu quả kinh tế cao luôn là vấn đề được quan tâm ở nhiều địa phương.

Bảng 4.7: Năng suất một số cây ăn quả chính của xã Minh Tiến

Loại cây	Đơn vị	2012	2013	2014	So sánh (%)		
					13/12	14/13	BQ
Vải	Tạ/ha	116,70	120,00	117,80	102,83	98,17	100,47
Nhãn	Tạ/ha	110,00	119,80	124,70	108,90	104,09	106,47
Táo	Tạ/ha	-	-	69,50			
ổi	Tạ/ha	180,70	183,26	185,50	101,41	101,22	101,31

(Nguồn: UBND xã Minh Tiến)

Năng suất từ nhóm cây trồng lâu năm khá cao, cao nhất là ổi. Trước đây giống ổi bo và ổi mỹ được trồng nhiều trong vườn tuy nhiên hiệu quả mang lại chưa cao, những năm gần đây các giống ổi trên dần dần đã bị thay thế bằng giống ổi găng, ổi đài loan chính vì vậy mà năng suất đạt rất cao từ 180,7 tạ/ha năm 2012, tăng lên 183,26 tạ/ha năm 2013 và 185,5 tạ/ha năm 2014. Một số hộ đã chuyển sang trồng ổi hoặc trồng kết hợp nhãn – ổi, vải – ổi cũng cho năng suất khá cao. Tuy mới được đưa vào sản xuất nhưng cây táo cũng cho năng suất khá cao, với vụ thu hoạch đầu tiên đã cho năng suất là 69,5 tạ/ha, sản lượng ước đạt 37,53 tấn.

Năng suất cây nhãn cũng tăng dần qua 3 năm nhưng với mức độ chậm, với cây vải năng suất tăng nhanh nhưng không ổn định. Trước đây cây vải và cây nhãn là loại cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế cao nhưng do chưa có quy hoạch nên người dân chuyển đổi theo phong trào một cách ồ ạt vì thấy lợi trước mắt. Ban đầu các hộ trồng trong vườn, nhận thấy có hiệu quả cao nhiều hộ chuyển đổi hẳn một phần đất lúa sang trồng vải, nhãn hoặc trồng xen canh giữa vải, nhãn và lúa. Nhưng mấy năm trở lại đây do diện tích trồng vải, nhãn ở các địa phương là khá lớn vì vậy mặc dù cho năng suất cao nhưng giá cả lại bấp bênh nên đã ảnh hưởng đến tâm lý người nông dân. Mặt khác vải quả chỉ tiêu thụ ở dạng tươi khó bảo quản được lâu nên cũng gây khó khăn cho người sản xuất. Đối với nhãn thì có thể sấy khô và bảo quản được lâu nhưng yêu cầu

kỹ thuật khắc khe, tốn nhiều công chăm sóc.

Qua số liệu được thu thập ở trên ta thấy năng suất của cây trồng nhìn chung là tăng đặc biệt là dưa lê, dưa bao tử, bí ngô, khoai tây, táo, ổi tăng năng suất cao. Qua đó có thể thấy việc bố trí cây trồng đã phần nào hợp lý vì một cơ cấu cây trồng hợp lý là phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng, đem lại năng suất cao, đồng thời thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và cải thiện đời sống nhân dân.

4.1.4.2 Hiệu quả kinh tế của một số cây trồng chính

Hiệu quả kinh tế là tiền đề để đánh giá hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh, là cơ sở lựa chọn phương án tối ưu trong sản xuất. Để đánh giá kết quả và hiệu quả kinh tế của các loại cây trồng, chúng tôi xác định những chỉ tiêu quan trọng sau: giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị gia tăng cùng với các chỉ tiêu gia tăng trên một đồng giá trị sản xuất và chi phí trung gian.

Bảng 4.8: Hiệu quả kinh tế cây lương thực của xã Minh Tiến

ĐVT: triệu đồng/ha

Loại cây	GTSX (GO)	CPTG (IC)	GTGT (VA)	VA/GO (lần)	VA/IC (lần)
Lúa xuân	38,28	16,80	21,48	0,56	1,27
Lúa mùa	36,72	16,80	19,92	0,54	1,18

(Nguồn: UBND xã Minh Tiến)

Lúa là cây trồng đã giảm diện tích rất nhanh qua 3 năm do hiệu quả từ cây lúa mang lại không cao, giá trị sản xuất của lúa xuân là 38,28 triệu/ha, chi phí trung gian là 16,8 triệu/ha, tỷ trọng VA/GO là 0,56 lần, VA/IC là 1,27 lần. Hiệu quả kinh tế từ lúa mùa còn thấp hơn với tổng giá trị sản xuất đạt 36,72 triệu/ha, sau khi trừ đi chi phí còn 19,92 triệu/ha. Vì vậy việc thay thế bằng các cây trồng khác có hiệu quả và giá trị kinh tế cao hơn là xu hướng chuyển đổi đúng đắn của xã.

Bảng 4.9: Hiệu quả kinh tế một số cây thực phẩm chính của xã Minh Tiến

ĐVT: triệu đồng/ha

Loại cây	GTSX (GO)	CPTG (IC)	GTGT (VA)	VA/GO	VA/IC
Đậu tương	40,60	9,25	31,35	0,77	3,39
Dưa lê	83,20	24,90	58,30	0,70	2,34
Dưa bao tử	129,00	26,40	102,60	0,79	3,88
Khoai tây	56,52	23,50	33,02	0,58	1,40
Cà chua	74,60	24,85	49,75	0,67	2,00
Bí ngô	47,60	8,34	39,26	0,82	4,70
Rau vụ đông	27,03	9,80	17,23	0,63	1,75

(Nguồn: UBND xã Minh Tiến)

Qua bảng số liệu chúng ta thấy trong nhóm cây thực phẩm thì cây dưa bao tử là loại cây cho tổng giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích gieo trồng là lớn nhất. Tổng giá trị sản xuất đạt 129 triệu/ha, nhưng đòi hỏi đầu tư tương đối cao 26,4 triệu chi phí và VA/IC chiếm 3,88 lần. Tuy diện tích trồng khoai tây đã giảm nhưng cho giá trị sản xuất đạt 56,52 triệu/ha, thu được 33,02 triệu/ha/năm; tỷ trọng VA/GO là 0,58 lần, VA/IC là 1,4 lần. Đây là chỉ số rất đáng quan tâm bởi nó cho thấy hiệu quả của cây khoai tây. Điều này chứng tỏ người dân quan tâm theo chiều sâu để tăng năng suất trên một đơn vị diện tích. Nếu nguồn vốn hộ nông dân bị hạn chế; nên đầu tư vào việc sản xuất chuyên trồng bí ngô vì chỉ cần đầu tư khoản 8,34 triệu đồng /ha sẽ cho thu nhập, đây là loại cây có chi phí trung gian thấp nhất, trừ các chi phí hộ nông dân còn 39,26 triệu/ ha và đây cũng cây trồng có VA/IC cao nhất với tỷ lệ là: 4,7 lần.

Giá trị sản xuất của dưa lê là 83,2 triệu/ha cũng là cây trồng cho giá trị kinh tế cao, với khoản đầu tư là 24,9 triệu/ha và giá trị gia tăng là 58,3 triệu/ha. Cây cà chua mới được đưa vào gieo trồng tuy năng suất có giảm

nhưng giá trị sản xuất cũng tương đối cao đạt 74,6 triệu/ha, trong đó chi phí trung gian là 24,85 triệu và tỷ trọng VA/GO là 0,67 lần, VA/IC là 2,00 lần.

Trong số các loại cây trồng của xã, đậu tương có diện tích tăng nhanh, tuy năng suất không ổn định nhưng giá trị sản xuất đạt khá cao 40,6 triệu/ha, sau khi trừ đi chi phí thu được 31,35 triệu/ha, tỷ trọng VA/GO là 0,77 lần, VA/IC là 3,39 lần. Như vậy hiệu quả kinh tế của cây đậu tương mang lại là không cao so với các cây trồng khác như dưa lê, dưa bao tử, bí ngô... nhưng cây đậu tương đòi hỏi chi phí đầu tư thấp, ít phụ thuộc vào điều kiện thời tiết, khí hậu, không mất nhiều công chăm sóc, là cây trồng có khả năng cải tạo đất và một số hộ còn sử dụng đậu tương để cung cấp chất dinh dưỡng cho cây nhãn. Vì thế, mà cây đậu tương vẫn được mở rộng diện tích gieo trồng. Với cây rau vụ đông thì khoản đầu tư tương đối thấp chỉ với 9,8 triệu/ha, giá trị sản xuất đạt 27,03 triệu/ha nên hiệu quả kinh tế không cao. Mặc dù rau là cây trồng có thị trường tiêu thụ rộng, là thực phẩm không thể thiếu trong bữa ăn hàng ngày, tuy nhiên hiệu quả mang lại còn thấp hơn cả cây lúa. Vì vậy, trong thời gian tới xã cần có sự thay đổi lại về cơ cấu cây trồng để đạt hiệu quả cao hơn.

Bảng 4.10: Hiệu quả kinh tế một số cây ăn quả chính của xã Minh Tiến

ĐVT: triệu đồng/ha

Loại cây	GTSX (GO)	CPTG (IC)	GTGT (VA)	VA/GO	VA/IC
Vải	141,60	6,35	135,30	0,95	21,30
Nhãn	150,00	8,50	141,50	0,94	16,65
Táo	55,60	2,80	52,80	0,94	18,86
ổi	152,50	8,10	144,40	0,95	17,83

(Nguồn: UBND xã Minh Tiến)

Trong cơ cấu cây trồng lâu năm thì cây táo tuy mới được trồng nhưng hiệu quả kinh tế tương đối cao. Tổng giá trị sản xuất đạt 55,6 triệu/ha, với khoản chi phí chỉ khoảng 2,8 triệu thấp nhất so với các loại cây khác và có tỷ

trọng VA/GO là 0,94 lần, VA/IC là 18,86 lần. Cây ổi cũng cho hiệu quả kinh tế khá cao với tổng giá trị sản xuất đạt 152,5 triệu/ha, sau khi trừ đi chi phí khoảng 8,1 triệu thu được 144,4 triệu/ha, tỷ trọng VA/GO là 0,95 lần, VA/IC là 17,83 lần. Trong những năm vừa qua cây vải, nhãn từng là cây chủ lực của vùng, tuy giá cả cao hơn các loại cây khác nhưng do số lượng cung quá lớn nên thường xuyên bị ép giá. Vì vậy, trong thời gian gần đây người dân đã chủ động giảm diện tích trồng vải, nhãn, tăng diện tích trồng táo, ổi, kết hợp trồng xen với các cây trồng hằng năm khác như đu đủ, chuối để tăng thêm thu nhập.

Qua phân tích ở trên ta thấy nhìn chung các loại cây trồng đều cho hiệu quả kinh tế cao hơn so với trồng lúa. Việc đa dạng hóa các loại cây đã phá dần lối canh tác cổ truyền độc canh cây lúa, thực hiện sản xuất chuyên môn hóa, đa dạng sẽ tạo ra nhiều loại sản phẩm đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng hạn chế sự biến động bất thường của giá cả nông sản.

4.1.5 Hiệu quả kinh tế của một số công thức luân canh

Đánh giá hiệu quả kinh tế từng loại cây trồng mới chỉ phản ánh một phần hiệu quả của sản xuất nông nghiệp. Để thấy rõ hơn hiệu quả sử dụng đất, chúng tôi nghiên cứu tiếp hiệu quả kinh tế của các công thức luân canh được thể hiện ở bảng 4.11.

Bảng 4.11: Hiệu quả kinh tế của một số công thức luân canh

ĐVT: triệu đồng/ha

Công thức luân canh	GTSX (GO)	CPTG (IC)	GTGT (VA)	VA/GO	VA/IC
Lúa xuân – lúa mùa	74,68	33,60	41,08	0,55	1,22
Lúa xuân – lúa mùa – dưa bao tử	200,70	60,14	140,56	0,70	2,34
Lúa xuân – dưa lê – đậu tương	162,08	50,95	111,13	0,68	2,18
Lúa xuân – lúa mùa – bí ngô	115,60	40,90	74,70	0,64	1,82
Dưa bao tử – đậu tương – khoai tây	220,20	58,32	161,88	0,73	2,78
Dưa lê – đậu tương – rau vụ đông	148,32	46,40	101,92	0,69	2,19
Đậu tương – dưa lê – cà chua	198,92	56,81	142,11	0,71	2,50

(Nguồn: UBND xã Minh Tiến)

Qua bảng số liệu cho thấy ở đất lúa việc sử dụng công thức luân canh cây trồng sau thu hoạch lúa đông xuân trên chân ruộng 1 vụ cho giá trị kinh tế cao nếu bỏ ra 1 đồng chi phí người nông dân có thể thu được 2,18 đồng sinh lợi; qua khảo sát cho thấy nếu đầu tư từ 50,95 triệu/ha sẽ cho thu nhập 111,13 triệu/ha tương ứng với tỷ suất VA/GO là 0,68 lần, đối với đất 2 vụ trồng chuyên cây lúa cũng chỉ lợi nhuận trong một năm sản xuất ở mức gần 41,08 triệu đồng, chưa kể điều kiện thời tiết khắc nghiệt thiên tai, sâu bệnh thường xuyên xảy ra sẽ ảnh hưởng đến năng suất cây lúa làm cho hộ nông dân bị thiệt hại rất lớn. Đối với mô hình lúa xuân – lúa mùa – màu nếu nguồn vốn hộ nông dân bị hạn chế; nên đầu tư vào việc sản xuất trồng bí ngô vì chỉ cần đầu tư 40,9 triệu sẽ cho thu nhập 74,7 triệu và đây cũng là mô hình có chi phí đầu tư thấp nhất.

Đối với đất màu nếu hộ nông dân có nguồn vốn đầu tư vào sản xuất nên chọn công thức luân canh dưa bao tử – đậu tương – khoai tây sẽ cho thu nhập trên đơn vị diện tích (ha) cao hơn so với các phương thức khác; nếu thực hiện theo công thức này nông hộ thu được 161,88 triệu/ha/năm khi đã trừ đi chi phí nhưng thực hiện mô hình này đòi hỏi hộ nông dân phải có vốn đầu tư 58,32 triệu/ha/năm. Công thức đậu tương – dưa lê – cà chua cũng cho hiệu quả kinh tế cao, với khoản chi phí bỏ ra là 56,81 triệu đồng thì sẽ thu được 142,11 triệu đồng. Đây là mô hình mới được đưa vào sản xuất nhưng giá trị mang lại cũng khá cao. Đối với mô hình dưa lê – đậu tương – rau vụ đông hộ nông dân chỉ cần đầu tư khoảng 46,4 triệu sẽ cho thu nhập 101,92 triệu/ha và đây là mô hình đòi hỏi chi phí đầu tư thấp nhất. Nhưng nếu đầu tư vào mô hình này thì hiệu quả kinh tế đạt không cao; thấp nhất trong các công thức luân canh đối với đất trồng màu.

Qua nghiên cứu của bảng số liệu ta thấy đối với đất lúa cơ cấu lúa xuân – lúa mùa – dưa bao tử cho thu nhập cao nhất, đất trồng lúa – bí ngô mặc dù thu nhập thấp hơn nhưng khoản đầu tư ít nên tạo điều kiện thuận lợi cho các

nông hộ có nguồn vốn hạn chế; đối với đất màu dưa bao tử – đậu tương – khoai tây; đậu tương – dưa lê – cà chua cho thu nhập tương đối cao, song đòi hỏi vốn đầu tư tương đối lớn nên cần có cơ chế khuyến khích để hộ nông dân tăng cường nhân rộng mô hình này. Như vậy, để phát huy tối đa hiệu quả kinh tế của cây trồng; yêu cầu phải có công thức luân canh hợp lý; trên cơ sở nghiên cứu kỹ lợi thế của từng vùng đất, đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng với các loại giống cây có năng suất và giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng và thị trường đầu ra thuận lợi.

4.1.6 Tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế của hộ điều tra

4.1.6.1 Tác động tích cực

Đẩy mạnh việc thâm canh tăng vụ

Trong sản xuất nông nghiệp đất đai là yếu tố cần thiết đầu tiên, là tư liệu sản xuất không thể thiếu được. Với một vùng quê đất đai tương đối nhiều nhưng hiệu quả sản xuất không cao, đời sống nhân dân vẫn gặp nhiều khó khăn. Dân số sống dựa vào đất là chủ yếu do đó thay đổi lại cơ cấu cây trồng, sử dụng, khai thác đất hợp lý là vấn đề phải được đặt lên hàng đầu.

Trước đây đất sản xuất nông nghiệp của xã chủ yếu là trồng lúa một năm 2 vụ là đông xuân và hè thu, thời gian còn lại phần lớn là bỏ hoang, chỉ có một số hộ trồng thêm cây khoai lang và cây ngô. Trên đất trồng màu các hộ trồng chủ yếu 2 vụ là dưa bở, dưa hấu và sau đó để không. Sau khi thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng có điều kiện canh tác đã dần khai thác hết tiềm năng lợi thế của đất, các hộ đã sản xuất vụ 3 làm tăng hiệu quả của đất, tăng thu nhập.

Trong những năm qua, ngoài 2 vụ sản xuất chính là đông xuân và hè thu, một số diện tích đã được quy hoạch chuyển sang trồng màu và trồng cây vụ đông đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Trước khi chuyển đổi các hộ nông dân chỉ sử dụng công thức luân canh chủ yếu là lúa xuân – lúa

mùa – ngô hoặc lúa xuân – lúa mùa – khoai lang, một số hộ khác trồng màu. Sản phẩm chủ yếu phục vụ cho chăn nuôi nên hiệu quả mang lại chưa thực sự cao. Sau khi chuyển đổi; các hộ áp dụng nhiều công thức đa dạng như lúa xuân – lúa mùa – bí ngô, lúa xuân – lúa mùa – dưa bao tử, dưa lê – đậu tương – rau kết hợp...

Đầu tư cho sản xuất tăng

Trước chuyển đổi cơ cấu cây trồng, các nông hộ vẫn chưa có sự đầu tư trang thiết bị cho sản xuất. Để tiết kiệm chi phí sản xuất, người dân chủ yếu sử dụng sức lao động thủ công chưa áp dụng nhiều cơ giới hóa vào sản xuất. Đặc biệt sau khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng thì máy móc được đưa vào sản xuất nhiều hơn nhằm tăng hiệu quả kinh tế sản xuất, giảm sức lao động.

Tình hình đầu tư cho sản xuất trước và sau chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở các hộ được thể hiện qua bảng 4.12.

Qua khảo sát cho thấy số lượng máy móc phục vụ cho sản xuất tăng lên đáng kể. Đây là điều kiện thuận lợi cho các hộ giảm được lao động đồng thời tăng năng suất, hiệu suất lao động. Diện tích trồng màu tăng chính vì thế số lượng các loại máy móc phục vụ cho sản xuất không ngừng tăng lên trong những năm sau chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Qua khảo sát thì các hộ đã chú trọng đầu tư mua các loại máy cày bừa, máy bơm, máy làm đất, máy gặt phục vụ đắc lực cho sản xuất nông nghiệp. Nhiều hộ chung nhau mua máy móc không những phục vụ cho gia đình mà còn nhận những vùng ruộng đất của các hộ khác để tiến hành làm thuê tăng thêm thu nhập cho mình.

Bảng 4.12: So sánh tình hình đầu tư cho sản xuất trước và sau chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở các hộ.

Nhóm hộ	Công cụ, tư liệu sản xuất														
	Máy tuốt (cái)			Máy làm đất (cái)			Máy cày, bừa (cái)			Máy bơm trong sản xuất NN (cái)			Máy gặt (cái)		
	2009	2014	+/-	2009	2014	+/-	2009	2014	+/-	2009	2014	+/-	2009	2014	+/-
Khá	-	-	-	-	2	+2	1	-	-1	3	10	+7	-	-	-
Trung bình	1	1	0	-	1	+1	1	2	+1	6	12	+6	-	1	+1
Nghèo	-	-	-	-	-	-	-	1	+1	-	2	+2	-	-	-
Tổng	1	1	0	-	3	+3	2	3	+1	9	24	+15	-	1	+1

(Nguồn: Tổng hợp điều tra hộ nông dân)

Kết quả sản xuất tăng

Qua bảng số liệu chúng ta thấy, hiệu quả kinh tế của các mô hình trước chuyển đổi tương đối thấp, cao nhất là mô hình trồng dưa bở – dưa hấu, với giá trị sản xuất đạt 3.719,24 ngàn đồng, sau khi trừ đi khoản chi phí 884,72 ngàn đồng và thu được 2.834,52 ngàn đồng, và đây cũng là mô hình có tỷ số VA/GO, VA/IC cao nhất.

Từ khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng, các loại cây mới được thay thế, công thức luân canh có nhiều thay đổi, đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, từ 2 vụ màu/năm lên 3 vụ/năm, thay đổi đáng kể về diện tích canh tác trên cả đất lúa – màu và đất màu. Đối với mô hình dưa bao tử – đậu tương – khoai tây cho thu nhập cao nhất, giá trị sản xuất đạt 8.705,48 ngàn đồng, sau khi trừ đi chi phí thì thu được 6.656,21 ngàn đồng, và đây là mô hình có chỉ số VA/IC cao nhất: 3,25 lần. Mô hình đậu tương – dưa lê – cà chua cũng cho hiệu quả kinh tế cao, với khoản chi phí bỏ ra là 1.988,13 ngàn đồng, thu được 6.288,59 ngàn đồng, tỷ số VA/GO, VA/IC lần lượt là: 0,76 lần và 3,16 lần. Các tỷ số VA/GO, VA/IC sau chuyển đổi đều cao hơn trước, điều này cho thấy việc sử dụng vốn có hiệu quả hơn. Kết quả được thể hiện ở bảng 4.13.

Bảng 4.13: So sánh hiệu quả kinh tế của một số công thức luân canh trước và sau chuyển đổi của các hộ điều tra**ĐVT: 1.000 đ**

Công thức luân canh	GTSX (GO)	CPTG (IC)	GTGT (VA)	VA/GO (lần)	VA/IC (lần)
Trước chuyển đổi CCCT					
Lúa xuân – lúa mùa – ngô	3.585,62	1.541,81	2.043,81	0,57	1,32
Lúa xuân – lúa mùa – khoai lang	3.406,50	1.418,60	1.987,90	0,58	1,40
Dưa bở – dưa hấu	3.719,24	884,72	2.834,52	0,76	3,20
Sau chuyển đổi CCCT					
Lúa xuân – lúa mùa – bí ngô	4.161,85	1.465,32	2.696,53	0,65	1,84
Lúa xuân – lúa mùa – dưa bao tử	7.860,93	2.154,08	5.706,85	0,72	2,64
Dưa bao tử – đậu tương – khoai tây	8.705,48	2.049,27	6.656,21	0,76	3,25
Dưa lê – đậu tương – rau vụ đông	6.287,75	1.580,70	4.707,05	0,75	2,98
Đậu tương – dưa lê – cà chua	8.276,72	1.988,13	6.288,59	0,76	3,16

(Nguồn: Tổng hợp điều tra hộ nông dân)

Qua bảng về hiệu quả kinh tế của một số loại cây trồng cho thấy đối với cây hằng năm thì trước chuyển đổi thu nhập từ cây dưa bở là cao nhất, với khoản chi phí bỏ ra tương đối thấp khoảng 366,67 ngàn đồng sẽ thu được 1.966,67 ngàn đồng. Mặc dù, cây dưa bở cho thu nhập cao, tuy nhiên hạn chế lớn nhất là vào thời điểm thu hoạch nếu có mưa thì sản phẩm sẽ rất dễ bị hỏng, khó bảo quản. Đối với cây dưa hấu thì các hộ chủ yếu trồng theo kinh nghiệm, mà cây dưa hấu đòi hỏi phải có hiểu biết về quy trình kỹ thuật nên năng suất đạt chưa cao. Đối với cây ngô và cây khoai lang các hộ sử dụng chủ yếu cho chăn nuôi. Sau khi chuyển đổi thu nhập từ các loại cây trồng nhìn chung đều cao hơn so với trước chuyển đổi. Đặc biệt là cây bí ngô với chi phí bỏ ra chỉ khoảng 253,52 ngàn đồng nhưng cho thu nhập khá cao khoảng 1.354,42 triệu đồng. So với trước chuyển đổi thì đòi hỏi mức độ đầu tư của các loại cây trồng tương đối thấp, cao nhất là cây dưa hấu khoảng 506,67 ngàn đồng, sau khi chuyển đổi thì yêu cầu khoản chi phí bỏ ra đều cao hơn trước từ 2 - 2,5 lần, cao nhất là cây dưa bao tử với khoảng 944,53 ngàn đồng.

Đối với cây lâu năm thì ngoài việc chú trọng đầu tư, các hộ còn quan tâm đến việc đa dạng hóa các loại cây trồng, mô hình kết hợp trồng vải + ổi, nhãn + ổi, ổi đều cho thu nhập cao. Điều này cho thấy việc đa dạng hóa cây trồng là rất cần thiết vì sẽ tạo ra nhiều loại sản phẩm đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng và hạn chế sự biến động bất thường của giá cả nông sản. Hiệu quả kinh tế của một số loại cây trồng được thể hiện ở bảng 4.14.

Bảng 4.14: So sánh hiệu quả kinh tế của một số loại cây trồng trước và sau chuyển đổi của các hộ điều tra

ĐVT: 1.000đ

Loại cây	Trước chuyển đổi			Loại cây	Sau chuyển đổi		
	Tổng thu	Tổng chi	Lãi		Tổng thu	Tổng chi	Lãi
Ngô	1.360,00	371,67	988,33	Bí ngô	1.607,94	253,52	1.354,42
Khoai lang	940,59	230,58	710,01	Dưa lê	3.552,25	873,50	2.678,75
Dưa bở	2.333,34	366,67	1.966,67	Dưa bao tử	5.308,01	944,53	4.363,48
Dưa hấu	1.373,33	506,67	866,66	Đậu tương	1.471,36	336,36	1.135,00
				Khoai tây	1.818,46	783,07	1.035,39
				Cà chua	2.610,43	816,02	1.794,41
Vải	4.988,57	260,00	4.728,57	Vải + ổi	5.340,97	303,10	5.036,87
Nhãn	5.149,09	271,82	4.877,27	Nhãn + ổi	5.678,80	302,50	5.376,30
				ổi	5.548,67	260,33	5.288,34

(Nguồn: tổng hợp điều tra hộ nông dân)

Hiệu quả sản xuất sau chuyển đổi có thể thấy rõ ở mô hình sản xuất sau đây.

Bảng 4.15: Kết quả sản xuất sau khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng của mô hình bà Đinh Thị Hằng (thôn Phạm Xá)

Chỉ tiêu	Diện tích (m ²)	Sản lượng/năm	Thu nhập (trđ/năm)
<i>* Trước CĐCCCT</i>			
– Lúa	3.600	4,1 tạ (2 vụ/năm với năng suất 2,1 tạ/sào/vụ xuân; 2,0 tạ/sào/vụ hè)	13.000
– Dưa bở – dưa hấu	720	4 tạ/sào dưa bở; 2 tạ/sào dưa hấu	4.800
<i>* Sau CĐCCCT</i>			
– Lúa	2.880	4,5 tạ (2 vụ/năm với năng suất 2,3 tạ/sào/vụ xuân; 2,2 tạ/sào/vụ hè)	12.320
–Dưa lê–đậu tương– cà chua	1.080		25.940
+ Dưa lê		7,0 tạ/sào	11.250
+ Đậu tương		1,2 tạ/sào	3.990
+Cà chua		5,1 tạ/sào	5.550
– Nhãn	360	4,5 tạ/sào	5.150
So sánh tăng (giảm) thu nhập trước và sau CĐCCCT			+20.460

(Nguồn: Phỏng vấn mô hình hộ)

Tăng hệ số sử dụng đất

Hệ số sử dụng càng cao cho thấy mức độ thâm canh cao và việc sử dụng đất có hiệu quả hơn. Qua điều tra cho thấy hệ số sử dụng đất ở nhóm hộ nghèo là thấp nhất. Điều này cũng dễ hiểu vì nhóm hộ nghèo thì hạn chế về nguồn vốn cho nên quá trình chuyển đổi cũng gặp nhiều khó khăn hơn. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng đã thúc đẩy việc sử dụng đất có hiệu quả hơn,

khai thác được tiềm năng của đất, từ đó làm tăng năng suất, giá trị sản lượng cây trồng.

Bảng 4.16: So sánh hệ số sử dụng đất ở các hộ điều tra

Chỉ tiêu	Đơn vị	Khá	Trung bình	Nghèo
Tổng số	Hộ	24	33	3
1. Đất trồng lúa	M ²	50.400	71.640	6.840
2. Đất trồng lúa – màu	M ²	12.690	18.360	1.440
3. Đất trồng màu	M ²	12.600	15.480	1.080
Diện tích canh tác	M ²	75.960	105.480	9.360
Diện tích gieo trồng	M ²	177.480	244.800	21.240
Hệ số sử dụng đất	Lần	2,34	2,32	2,27

(Nguồn: tổng hợp điều tra)

Giải quyết việc làm, tăng thu nhập

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng đã tạo điều kiện cho các hộ nâng cao hiệu quả trong sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, thay đổi tập quán canh tác, đa dạng hóa các loại cây trồng dẫn tới năng suất, chất lượng sản xuất tăng cao, chính vì thế thu nhập của hộ cũng tăng lên đáng kể. Nhờ chính sách cho đất sản xuất thông thoáng hơn nên các hộ có khả năng và nhu cầu đã tiến hành mở rộng, đầu tư mô hình theo cả chiều rộng lẫn chiều sâu; thêm vào đó trong quá trình sản xuất nếu gặp khó khăn các hộ được hỗ trợ về vốn, về kỹ thuật. Từ đó thu nhập của các hộ sau chuyển đổi cơ cấu cây trồng không ngừng tăng lên. Tình hình thu nhập của hộ trước và sau chuyển đổi được thể hiện ở bảng 4.17.

Qua bảng số liệu ta thấy, thu nhập từ trồng màu có mức tăng nhanh nhất cụ thể: trước chuyển đổi là 45,440 triệu đồng và sau chuyển đổi đã tăng lên là 413,241 triệu đồng. Thu nhập từ trồng lúa kết hợp trồng màu cũng tăng khá nhanh, với 132,970 triệu đồng trước chuyển đổi và sau tăng lên 416,535 triệu đồng. Với cây ăn quả có mức tăng chậm hơn, tăng 212,36%. Thu nhập

từ cây lúa đã giảm khá nhanh, giảm 7,79% so với trước. Thu nhập bình quân của các hộ cũng tăng nhanh từ 17,151 triệu lên 29,097 triệu, tăng 69,65%. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng đã tạo điều kiện thuận lợi để các hộ nâng cao thu nhập nhờ việc bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm với chất lượng cao hơn. Từ đó cho thấy chuyển đổi cơ cấu cây trồng là một hướng đi cấp thiết và đúng đắn nhằm tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, cũng như giảm áp lực tiêu thụ lúa, gạo trong bối cảnh thị trường tiêu thụ khó khăn. Sau khi chuyển đổi thì thời gian lao động nhiều hơn so với trước do tập trung vào khâu chăm sóc và thu hoạch. Chính vì vậy đã giải quyết được vấn đề việc làm trong khoảng thời gian nông nhàn của nông dân.

Bảng 4.17: So sánh thu nhập trước và sau chuyển đổi cơ cấu cây trồng của các hộ điều tra

ĐVT: triệu đồng

Thu nhập của các hộ/năm	Trước chuyển đổi	Sau chuyển đổi	So sánh (%)
Lúa	735,040	670,470	91,21
Lúa – màu	132,970	416,535	313,25
Màu	45,440	413,241	909,42
Cây ăn quả	115,640	245,576	212,36
Tổng	1.029,090	1.745,822	169,65
Thu nhập BQ/hộ	17,151	29,097	

(Nguồn: tổng hợp điều tra hộ nông dân)

4.1.6.2 Những khó khăn, tồn tại

Chi phí sản xuất tăng lên

Sau chuyển đổi cơ cấu cây trồng chi phí sản xuất của các hộ gia đình cũng có nhiều sự thay đổi lớn. Hầu hết các hộ khi được hỏi đều có chung trả lời là chi phí sản xuất càng ngày càng tăng. Qua khảo sát chi phí về các loại phân bón tăng đáng kể về mặt giá trị chủ yếu là do giá cả vật tư phân bón sản xuất nông nghiệp liên tục tăng mạnh trong nhiều năm qua, còn về mặt số lượng phân bón/đơn vị diện tích thì cũng tăng lên, chủ yếu số lượng phân bón tăng lên là do các hộ chú ý đầu tư thâm canh tăng vụ, tăng năng suất cây trồng, các loại cây trồng mới yêu cầu mức độ đầu tư cao hơn nhiều so với cây trồng cũ. Mặt khác trước đây nhiều hộ sử dụng phân chuồng nhưng hiện nay các hộ đã dùng phân hoá học thay thế nhiều do vậy làm chi phí tăng lên. Việc tăng thêm vụ sản xuất trong năm cũng là nhân tố làm cho chi phí sản xuất của các hộ tăng lên.

Qua điều tra thì hầu hết các hộ sau khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng đều thuê thêm lao động, thuê máy móc trong tất cả các khâu từ làm đất cho tới thu hoạch. Trước đây các hộ tận dụng lao động gia đình vì thời gian nông nhàn nhiều nếu thuê máy móc, lao động thì thu nhập mang lại là rất thấp. Vấn đề dịch vụ trong tất cả các khâu sản xuất từ khâu chọn giống cho đến khâu thu hoạch chỉ được các hộ quan tâm ở mức độ trung bình. Sau chuyển đổi các dịch vụ được nâng cao và theo xu hướng tiết kiệm thời gian lao động, sức lao động, tăng năng suất cây trồng. Thời gian lao động sau chuyển đổi đều tăng hơn so với trước, vì vậy sử dụng máy móc sẽ giảm bớt sức lao động. Sau chuyển đổi các công đoạn trước đây mất nhiều thời gian lao động như các khâu làm đất, gieo trồng, vận chuyển...thì nay với hệ thống giao thông thuận lợi hơn, áp dụng cơ giới hoá vào sản xuất thì công lao động giảm đi đáng kể.

Qua kết quả phỏng vấn về chi phí sản xuất của các nông hộ, chúng tôi tiến hành quy đổi ra cùng một đơn vị so sánh để biểu hiện rõ được những sự

thay đổi về các khoản chi phí sản xuất của các hộ do tác động của chuyển đổi cơ cấu cây trồng mà ít chịu tác động của lạm phát trong những năm qua nhất. Tình hình chi phí sản xuất được tổng hợp, thể hiện qua bảng 4.18.

Bảng 4.18: So sánh chi phí sản xuất của một số mô hình trước và sau chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở các hộ điều tra

Mô hình chuyển đổi	CPVC (ng.đ)	CPDV (ng.đ)	Công LĐ (công)
Trước chuyển đổi			
Lúa xuân – lúa mùa – ngô	1.107,27	434,54	19,54
Lúa xuân – lúa mùa – khoai lang	982,35	436,25	18,58
Dưa bở – dưa hấu	782,22	102,50	15,56
Sau chuyển đổi			
Lúa xuân – lúa mùa – bí ngô	1.059,44	405,88	15,80
Lúa xuân – lúa mùa – dưa bao tử	1.696,05	458,03	30,10
Dưa bao tử – đậu tương – khoai tây	1.806,42	242,85	25,64
Dưa lê – đậu tương – rau	1.329,37	251,33	26,03
Đậu tương – dưa lê – cà chua	1.878,01	110,12	29,40

(Nguồn: tổng hợp điều tra)

Trong 3 mô hình sau chuyển đổi thì mô hình dưa lê – đậu tương – rau có khoản chi phí đầu tư thấp nhất, tuy hiệu quả mang lại là không cao nhưng phù hợp với những hộ có khả năng đầu tư ít như hộ nghèo và hộ trung bình. Trước đây trên đất màu chỉ có 2 vụ nên các hộ tranh thủ được thời gian và thường làm đất bằng cày cuốc thủ công. Tuy nhiên hiện nay các hộ đầu tư thâm canh tăng vụ cho nên để kịp thời vụ sản xuất, giảm công lao động để lao động có thời gian làm việc khác, làm cho đất bằng dễ canh tác... nhiều hộ có xu hướng thuê nhiều hơn. Vì vậy sau chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhiều hộ đã đầu tư mua máy làm đất vừa thực hiện cho gia đình mình vừa tăng thu nhập khi tranh thủ làm thuê vào những lúc chính vụ cho nhiều hộ trong vùng.

Thị trường đầu ra

Tại địa phương quá trình chuyển đổi CCCT mới được thực hiện, cho nên việc tìm thị trường đầu ra cũng còn nhiều khó khăn. Các mối liên kết giữa doanh nghiệp và người nông dân còn lỏng lẻo, gần như là chưa được hình thành. Hầu hết, các hộ dân đề bán sản phẩm thông qua thương lái nên giá cả thường không ổn định và còn bị ép giá, gây thiệt hại cho người nông dân.

4.1.6.3 Ý kiến của người dân khi thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm tạo điều kiện phát triển nền nông nghiệp có sức cạnh tranh, giúp người sản xuất khai thác, sử dụng đất hiệu quả, tăng năng suất, chất lượng cây trồng; nâng cao hiệu quả kinh tế, mang lại thu nhập cao. Tuy nhiên khi thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng cần căn cứ vào điều kiện tình hình thực tế tại địa phương, thực trạng sản xuất của hộ, xuất phát từ nhu cầu nguyện vọng của nhân dân thì mới đạt kết quả cao.

Khi đánh giá sự thành công hay thất bại của việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở một địa phương thì ý kiến của nhân dân tại địa phương ấy là căn cứ quan trọng nhất đánh giá mức độ phù hợp hay không của nó. Qua trao đổi với các hộ điều tra thì có trên 80% số hộ cho rằng chuyển đổi cơ cấu cây trồng đã mang lại hiệu quả.

Tuy nhiên, theo ý kiến đánh giá của các hộ được điều tra thì sau khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn tồn tại nhiều khó khăn trong sản xuất, hầu hết các hộ đều cho rằng vốn sản xuất, thiên tai bất thường, sâu bệnh dễ bùng phát lây lan, giá cả vật tư cao trong khi giá các đầu ra thấp, sản phẩm tiêu thụ khó khăn. Ngoài ra một số hộ còn cho rằng KHKT mới vẫn khó tiếp cận, giao thông thủy lợi còn chưa đáp ứng hết nhu cầu sản xuất.

Bảng 4.19: Ý kiến đánh giá của người dân về chuyển đổi cơ cấu cây trồng

Chi tiêu	Nhóm hộ					
	Khá		Trung bình		Nghèo	
	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)
Có hiệu quả	21	87,50	30	90	3	100
Không hiệu quả	1	4,67	0	0	-	-
Không thay đổi	2	8,33	3	10	-	-

(Nguồn: Tổng hợp điều tra hộ nông dân)

4.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở các hộ nông dân

4.2.1 Yếu tố tự nhiên

Như chúng ta đã biết, đất đai là tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thay thế được trong sản xuất nông nghiệp. Đất đai của xã tương đối lớn, trong đó đất sản xuất nông nghiệp chiếm khoảng 68% tổng diện tích đất tự nhiên. Đất ở đây chủ yếu là đất pha cát và đất thịt nên thích hợp trồng nhiều loại cây. Bên cạnh đó, quá trình dồn điền đổi thửa ở địa phương đã thực hiện xong nên tạo điều kiện hình thành vùng sản xuất hàng hóa, tập trung. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển đổi do có sự xáo trộn về diện tích đất, các cuộc họp dân được tổ chức nên có nhiều ý kiến tranh luận, gây ảnh hưởng lớn đến tiến độ chuyển đổi. Bên cạnh đó, hiện nay phần lớn các hộ nông dân dùng phân vô cơ để bón cho cây trồng, vừa làm tăng chi phí sản xuất và lại làm giảm độ mùn, xốp của đất.

Khí hậu ở đây có hai mùa nóng và lạnh rõ rệt, thiên tai xảy ra không đồ bộ trực tiếp mà chỉ bị ảnh hưởng nên cũng hạn chế được phần nào rủi ro do thiên tai gây ra. Quá trình lưu thông hàng hóa cũng phần nào bị hạn chế, do địa bàn xã không gần trung tâm của huyện (cách khoảng 4 km). Đây cũng là hạn chế đối với việc tiếp cận khoa học kỹ thuật cũng như cung ứng giống, vật

tư phục vụ sản xuất nông nghiệp một cách nhanh chóng.

4.2.2 Yếu tố kinh tế - kỹ thuật

4.2.2.1 Nhân tố lao động

Nguồn lao động

Lực lượng lao động là yếu tố hết sức quan trọng quyết định đến mọi quá trình trong sản xuất. Qua điều tra cho thấy, số lao động làm nông nghiệp ở các hộ là khá lớn. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu sử dụng lao động gia đình, vì thế nên hộ nào có nhiều lao động thì sẽ giảm được số lao động đi thuê, tiết kiệm được chi phí sản xuất. Từ đó cho thấy, lao động dồi dào sẽ tạo điều kiện cho quá trình chuyển đổi diễn ra nhanh hơn. Kết quả được thể hiện ở bảng dưới.

Bảng 4.20: Tình hình lao động ở các hộ điều tra

Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ nông dân		
		Thôn Phạm Xá	Thôn Kim Phương	Thôn Phù Oanh
1. Tổng số hộ	Hộ	30	15	15
2. Số nhân khẩu BQ/hộ	Người	4,2	4,0	3,93
3. Số LĐNN BQ/hộ	Người	2,5	2,4	2,4

(Nguồn: tổng hợp điều tra)

Trình độ chủ hộ

Trình độ của chủ hộ là nhân tố có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Qua khảo sát cho thấy trình độ của chủ hộ chủ yếu là tiểu học và trung học cơ sở nên việc tiếp thu khoa học kỹ thuật có phần hạn chế. Vì trình độ thấp nên có hộ khó có thể thực hiện theo những kiến thức đã được tập huấn, cho nên việc chuyển đổi chưa đạt hiệu quả cao.

Tuổi bình quân của các hộ cũng khá cao, điều đó cũng ảnh hưởng không nhỏ tới việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tuổi của người dân cao làm cho việc tiếp thu cũng chậm hơn, việc thực hiện chuyển đổi khó khăn hơn.

Bảng 4.21: Thông tin cơ bản về các hộ điều tra

Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng số		Hộ nông dân					
				Thôn Phạm Xá		Thôn Kim Phương		Thôn Phù Oanh	
		SL	CC (%)	SL	CC (%)	SL	CC (%)	SL	CC (%)
1. Tổng số hộ	Hộ	60	100	30	50	15	25	15	25
2. Tuổi BQ chủ hộ	Tuổi			47,63		48,72		46,74	
3. Trình độ chủ hộ									
- Cấp I	Người	18	30	5	27,78	7	38,89	6	33,33
- Cấp II	Người	39	65	23	58,97	8	20,52	8	20,52
- Cấp III	Người	3	5	2	66,67			1	33,33
4. Tình hình kinh tế hộ									
- Tỷ lệ hộ khá	%	40		45,83		25		29,17	
- Tỷ lệ hộ trung bình	%	55		51,52		24,24		24,24	
- Tỷ lệ hộ nghèo	%	5		66,67		33,33			

(Nguồn: tổng hợp điều tra)

Số hộ khá và hộ trung bình chiếm tỷ lệ lớn (khoảng 95%), đây cũng là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy quá trình chuyển đổi. Vì nếu khả năng về kinh tế của hộ hạn chế thì việc đầu tư thâm canh cũng sẽ bị ảnh hưởng rất lớn.

Ngoài ra, tập quán canh tác của từng hộ cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện chuyển đổi. Hầu hết, dân địa phương có tập quán sản xuất theo kinh nghiệm, theo phong trào, chưa có sự định hướng rõ ràng nên hiệu quả kinh tế chưa cao. Một số thông tin cơ bản của các hộ điều tra được thể hiện ở bảng 4.21.

Năng lực của cán bộ quản lý

Đội ngũ cán bộ quản lý đóng vai trò quan trọng trong việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện chuyển đổi. Theo kết quả nghiên cứu, khoảng 80% hộ dân biết đến thông tin về việc thực hiện chuyển đổi CCCT thông qua các cán bộ chính quyền địa phương và cán bộ khuyến nông.

Bảng 4.22: Trình độ của các cán bộ địa phương

	Đơn vị tính	Các cán bộ xã	Các cán bộ thôn
1. Số lượng	Người	4	3
2. Tuổi trung bình	Tuổi	47,5	49,3
3. Trình độ			
- Đại học		0	—
- Cao đẳng - trung cấp		3	1
- Sơ cấp		1	2
- Không		0	—

(Nguồn: Theo số liệu điều tra cán bộ xã)

Qua điều tra cho thấy hầu hết các cán bộ xã và cán bộ thôn đều chỉ đạt trình độ cao đẳng trung cấp và sơ cấp, điều đó cho thấy sự hạn chế về trình độ cũng như chuyên môn của các cán bộ quản lý cũng sẽ làm ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện chuyển đổi. Bên cạnh đó, tuổi bình quân của các cán bộ là khá

cao nên quá trình tiếp thu và truyền đạt thông tin có phần hạn chế.

4.2.2.2 Hỗ trợ từ phía chính quyền địa phương

Nguồn vốn hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi được lấy từ ngân sách của huyện. Trong quá trình thực hiện chuyển đổi, huyện đều bố trí kinh phí hỗ trợ tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật cho nông dân, kinh phí trình diễn, khảo nghiệm một số mô hình có năng suất, chất lượng cao, kinh phí để nâng cấp và sửa chữa lại hệ thống thủy lợi. Ngoài ra, các cơ quan chuyên môn của huyện, một số địa phương phối hợp với một số viện nghiên cứu giống cây trồng, công ty cung ứng giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón... giới thiệu, chuyển giao kỹ thuật thâm canh lúa, cây màu cho nông dân. Tuy nhiên, các lớp tập huấn phổ biến, chuyển giao cho người dân về kỹ thuật sản xuất thường diễn ra trong thời gian ngắn khoảng 3, 4 giờ đồng hồ và nội dung tập huấn thì không có gì mới so với những lần tập huấn trước đó, chủ yếu là các công ty giới thiệu, quảng bá sản phẩm của mình, nội dung hướng dẫn kỹ thuật không có gì mới mẻ nên không có khả năng thu hút được nhiều người dân tham gia. Một thực tế diễn ra hiện nay là việc thiếu chính sách hỗ trợ, hoặc có chính sách nhưng không ổn định, kéo dài khiến cho công tác chuyển đổi gặp khó khăn.

4.2.2.4 Cơ sở hạ tầng

Trong thời gian vừa qua, hệ thống cơ sở hạ tầng của xã đã được nâng cấp, hoàn thiện hơn. Đặc biệt là xây dựng, mở rộng hệ thống thủy lợi, các kênh mương được kiên cố, bê tông hóa và hiện tại đang tiếp tục kiên cố hóa kênh mương nội đồng để tiết kiệm nước và chủ động tưới tiêu. Đây là điều kiện tốt để thâm canh tăng vụ, nâng cao năng suất chất lượng sản xuất của người nông dân. Tuy đã được nâng cấp và xây dựng một số kênh mương các loại nhưng ngân sách còn hạn hẹp nên còn nhiều khó khăn. Xã cần sự hỗ trợ của tỉnh, huyện cũng như của nhân dân để phát triển kênh mương tốt hơn nữa.

Bảng 4.23: Khối lượng giao thông thủy lợi nội đồng được mở rộng nâng cấp và đắp mới trong năm 2014

Diễn giải	Độ dài tuyến (m)
* 45 tuyến đường nội đồng	23.030
- Đường sỏi (đá)	8.230
- Đường đất	14.800
* 40 tuyến kênh mương	25.415
- Kênh cứng	6.500
- Kênh đất	18.915

(Nguồn: UBND xã Minh Tiến)

4.2.2.5 Thị trường

Thị trường tiêu thụ nông sản có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình sản xuất của người nông dân. Giá cả các loại nông sản thường xuyên biến động, nông dân thì có thói quen chạy theo xu hướng, chuyển đổi theo phong trào nên ảnh hưởng rất lớn đến quá trình tiêu thụ sản phẩm. Trên địa bàn xã đã xây dựng cơ sở làm dịch vụ về giống, vật tư nông nghiệp để giảm bớt kinh phí trong quá trình tìm mua giống, vật tư giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm và cung ứng giống, vật tư nông nghiệp. Tuy nhiên, công tác dự báo, nắm bắt các thông tin về thị trường trên địa bàn xã chưa thực sự được quan tâm chặt chẽ. Cách thức truyền đạt thông tin tới hộ dân còn hạn chế chưa thực sự đa dạng và phong phú nên hiệu quả đem lại chưa cao. Bên cạnh đó, các cơ sở thu mua nông sản tại địa phương còn ít, hầu hết người nông dân bán sản phẩm qua thương nên thường bị ép giá vào những vụ thu hoạch rộ, điều này đã làm giảm lợi nhuận của người nông dân.

4.2.2.6 Vốn

Vốn là một nhân tố quan trọng góp phần vào việc thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Nguồn vốn của hộ nông dân được hình thành từ hai nguồn chủ yếu là vốn tự có và đi vay. Qua điều tra cho thấy, các hộ sử dụng chủ yếu

nguồn vốn tự có để chuyển đổi chiếm khoảng trên 80%. Điều đó cho thấy khả năng tích tụ và tập trung vốn của đại bộ phận các hộ nông dân tại địa phương cũng khá cao, từ đó sẽ thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi CCCT. Bên cạnh đó, nhiều hộ có nhu cầu vay vốn để đầu tư thâm canh nhưng có nhiều vấn đề tồn tại trong khi vay vốn tại các ngân hàng, cho nên nhiều hộ cũng không muốn vay mà sử dụng vốn vay từ bên ngoài.

Bảng 4.24: Tình hình nguồn vốn ở các hộ điều tra

Chỉ tiêu	Thôn Phạm Xá		Thôn Kim Phương		Thôn Phù Oanh	
	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)	SL (hộ)	CC (%)
Vốn tự có	25	83,33	13	86,67	12	80
Vốn vay	5	16,67	2	13,33	3	20

(Nguồn: số liệu điều tra)

4.2.2.7 Khoa học công nghệ

Trong thời gian qua, cùng với quá trình chuyển đổi xã đã đưa vào gieo trồng nhiều loại giống mới có chất lượng, mang lại hiệu quả cao. Nhiều hộ nông dân đã đầu tư mua thêm máy móc để phục vụ cho việc sản xuất. Tại địa phương đã tăng cường mở thêm các lớp tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật đến với người nông dân. Tuy nhiên, số lượng người đến tham gia tập huấn vẫn còn hạn chế nên chưa thực sự mang lại hiệu quả. Ngoài ra, nhận thức của người dân còn hạn chế do trình độ học vấn của họ không cao, theo số liệu điều tra, tỷ lệ người học tiểu học chiếm 30%. Người học THCS chiếm 65%, trình độ học cao đẳng đại học gần như là không có cho thấy trình độ dân trí của họ còn rất thấp nên khả năng tiếp thu còn gặp nhiều khó khăn.

4.2.3 Chính sách vĩ mô của Nhà nước

Thời gian qua, tại địa phương đã thực hiện chủ trương của Nhà nước về chuyển đổi đất, dồn điền đổi thửa để đầu tư thâm canh sản xuất. Nhà nước cũng ban hành nhiều chính sách như chính sách tín dụng miễn thuế nông

nghiệp tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp phát triển. Tuy nhiên những chính sách đó chưa thực sự đến được với người dân và còn bộc lộ nhiều hạn chế như: thủ tục rườm rà, lượng vốn cho vay còn ít, lãi suất cao, thời gian thu hồi vốn nhanh.

4.3 Một số giải pháp thúc đẩy việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng

4.3.1 Giải pháp về thị trường

- Tăng cường công tác dự báo, thông tin về thị trường đến với người dân một cách nhanh chóng, kịp thời.

- Tích cực tìm kiếm các mối liên kết với các doanh nghiệp chế biến bao tiêu sản phẩm nông nghiệp cho các hộ nông dân và các thành phần kinh tế các chính sách bảo hộ để khuyến khích nông dân sản xuất hàng hóa.

4.3.2 Giải pháp về công nghệ

Tiếp tục mở thêm các lớp tập huấn về chuyển giao KHKT đến với người dân. Thay đổi về hình thức truyền đạt, nội dung giữa các lần tập huấn để thu hút được nhiều người dân đến tham gia.

4.3.3 Giải pháp về lao động

Nâng cao trình độ, kiến thức của các cán bộ quản lý, có kế hoạch nhận thêm các cán bộ trẻ có năng lực để tiếp tục bồi dưỡng và kế cận cho các cán bộ đã nghỉ hưu. Về phía người dân cần tích cực tham gia học hỏi, tham gia các lớp tập huấn để nâng cao kỹ năng sản xuất.

4.3.4 Giải pháp về cơ sở hạ tầng

Tích cực huy động thêm nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân. Nguồn vốn hạn hẹp nên khi có vốn thì cần đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông, hệ thống kênh mương, tránh đầu tư dàn trải, gây lãng phí.

4.3.5 Giải pháp về đất đai

Sau chuyển đổi ruộng đất không thể không diễn ra sự xáo trộn nhất định về đất đai, vì vậy nơi nào chuyển đổi xong cần tiến hành vẽ lại bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nông dân yên tâm, có

thể thế chấp vay vốn phát triển sản xuất.

Tích cực khuyến cáo nông dân nên dùng phân hữu cơ để bón cho cây trồng, vừa tiết kiệm được chi phí mà còn tăng độ phì của đất.

4.3.6 Giải pháp về chính sách tín dụng

Trước yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, yêu cầu của quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng và cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tổ chức tín dụng, ngân hàng cần có những chính sách mới phù hợp và thiết thực hơn. Tăng lượng vốn vay, thời gian cho vay, cải cách thủ tục hành chính. Về phía người đi vay cần có đề án sản xuất cụ thể, sử dụng vốn vay đúng mục đích và có hiệu quả.

PHẦN V: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

5.1 Kết luận

Phát triển nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa trong nền kinh tế thị trường thì việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng là một yêu cầu cấp thiết và khách quan phù hợp với quy luật phát triển kinh tế hiện nay. Thực hiện tốt vấn đề này sẽ tạo điều kiện để tạo ra sản phẩm hàng hóa đa dạng, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm cây trồng tăng hiệu quả kinh tế phát huy tiềm năng của đất đảm bảo phục vụ nhu cầu tiêu dùng cung cấp nguồn nhiên liệu chế biến và đưa ra thị trường xuất khẩu.

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng đã đem lại những sự thay đổi lớn trong lĩnh vực trồng trọt của xã Minh Tiến. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng ngoài việc tăng sản lượng, chất lượng cây trồng còn góp phần quy hoạch, cải tạo lại hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng thuận tiện cho sản xuất nông nghiệp. Từ đó làm tăng hiệu quả sử dụng đất, nâng cao thu nhập cho người nông dân, phát triển kinh tế nông hộ trên địa bàn.

Bên cạnh đó có nhiều yếu tố gây ảnh hưởng đến quá trình thực hiện chuyển đổi CCCT như: yếu tố tự nhiên, yếu tố khoa học – kỹ thuật, các chính sách vĩ mô của Nhà nước. Các yếu tố này không dễ dàng có thể thay đổi được trong một thời gian ngắn. Vì vậy, việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng còn gặp những khó khăn, tồn tại do điều kiện về thị trường đầu ra, về đất đai, thời tiết khí hậu, về tài chính, về nhận thức và trình độ của một bộ phận cán bộ và quần chúng nhân dân...

5.2 Một số khuyến nghị

5.2.1 Đối với Nhà nước

- Cải tiến, chỉnh sửa lại hồ sơ vay vốn đơn giản, gọn nhẹ, thời gian hoàn vốn chậm, lãi suất ưu đãi. Phải có chính sách thu hút nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế trong và ngoài nước cũng như thu hút nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân.

- Cần triển khai quyết liệt hơn nữa các chính sách hỗ trợ người nông dân xây dựng thương hiệu sản phẩm, tăng sức cạnh tranh, quảng bá tiếp thị, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng; khuyến khích các doanh nghiệp ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm, hỗ trợ những vùng có diện tích chuyển đổi lớn, tập trung và ổn định.

- Trong các chuỗi giá trị nông sản, việc đầu tư vào khâu chế biến và bảo quản vẫn còn hạn chế nên giá trị gia tăng của các sản phẩm nông nghiệp chưa cao, do đó cần phát triển hệ thống kho bãi lưu trữ, vận chuyển, chính sách và cơ chế thu mua tạm trữ, phát triển công nghiệp chế biến nông sản.

5.2.2 Đối với địa phương

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, tư vấn cho các hộ nông dân trên địa bàn về kỹ thuật sản xuất; xây dựng các mô hình trình diễn có chất lượng, tổ chức tham quan mô hình sản xuất giỏi...nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất cho các hộ nông dân, giúp các hộ nâng cao năng suất, tăng thu nhập.

- Hỗ trợ các hộ nông dân về giống, phân bón, công nghệ, vốn, nâng cao kỹ năng sản xuất nông nghiệp. Cải tạo hệ thống giao thông, tu sửa hệ thống thủy lợi nội đồng ở những vùng sản xuất tập trung; hỗ trợ công tác thông tin thị trường.

- Đẩy mạnh công tác khuyến nông, chú trọng đến việc xây dựng một mạng lưới khuyến nông vững mạnh từ xã đến thôn, thành lập mới các Câu lạc bộ khuyến nông để cùng chia sẻ kinh nghiệm làm ăn ...

5.2.3 Đối với hộ nông dân

- Các hộ nông dân cần tiếp thu KHKT tiên bộ, nâng cao nhận thức về sản xuất hàng hoá, kiến thức về thị trường.

- Tích cực trao đổi, tham quan các mô hình sản xuất giỏi, đúc rút kinh nghiệm trong sản xuất; tham gia các khoá tập huấn, hội nghị, hội thảo tại địa phương...

- Tuân thủ các nguyên tắc sử dụng đất, bảo đảm môi trường nông thôn bền vững, giảm hoá chất độc hại trong sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Từ sách

1. Lê Trọng Cúc, Trần Đức Viên (1995) “ *Phát triển hệ thống canh tác* ” NXB Nông Nghiệp Hà Nội.
2. Lý Nhạc, Phùng Đăng Chinh, Dương Hữu Tuyền (1987) “ *Canh tác học* ” NXB Nông Nghiệp Hà Nội.
3. Phạm Chí Thành (1996) “ *Hệ thống nông nghiệp* ” NXB Nông nghiệp Hà Nội.
4. Lê Đình Thắng (1993) “ *Phát triển kinh tế hộ theo hướng sản xuất hàng hóa*” NXB Nông Nghiệp Hà Nội.
5. Nguyễn Duy Tính (1995) “ *Nghiên cứu hệ thống cây trồng vùng đồng bằng sông hồng và bắc trung bộ* ” NXB nông nghiệp Hà Nội.
6. Đào Thế Tuấn (1997) “ *Kinh tế hộ nông dân* ” NXB chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
7. Đào Thế Tuấn (1984) “ *Cơ sở khoa học để xác định cơ cấu cây trồng hợp lý*” NXB nông nghiệp Hà Nội.
8. Frank Ellis (1993) “ *Kinh tế hộ gia đình nông dân và phát triển nông nghiệp*” NXB Nông nghiệp, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Báo cáo

9. UBND xã Minh Tiến. “ Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2012 và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 ”.
10. UBND xã Minh Tiến. “ Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 ”.
11. UBND xã Minh Tiến. “ Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2014 và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 ”

3. Nguồn internet

12. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2014). “ Quyết định phê duyệt quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa giai đoạn

- 2014 – 2020 ”. Có thể download tại <http://thuvienphapluat.vn/archive/Quyết-dinh-3367-QĐ-BNN-TT-2014-chuyen-doi-co-cau-cay-trong-lua-2014-2020_vb242613.aspx>, ngày truy cập 21/04/2015.
13. Nguyễn Văn Hậu (2010). “ Đánh giá ảnh hưởng của chuyển đổi hệ thống cây trồng đến hiệu quả sử dụng đất trên địa bàn huyện Sóc Sơn thành phố Hà Nội ”. Có thể download tại <<http://www.zbook.vn/ebook/danh-gia-anh-huong-cua-chuyen-doi-he-thong-cay-trong-den-hieu-qua-su-dung-dat-tren-dia-ban-huyen-soc-son-thanh-pho-ha-46274/>>, ngày truy cập 15/05/2015.
14. Ngô Quang Hưng (2013). “ Định hướng và giải pháp chuyển dịch cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang sản xuất nông thủy sản khác ở xã Phương Tú, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Nội ”. Có thể download tại <<http://123doc.org/document/292247-dinh-huong-va-giai-phap-chuyen-dich-co-cau-cay-trong-tren-dat-trong-lua-sang-san-xuat-nong-thuy-san-khac-o-xa-phuong-tu-ung-hoa-ha-tay.htm>>, ngày truy cập 04/02/2015.
15. Ths. Nguyễn Như Liên (2013). “ Một số giải pháp chuyển đổi cơ cấu cây trồng phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp ”, ngày đăng 18/10/2013. Có thể download tại <http://khuynongthaibinh.vn/Tin-Tuc/Le-ft01/238_MOT-SO-GIAI-PHAP-CHUYEN-DOI-CO-CAU-CAY-TRONG-PHUC-VU-TAI-CO-CAU-NGANH-NONG-NGHIEP>, ngày truy cập 18/04/2015.
16. Nguyễn Thị Liên (2010). “ Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với vùng đất ven biển huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa ”. Có thể download tại <<http://123doc.org/document/782025-nghien-cuu-chuyen-doi-co-cau-cay-trong-phu-hop-voi-vung-dat-ven-bien-huyen-hau-loc-tinh-thanh-hoa.htm>>, ngày truy cập 02/05/2015.
17. Phạm Văn Nhung (2015). “ Chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam ”. Có thể download tại

- <<http://123doc.org/document/575964-de-tai-tot-nghiep-chuyen-doi-co-cau-cay-trong.htm>>, ngày truy cập 15/02/2015.
18. Hoàng Thị Phương (2008). “ Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng để góp phần nâng cao thu nhập cho người dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang ”. Có thể download tại <<http://123doc.org/document/504242-nghien-cuu-chuyen-doi-co-cau-cay-trong-de-gop-phan-nang-cao-thu-nhap-cho-nong-dan-huyen-hiep-hoa-tinh-bac-giang.htm>>, ngày truy cập 21/05/2015.
 19. Hồng Thắng (2015). “ Định hướng thực hiện tái cơ cấu ngành trồng trọt ”. Có thể download tại < <http://sonnptnt.backan.gov.vn/Pages/trang-chu-126/bac-kan-dinh-huong-thuc-hien-f7c85f91ed355ffe.aspx>>, ngày truy cập 15/05/2015.
 20. CN. Nguyễn Thị Thuận (2008). “ Mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tại xã Cổ Dũng, Kim Thành, ngày đăng 25/12/2008. Có thể download<http://haiduongdost.gov.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=664:mo-hinh-chuyn-i-c-cu-cay-trng-vt-nuoi-ti-xa-c-dng-kim-thanh&catid=103:lvnn&Itemid=165>, ngày truy cập 20/02/2015.
 21. Nguyễn Hữu Sáng (2009). “ Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa tại huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa ”. Có thể download tại <<http://www.zbook.vn/ebook/ngghien-cuu-chuyen-doi-co-cau-cay-trong-theo-huong-san-xuat-hang-hoa-tai-huyen-dong-son-tinh-thanh-hoa-45508/>>, ngày truy cập 13/05/2015.

PHỤ LỤC
PHIẾU ĐIỀU TRA NÔNG HỘ

Ngàytháng.....năm 2014

Họ tên chủ hộ: Ông(bà).....

Giới tính:..... Tuổi.....

Địa chỉ: Thôn....., xã Minh Tiến, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên

Học vấn:

Cấp I: Cấp II: Cấp III:

Ông (bà) vui lòng cho biết:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1.1 Hộ ông (bà) là hộ:

Giàu: Khá: Trung bình: Nghèo:

1.2 Tổng số nhân khẩu trong hộ:.....người

1.3 Số lao động nông nghiệp trong hộ:.....người

1.4 Nguồn vốn sử dụng để chuyển đổi

Vốn tự có: Vốn vay:

II. TÌNH HÌNH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG CỦA HỘ

2.1 Tình hình đất nông nghiệp của hộ.

Chỉ tiêu	Trước CĐCCCT		Sau CĐCCCT	
	Diện tích (m ²)	Cơ cấu(%)	Diện tích (m ²)	Cơ cấu(%)
I.Đất sản xuất NN				
1. Đất trồng lúa				
2. Đất trồng màu				
3.Đất lúa-màu				
4. Đất trồng cây lâu năm				

2.2 Các mô hình chuyển đổi chủ yếu hộ ông (bà) áp dụng

Công thức luân canh trước chuyển đổi				Công thức luân canh hiện tại			
Công thức	Diện tích (m ²)	Năng suất (kg/sào)	GTSL (tr.đ)	Công thức	Diện tích (m ²)	Năng suất (kg/sào)	GTSL (tr.đ)

2.3 Hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích một số loại cây trước và sau CĐCCCT

ĐVT:1.000đ

Trước CĐCCCT				Sau CĐCCCT			
Loại cây	Tổng thu	Tổng chi	Lãi	Loại cây	Tổng thu	Tổng chi	Lãi

2.4 Nguồn thu từ trồng trọt của hộ năm 2014

ĐVT: triệu đồng

Loại cây	Tổng thu	Tổng chi	Lãi

- Thu nhập của các loại cây trên của hộ ông (bà) thay đổi so với trước chuyển đổi cơ cấu cây trồng là bao nhiêu %?

2.5 Mức độ đầu tư sản xuất của hộ ông (bà) thay đổi như thế nào?

- Tư liệu sản xuất của gia đình ông (bà) trước và sau chuyển đổi thay đổi như thế nào ở các loại sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Trước	Sau
Máy tuốt			
Máy làm đất			
Máy cày, bừa			
Máy bơm trong sx NN			
Máy gặt			

2.6 Chi phí sản xuất của các mô hình thay đổi như thế nào giữa trước và sau chuyển đổi?

Chỉ tiêu	2009		2014	
Chi phí vật chất (Ngđ)				
Chi phí dịch vụ (Ngđ)				
Công lao động (công)				

2.7 Ông (bà) thấy:

2.7.1 CĐCCCT có thực sự mang lại hiệu quả cho sản xuất của hộ ông (bà)?

- a. Có
- b. Không
- c. Không thay đổi

2.7.2 Chuyển đổi cơ cấu cây trồng có thích hợp thực hiện với địa phương

không?

a. Có

b. Không

2.7.3 Sau khi chuyển đổi cơ cấu cây trồng thì ông (bà) thấy có những thuận lợi và khó khăn gì ?

a. Những thuận lợi :

.....
.....
.....
.....

b. Những khó khăn :

.....
.....
.....
.....

c. Ông (bà) có ý kiến gì khác không?

.....
.....

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN ÔNG (BÀ)!

PHIẾU ĐIỀU TRA CÁN BỘ QUẢN LÝ

Họ và tên cán bộ:

Tuổi:

Chức vụ:

Trình độ:

1. Đại học
2. Cao đẳng – trung cấp
3. Sơ cấp
4. Không